



CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁ XÂY DỰNG

Số 2A/55 Nguyễn Ngọc Nại, Thanh Xuân, Hà Nội



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG PHẦN MỀM

QUYẾT TOÁN GXD



LỜI MỞ ĐẦU

Sau hoạt động đấu thầu, ký hợp đồng và tổ chức thi công thì *thanh toán, quyết toán giá trị khối lượng hoàn thành* là hoạt động gắn liền với nguồn vốn – sự tồn tại của mỗi doanh nghiệp, nhà thầu thi công xây lắp. Bên cạnh đó, thanh quyết toán vốn đầu tư xây dựng cũng liên quan trực tiếp đến việc kết thúc xây dựng, hoàn thành dự án của chủ đầu tư, người quyết định đầu tư và các cơ quan quản lý Nhà nước.

Đến hết năm 2012, tổng hợp sơ bộ số liệu cả nước có khoảng 15.000 dự án chưa quyết toán. Thực trạng này xuất phát từ nhiều nguyên nhân. Một trong số những nguyên nhân đó là khó khăn trong công tác lập hồ sơ thanh toán và quyết toán. Một công trình, một gói thầu xây lắp thường có rất nhiều đầu việc. Để lập và quản lý hồ sơ thanh toán giai đoạn và hồ sơ quyết toán hoàn thành cho một công trình là công việc với khối lượng rất lớn đòi hỏi cả kiến thức chuyên môn và độ chính xác. Người được phân công thực hiện lập hồ sơ thanh quyết toán chưa có một công cụ hữu hiệu để thực hiện công việc, cũng chưa được đào tạo bài bản để làm việc này, hầu hết là tự nghiên cứu hoặc được hướng dẫn theo kiểu truyền tay, làm đến đâu tìm hiểu đến đó, phát hiện sai đến đâu thì chỉnh sửa đến đó.

Hiểu được khó khăn trên, công ty Giá Xây Dựng đã nghiên cứu phát triển và cho ra đời một công cụ hỗ trợ đắc lực cho công tác thanh quyết toán đó là **Phần mềm Quyết toán GXD**. Cùng với việc nghiên cứu, phát triển phần mềm Quyết toán GXD, từ năm 2011, Công ty Giá Xây Dựng, đã triển khai nhiều khóa đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ thực hành làm hồ sơ thanh quyết toán. Theo quá trình, tài liệu và chương trình đào tạo liên tục được sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện. Đến nay hệ thống lý thuyết và các bài tập thực hành đã được đúc kết thành giáo trình hoàn chỉnh. Đến thời điểm này, đây là các tài liệu đào tạo thực hành với số liệu cụ thể, chuyên nghiệp và đầu tiên tại Việt Nam.

Phần mềm với những tính năng được giới thiệu dưới đây sẽ giúp cán bộ lập hồ sơ và quản lý hồ sơ thanh quyết toán giải quyết khối lượng công việc đồ sộ của mình với độ chính xác và thời gian ngắn nhất. Chúng tôi kỳ vọng rằng Quyết toán GXD sẽ là công cụ được ưa chuộng của Nhà thầu, Chủ đầu tư, Kiểm toán, Kho bạc, người quyết định đầu tư... để dùng vào công việc hoàn thiện hồ sơ, kết thúc xây dựng, đưa dự án vào vận hành.

Phần mềm Quyết toán GXD và những tính năng hữu ích:

- Lập giá dự thầu theo Thông tư 03/2015/TT-BKHĐT.
- Khôi phục biểu giá hợp đồng.
- Hỗ trợ và quản lý hồ sơ thanh toán, hoàn thành biểu mẫu *Phụ lục 03.a*, *Phụ lục 04* theo Thông tư số 86/2011/TT-BTC và Thông tư 08/2016/TT-BTC Quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn ngân sách Nhà nước.
- Hỗ trợ lập và quản lý hồ sơ quyết toán hợp đồng xây dựng.

Bạn có thể yên tâm là phần mềm Quyết toán GXD sẽ liên tục được phát triển để đáp ứng ngày càng tốt yêu cầu của công tác lập và quản lý hồ sơ thanh quyết toán.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. PHƯƠNG PHÁP LẬP HỒ SƠ THANH QUYẾT TOÁN	5
I. CĂN CỨ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THANH QUYẾT TOÁN HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG	5
1. Các văn bản quy định	5
2. Giải thích từ ngữ liên quan.....	5
2.1. Hợp đồng xây dựng.....	5
2.2. Phụ lục của hợp đồng xây dựng.....	6
2.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	6
2.4. Tạm ứng hợp đồng xây dựng	6
2.5. Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng.....	6
2.6. Giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng	6
2.7. Thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành.....	6
2.8. Phát sinh trong hợp đồng	6
2.9. Phát sinh ngoài hợp đồng.....	6
2.10. Quyết toán hợp đồng.....	6
2.11. Quyết toán vốn đầu tư.....	7
3. Phân loại hợp đồng theo hình thức giá hợp đồng.....	7
3.1. Hợp đồng trọn gói.....	7
3.2. Hợp đồng đơn giá cố định	7
3.3. Hợp đồng đơn giá điều chỉnh	7
3.4. Hợp đồng theo thời gian	7
II. PHƯƠNG PHÁP LẬP HỒ SƠ THANH TOÁN, QUYẾT TOÁN KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH	8
1. Nguyên tắc thanh toán.....	8
1.1. Đối với hợp đồng trọn gói.....	8
1.2. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định	8
1.3. Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh	8
1.4. Đối với hợp đồng theo thời gian.....	8
1.5. Đối với hợp đồng theo giá kết hợp.....	8
2. Nội dung hồ sơ thanh toán	9
3. Sơ đồ trình tự lập hồ sơ thanh toán hợp đồng theo đơn giá quy định theo Thông tư 86/2011/TT-BTC.....	9
3.1. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định	9
3.2. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định	10
4. Sơ đồ trình tự lập hồ sơ thanh toán hợp đồng theo đơn giá quy định theo Thông tư 08/2016/TT-BTC.....	11
4.1. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định	11
4.2. Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh	12
5. Giới thiệu Phụ lục 03.a, Phụ lục 04 và cách ghi các chỉ tiêu trong phụ lục	13
5.1. Phụ lục 03.a – Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán	13

5.2. Cách ghi phần diễn giải trong các phụ lục.....	16
CHƯƠNG 2. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ PHẦN MỀM QUYẾT TOÁN GXD.....	17
I. CÀI ĐẶT VÀ KÍCH HOẠT PHẦN MỀM QUYẾT TOÁN GXD	17
1. Cài đặt phần mềm.....	17
2. Kích hoạt Quyết toán GXD.....	17
2.1. Nhập khoá mềm cho phần mềm	17
2.2. Khóa cứng.....	18
3. Khởi động phần mềm.....	18
II. LÀM QUEN VỚI PHẦN MỀM QUYẾT TOÁN GXD	18
1. Giao diện phần mềm trên Excel 2016	18
2. Lưu hồ sơ thanh quyết toán.....	19
3. Mở hồ sơ thanh quyết toán đã lưu.....	20
4. Chọn cơ sở dữ liệu	20
5. Các tùy chọn trong Quyết toán GXD	21
5.1. Thẻ tùy chọn Chung	22
5.2. Thẻ tùy chọn Thanh toán	23
5.3. Thẻ tùy chọn Đơn giá.....	24
6. Cấu hình Windows tối ưu để chạy Quyết toán GXD	25
6.1. Cấu hình Windows để hiện định dạng file cần lưu	25
6.2. Cài đặt dấu chấm, dấu phẩy	26
III. CÁC MENU VÀ Ý NGHĨA CÁC LỆNH TÍNH TOÁN.....	27
1. Các menu lệnh của phần mềm Quyết toán GXD	27
1.1. Menu Hồ sơ.....	27
1.2. Menu Giá thầu	28
1.3. Menu Thanh toán.....	29
1.4. Menu Quyết toán.....	30
1.5. Menu Tiện ích	31
1.6. Menu Dữ liệu	33
1.7. Menu trợ giúp	33
2. Các menu lệnh Chuột phải	34
2.1. Xóa công tác/ dòng thừa.....	34
2.2. Chèn dòng.....	35
3. Các tiện ích hiển thị trên Ribbon.....	35
CHƯƠNG 3. THỰC HÀNH VỚI PHẦN MỀM QUYẾT TOÁN GXD VÀ MỘT SỐ	
TÌNH HUỐNG THANH QUYẾT TOÁN THƯỜNG GẶP	41
I. HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH VỚI PHẦN MỀM QUYẾT TOÁN GXD.....	41
1. Bài tập ví dụ 1 – Lập biểu giá hợp đồng	41
1.1. Yêu cầu.....	41
1.2. Thực hiện	43
2. Bài tập ví dụ 2 – Lập phụ lục thanh toán	51
2.1. Yêu cầu.....	51
2.2. Thực hiện	51
3. Bài tập ví dụ 3 – Thanh toán hợp đồng trọn gói.....	56

3.1. Yêu cầu.....	56
3.2. Thực hiện	57
4. Bài tập ví dụ 4 – Hợp đồng đơn giá cố định – Phụ lục thanh toán theo Thông tư 86/2011/TT-BTC.....	65
4.1. Yêu cầu.....	65
4.2. Thực hiện	68
II. BÀI TẬP TỰ THỰC HÀNH	81
Bài 1.	81
Bài 2.	83
Bài 3.	85
Bài 4	85
Bài 5	87
Bài 6	88
Bài 7	90
Bài 8	92
Bài 9	94
III. MỘT SỐ TÌNH HUỐNG THANH QUYẾT TOÁN.....	97
1. Nhập diễn giải phân lũy kế giá trị thực hiện đến hết kỳ trước	97
2. Nhập diễn giải phân lũy kế giá trị thanh toán trong phụ lục 03.a	97
3. Cách thể hiện trong phụ lục 03.a (PL03.a) khi hợp đồng quy định thanh toán 90% giá trị khối lượng hoàn thành.....	97
4. Tự tạo biểu mẫu thanh toán trong hồ sơ thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành	98
5. Lập hồ sơ quyết toán cho trường hợp đã thanh toán giai đoạn trước với khối lượng hoàn thành chưa chính xác, cần điều chỉnh lại.	98
6. Khi nào khối lượng công việc được coi là phát sinh và dùng Phụ lục 04?	98
7. Những việc cần thực hiện khi phát hiện có phát sinh ngoài hợp đồng	99
8. Quy định về trình 3 báo giá có dấu đỏ khi trình duyệt đơn giá phát sinh	99
9. Xử lý trường hợp đề nghị thanh toán khi chưa có biên bản nghiệm thu.....	99
10. Điều chỉnh đơn giá hợp đồng trọn gói và hợp đồng đơn giá cố định.....	100
11. Thanh toán khối lượng công việc phát sinh với hợp đồng trọn gói	100
12. Thanh toán cho những công việc đơn giá tạm tính	100
13. Lập hồ sơ thanh toán tiền tạm ứng cho công việc mua vật liệu nhập về	101
14. Chọn hình thức thanh toán giai đoạn khi thương thảo hợp đồng	101
15. Tình huống kiểm toán nhà nước cắt giảm giá trị khối lượng hoàn thành đối với hợp đồng trọn gói	102
16. Tình huống thanh toán đơn giá điều chỉnh, lũy kế giá trị thanh toán lớn hơn giá trị hợp đồng ký kết ban đầu.	102
17. Sự khác nhau giữa biểu mẫu thanh toán theo Thông tư số 09/2011/TT-BXD của Bộ Xây dựng so với Thông tư số 86/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính	103
18. Trường hợp thanh quyết toán công trình có phát sinh tăng và phát sinh giảm	103
19. Thanh quyết toán một lần cho khối lượng theo hợp đồng và phần phát sinh	103
20. Thanh quyết toán khối lượng hoàn thành hợp đồng tự vấn theo tỷ lệ phần trăm (%) .	104
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	105

CHƯƠNG 1. PHƯƠNG PHÁP LẬP HỒ SƠ THANH QUYẾT TOÁN

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THANH QUYẾT TOÁN HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

1. Các văn bản quy định

- Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/03/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
- Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
- Thông tư 07/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng.
- Thông tư 08/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng tư vấn xây dựng.
- Thông tư 09/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn hợp đồng thi công xây dựng công trình.
- Thông tư số 08/2016/TT-BTC quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước.
- Thông tư số 09/2016/TT-BTC về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước
- Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/06/2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước
- Thông tư số 19/2011/TT- BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước
- Quyết định số 282/QĐ - KBNN ngày 20/04/2012 của Giám đốc Kho bạc Nhà nước về hướng dẫn phương pháp lập bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán.
- Quyết định số 788/QĐ-BXD ngày 26/8/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn đo bóc khối lượng xây dựng công trình
- Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ.

2. Giải thích từ ngữ liên quan

2.1. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là hợp đồng dân sự được thoả thuận bằng văn bản giữa bên giao thầu và bên nhận thầu về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên để thực hiện một, một số hay toàn bộ công việc trong hoạt động xây dựng.

2.2. Phụ lục của hợp đồng xây dựng

Phụ lục của hợp đồng xây dựng là tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng để quy định chi tiết, làm rõ, sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của hợp đồng xây dựng.

2.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Bảo đảm thực hiện hợp đồng là việc bên nhận thầu thực hiện một trong các biện pháp đặt cọc, ký quỹ hoặc nộp thư bảo lãnh để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình trong thời gian thực hiện hợp đồng; được nộp cho bên giao thầu trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, được bên giao thầu chấp nhận và phải kéo dài cho đến khi chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành.

2.4. Tạm ứng hợp đồng xây dựng

Tạm ứng hợp đồng xây dựng là khoản kinh phí mà bên giao thầu ứng trước cho bên nhận thầu để triển khai thực hiện các công việc theo hợp đồng.

2.5. Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

Trước khi bên giao thầu thực hiện việc tạm ứng hợp đồng cho bên nhận thầu, thì bên nhận thầu phải nộp cho bên giao thầu bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với giá trị tương đương khoản tiền tạm ứng. Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được khấu trừ tương ứng với phần giá trị giảm trừ (*chiết khấu*) tiền tạm ứng qua mỗi lần thanh toán theo thoả thuận của các bên.

2.6. Giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng

Là khoản giá trị tương ứng với khối lượng công việc nằm trong phạm vi hợp đồng ban đầu đã ký kết.

2.7. Thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành

Là việc bên giao thầu có trách nhiệm thanh toán cho nhà thầu sau khi nhà thầu đã thực hiện đủ nghĩa vụ được quy ước trong hợp đồng theo giai đoạn thanh toán.

2.8. Phát sinh trong hợp đồng

Là các công việc đã có đơn giá trong phạm vi hợp đồng ban đầu nhưng thực tế nghiệm thu khối lượng lớn hơn khối lượng theo hợp đồng ban đầu đã ký kết.

Lưu ý: Trường hợp hợp đồng theo đơn giá cố định có khối lượng phát sinh vượt quá 20% khối lượng theo hợp đồng, khi đó theo các văn bản pháp luật quy định và hướng dẫn có thể được điều chỉnh đơn giá cho phần khối lượng công việc vượt quá 20% khối lượng theo hợp đồng ban đầu đã ký.

2.9. Phát sinh ngoài hợp đồng

Là các công việc được nghiệm thu khối lượng hoàn thành nhưng chưa có đơn giá trong hợp đồng ban đầu đã ký kết nhưng đã có đơn giá trong dự toán phần phát sinh.

2.10. Quyết toán hợp đồng

Là tổng giá trị cuối cùng của hợp đồng mà bên giao thầu có trách nhiệm chuyển trả cho nhà thầu sau khi công trình được hoàn thành và được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng và thỏa mãn các điều kiện về thẩm tra, kiểm toán phê duyệt quyết toán.

Quyết toán hợp đồng còn có thể gọi là quyết toán A-B, quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu.

2.11. Quyết toán vốn đầu tư

Quyết toán giữa chủ đầu tư và cấp có thẩm quyền liên quan (nhà nước, người quyết định đầu tư, cơ quan tài chính).

3. Phân loại hợp đồng theo hình thức giá hợp đồng

3.1. Hợp đồng trọn gói

Giá hợp đồng không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng đối với khối lượng các công việc thuộc phạm vi hợp đồng đã ký kết.

3.2. Hợp đồng đơn giá cố định

Giá hợp đồng được xác định trên cơ sở đơn giá cố định cho các công việc nhân với khối lượng công việc tương ứng. Đơn giá cố định là đơn giá không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.

3.3. Hợp đồng đơn giá điều chỉnh

Giá hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh được xác định trên cơ sở đơn giá cho các công việc đã điều chỉnh do trượt giá theo các thỏa thuận trong hợp đồng nhân với khối lượng công việc tương ứng.

Có hai phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng là điều chỉnh trực tiếp và điều chỉnh theo hệ số, được hướng dẫn trong *Thông tư 07/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng*.

3.4. Hợp đồng theo thời gian

Giá hợp đồng theo thời gian được xác định trên cơ sở mức thù lao cho chuyên gia, các khoản chi phí ngoài mức thù lao cho chuyên gia và thời gian làm việc (khối lượng) tính theo tháng, tuần, ngày, giờ.

II. PHƯƠNG PHÁP LẬP HỒ SƠ THANH TOÁN, QUYẾT TOÁN KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH

1. Nguyên tắc thanh toán

Việc thanh toán hợp đồng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng. Số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, thời hạn thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán phải được quy định rõ trong hợp đồng. Chủ đầu tư có trách nhiệm tuân thủ các điều kiện áp dụng các loại giá hợp đồng theo quy định hiện hành của nhà nước.

1.1. Đối với hợp đồng trọn gói

Thanh toán theo tỷ lệ phần trăm giá hợp đồng hoặc giá công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc tương ứng với các giai đoạn thanh toán mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng, khi thanh toán không yêu cầu có xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết.

1.2. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định

Thanh toán trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm được phê duyệt theo thẩm quyền, nếu có) được nghiệm thu của từng lần thanh toán và đơn giá trong hợp đồng.

1.3. Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh

Thanh toán trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm, nếu có) được nghiệm thu của từng lần thanh toán và đơn giá trong hợp đồng hoặc đơn giá đã điều chỉnh theo đúng các thỏa thuận trong hợp đồng.

1.4. Đối với hợp đồng theo thời gian

+ Chi phí cho chuyên gia được xác định trên cơ sở mức lương cho chuyên gia và các chi phí liên quan do các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhân với thời gian làm việc thực tế được nghiệm thu (theo tháng, tuần, ngày, giờ).

+ Các khoản chi phí ngoài mức thù lao cho chuyên gia thì thanh toán theo phương thức quy định trong hợp đồng.

1.5. Đối với hợp đồng theo giá kết hợp

Việc thanh toán được thực hiện tương ứng với các loại hợp đồng theo quy định tại các điểm trên đây.

- Đối với khối lượng công việc phát sinh (ngoài hợp đồng) chưa có đơn giá trong hợp đồng, thực hiện theo thỏa thuận bổ sung hợp đồng mà các bên đã thống nhất trước khi thực hiện và phải phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

- Việc điều chỉnh hợp đồng thực hiện theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ về hợp đồng và các Thông tư hướng dẫn hiện hành.

2. Nội dung hồ sơ thanh toán

Hồ sơ thanh toán được quy định chi tiết tại **Điều 11 Thanh toán khối lượng hoàn thành, mục 1.8 Hồ sơ thanh toán** trong **Thông tư số: 08/2016/TT-BTC Quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước**. Chi tiết như sau:

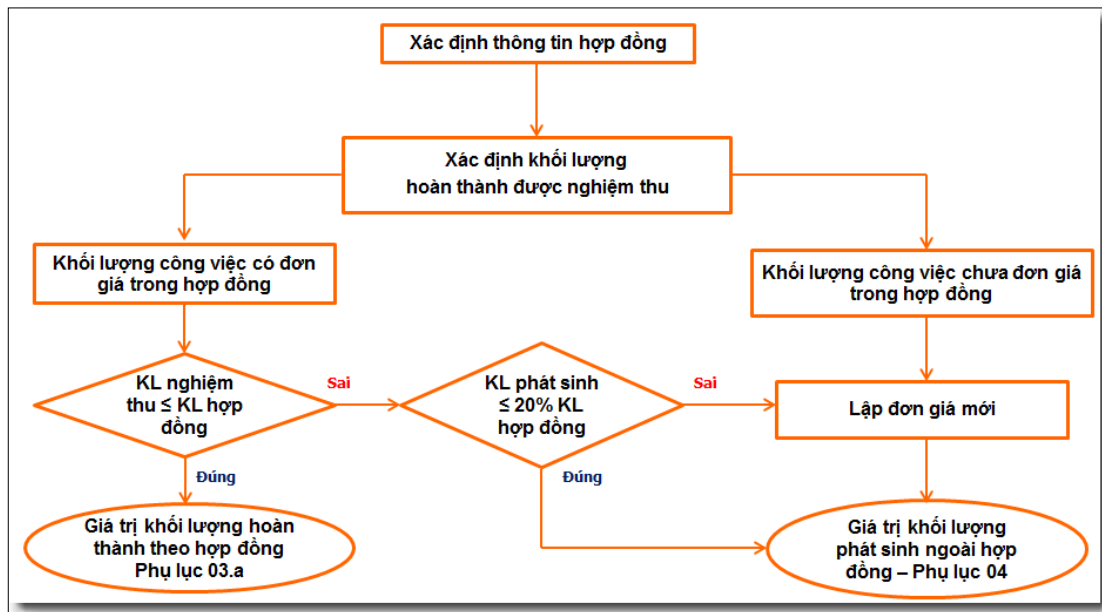
Khi có khối lượng hoàn thành được nghiệm thu theo giai đoạn thanh toán và điều kiện thanh toán trong hợp đồng, chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi Kho bạc nhà nước, bao gồm:

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu (phụ lục số 03.a kèm theo).
- Khi có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng, chủ đầu tư gửi Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng đã ký kết đề nghị thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu (phụ lục số 04 kèm theo).

3. Sơ đồ trình tự lập hồ sơ thanh toán hợp đồng đơn giá quy định theo Thông tư 86/2011/TT-BTC

3.1. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định

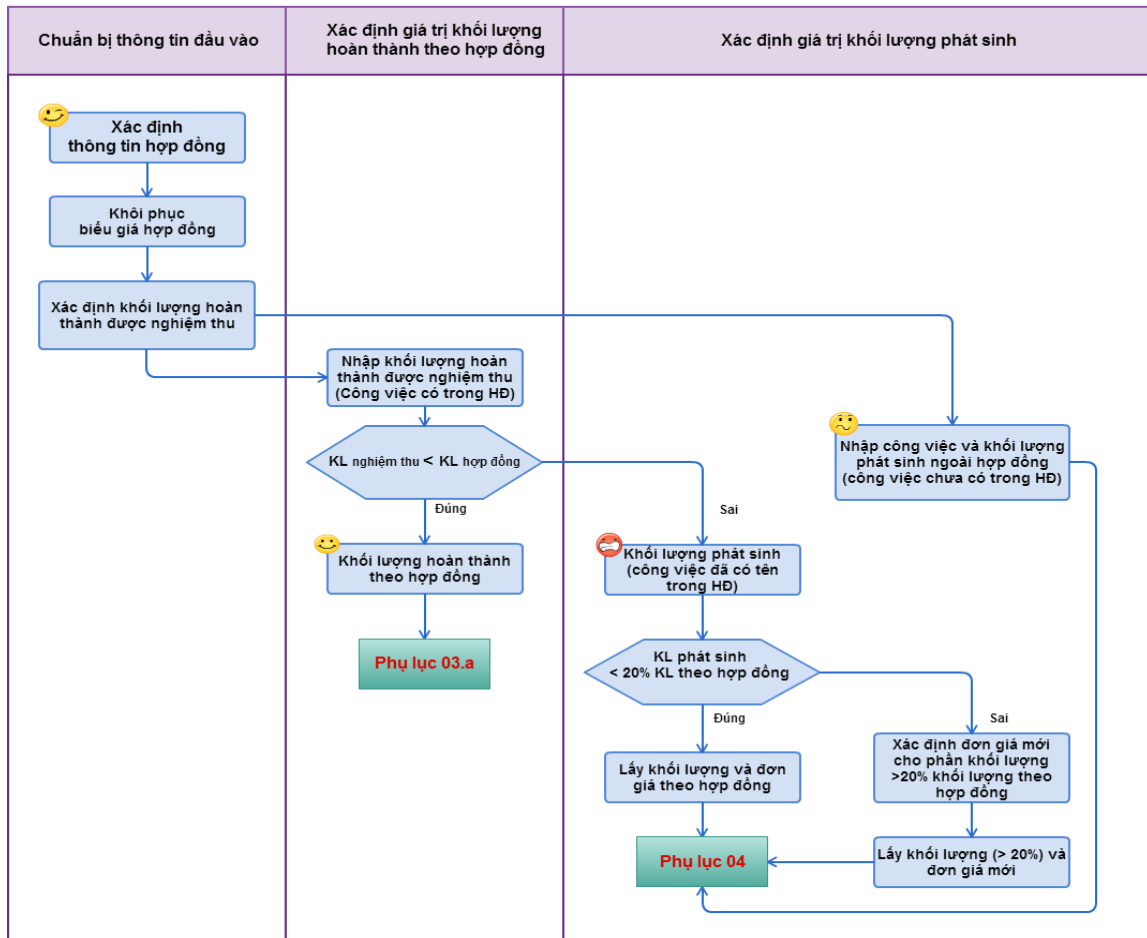
3.1.1. Phương pháp lập hồ sơ thanh toán hợp đồng đơn giá cố định



Hình 1.1. Phương pháp lập hồ sơ thanh quyết toán hợp đồng đơn giá cố định

3.1.2. *Trình tự thực hiện trên phần mềm Quyết toán GXD*

LẬP HỒ SƠ THANH QUYẾT TOÁN HỢP ĐỒNG ĐƠN GIÁ CỐ ĐỊNH SỬ DỤNG PHẦN MỀM QUYẾT TOÁN GXD



Hình 1.2. Lập hồ sơ thanh quyết toán hợp đồng đơn giá cố định

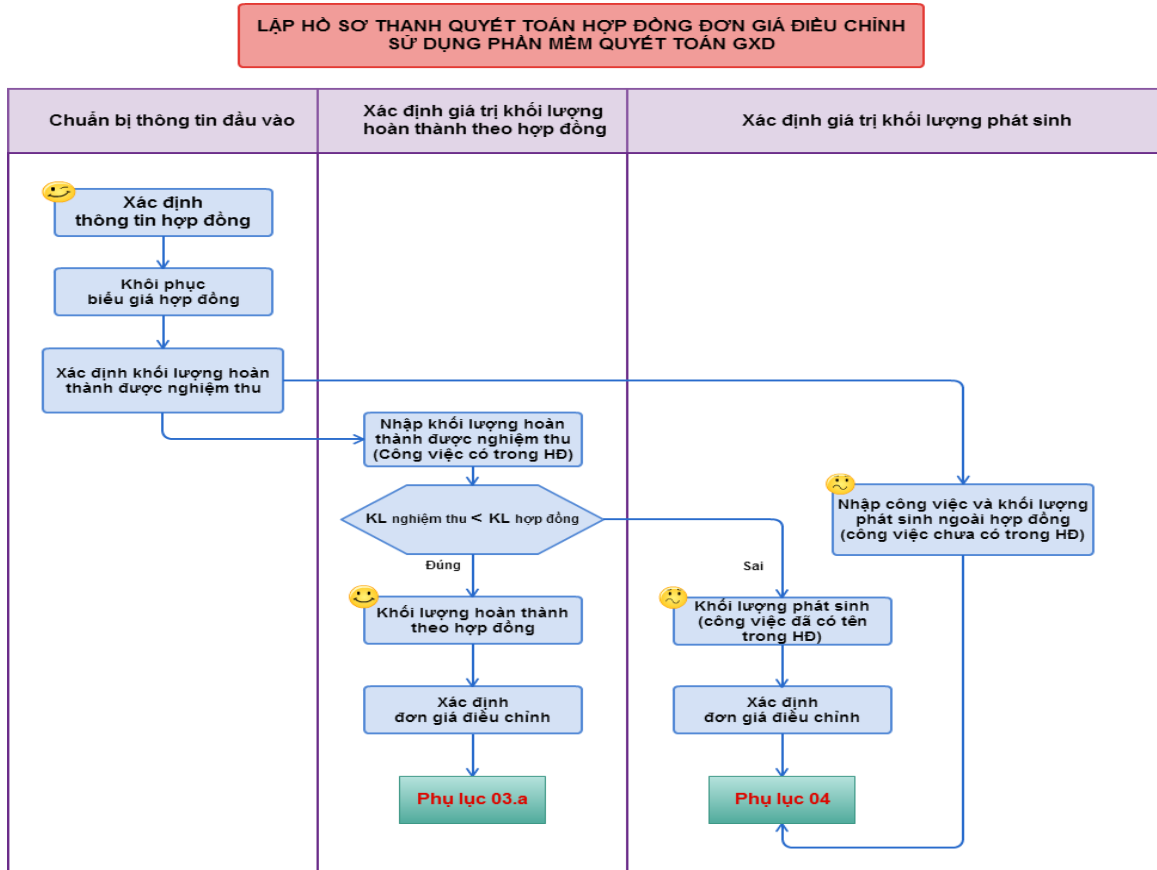
3.2. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định

3.2.1. Phương pháp lập hồ sơ thanh toán hợp đồng đơn giá điều chỉnh



Hình 1.3. Phương pháp lập hồ sơ thanh quyết toán hợp đồng đơn giá điều chỉnh

3.2.2. Trình tự thực hiện trên phần mềm Quyết toán GXD

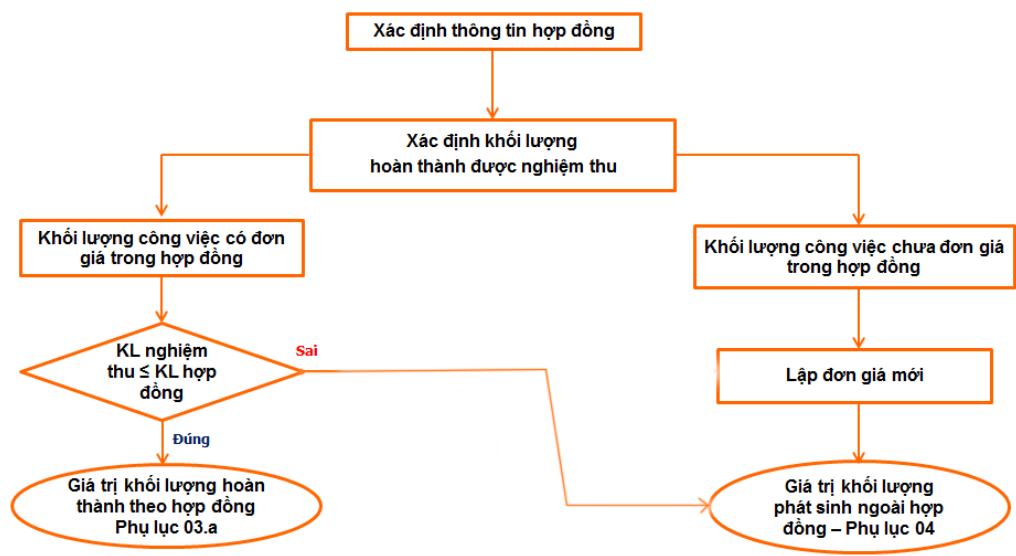


Hình 1.4. Lập hồ sơ thanh quyết toán hợp đồng đơn giá điều chỉnh

4. Sơ đồ trình tự lập hồ sơ thanh toán hợp đồng theo đơn giá quy định theo Thông tư 08/2016/TT-BTC

4.1. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định

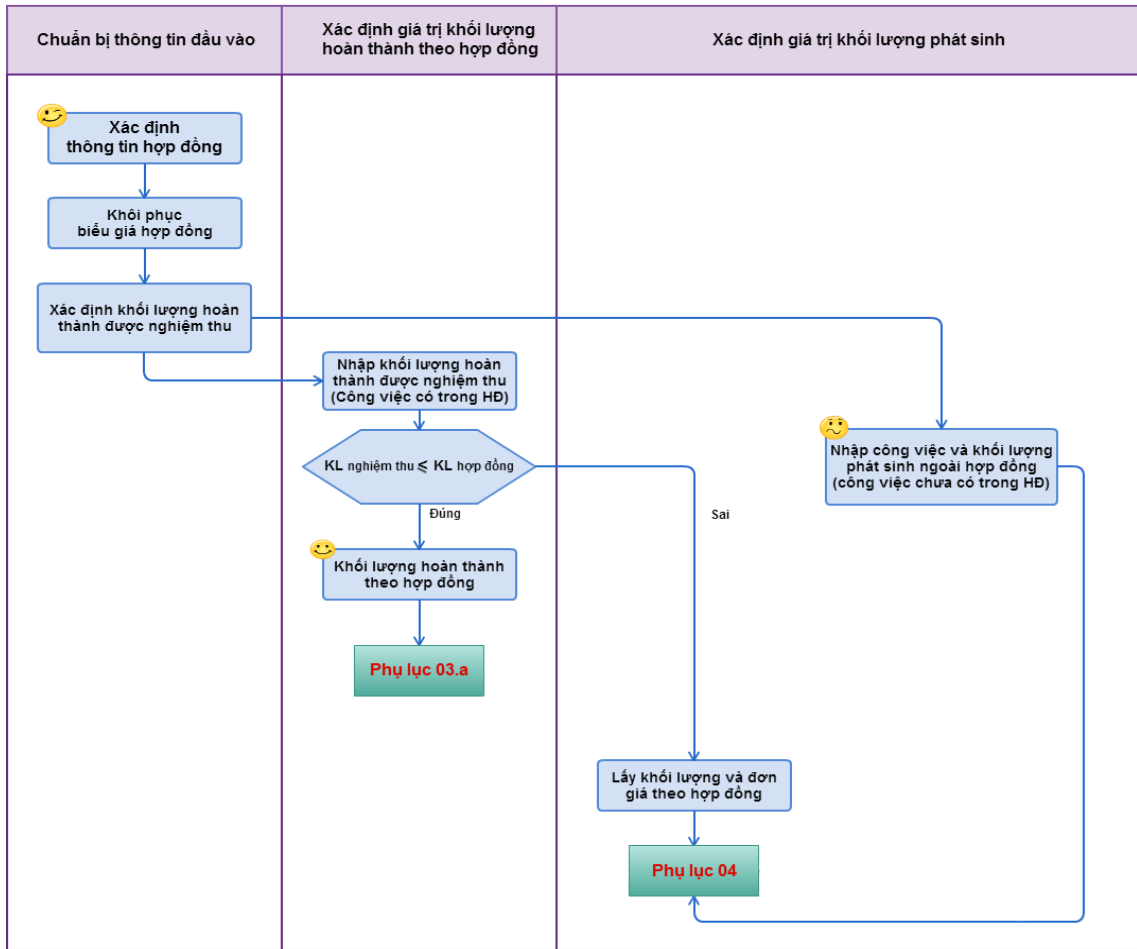
4.1.1. Phương pháp lập hồ sơ thanh toán hợp đồng đơn giá cố định



Hình 1.5. Phương pháp lập hồ sơ thanh quyết toán hợp đồng đơn giá cố định

4.1.2. *Trình tự thực hiện trên phần mềm Quyết toán GXD*

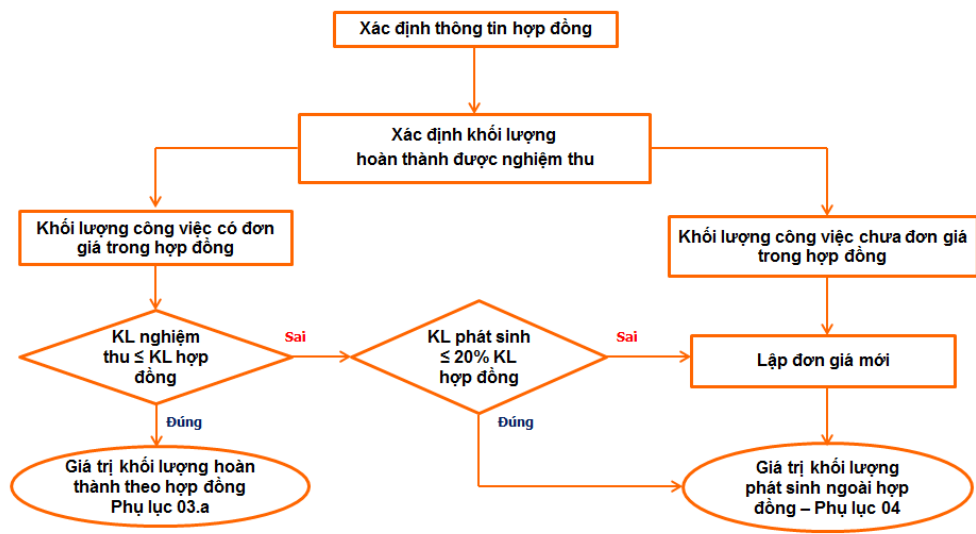
LẬP HỒ SƠ THANH QUYẾT TOÁN HỢP ĐỒNG ĐƠN GIÁ CÓ ĐỊNH SỬ DỤNG PHẦN MỀM QUYẾT TOÁN GXD



Hình 1.6. Lập hồ sơ thanh quyết toán hợp đồng đơn giá cố định

4.2. *Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh*

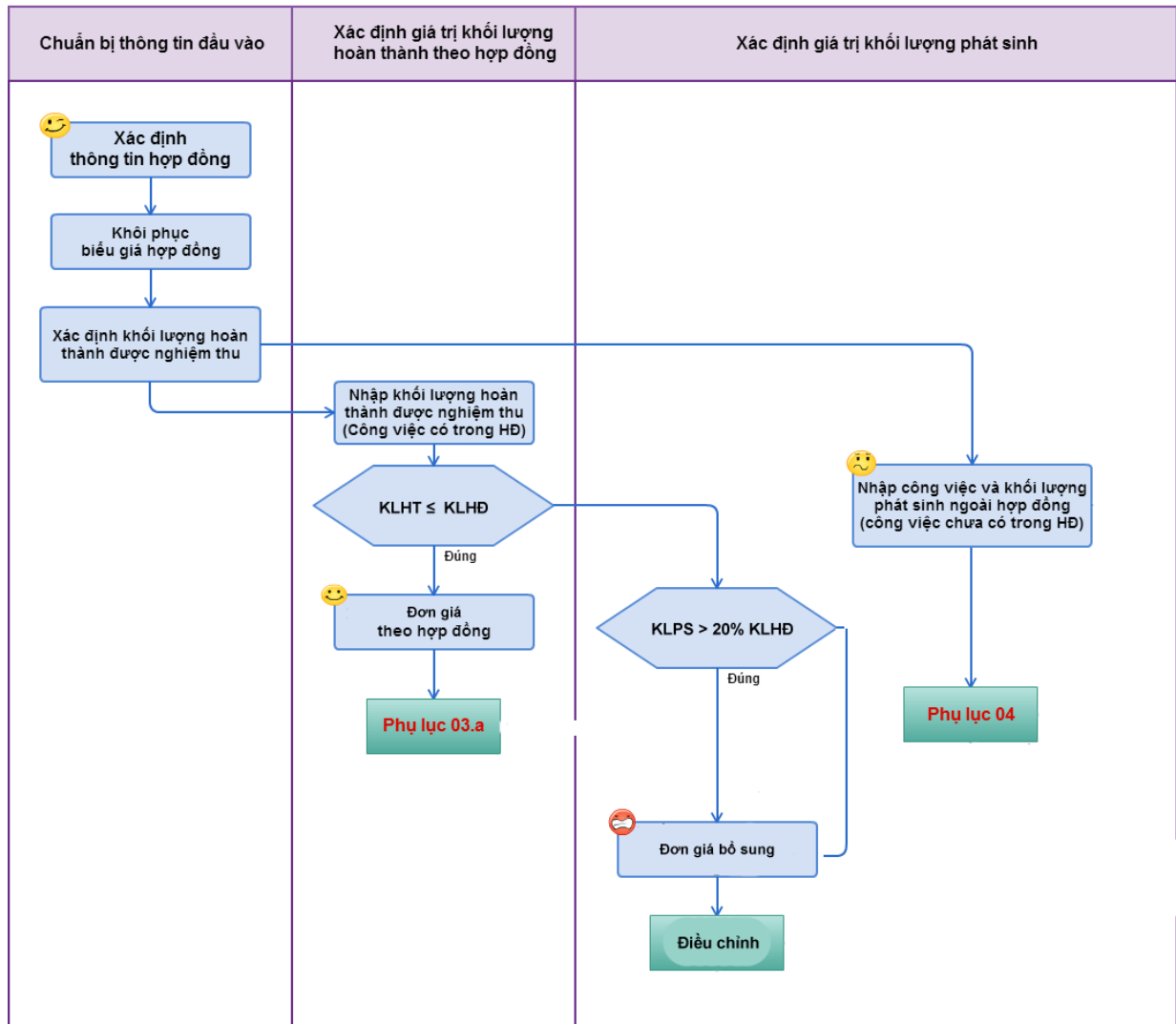
4.2.1. *Phương pháp lập hồ sơ thanh toán hợp đồng đơn giá điều chỉnh*



Hình 1.7. Phương pháp lập hồ sơ thanh quyết toán hợp đồng đơn giá điều chỉnh

4.2.2. Trình tự thực hiện trên phần mềm Quyết toán GXD

LẬP HỒ SƠ THANH QUYẾT TOÁN HỢP ĐỒNG ĐƠN GIÁ CÓ ĐỊNH SỬ DỤNG PHẦN MỀM QUYẾT TOÁN GXD



Hình 1.8. Lập hồ sơ thanh quyết toán hợp đồng đơn giá điều chỉnh

5. Giới thiệu Phụ lục 03.a, Phụ lục 04 và cách ghi các chỉ tiêu trong phụ lục

5.1. Phụ lục 03.a – Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán

Như tên gọi, phụ lục 03.a dùng để xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán. Giá trị khối lượng những công việc phát sinh không có trong hợp đồng ký kết ban đầu thì không đưa vào phụ lục này.

Phụ lục 03.a

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH THEO HỢP ĐỒNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 08 /2016/TT-BTC ngày 4/8 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Tên dự án: _____ Mã dự án: _____
 Tên gói thầu: _____
 Hợp đồng số: _____ ngày _____ tháng _____ năm 20... Phụ lục bổ sung hợp đồng số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____
 Chủ đầu tư: _____
 Nhà thầu: _____
 Thanh toán lần thứ: _____
 Căn cứ xác định: _____
 Biên bản nghiệm thu số ngày.....tháng.....năm.....

Đơn vị: đồng

Số TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng				Đơn giá thanh toán		Thành tiền (đồng)				Ghi chú	
			Theo hợp đồng	Thực hiện			Theo hợp đồng	Đơn giá bổ sung (nếu có)	Theo hợp đồng	Thực hiện				
				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
	Tổng số:													

1. Giá trị hợp đồng:
 2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:
 3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:
 4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:
 5. Thanh toán để thu hồi tạm ứng:
 6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này:
 Số tiền bằng chữ:.....(là số tiền đề nghị thanh toán kỳ này).
 7. Lũy kế giá trị thanh toán:

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Hình 1.3. Phụ lục 03.a

Phụ lục 04 dùng để xác định giá trị khối lượng những công việc phát sinh ngoài hợp đồng đề nghị thanh toán.

Phụ lục 04

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC PHÁT SINH NGOÀI HỢP ĐỒNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Tên dự án: _____ Mã dự án: _____
 Tên gói thầu: _____
 Hợp đồng số ngày tháng năm _____ Phụ lục bổ sung hợp đồng số ngày tháng năm _____
 Chủ đầu tư: _____
 Nhà thầu: _____
 Thanh toán lần thứ: _____
 Căn cứ xác định: _____
 Biên bản nghiệm thu số ngày.....tháng.....năm

Đơn vị: đồng

Số TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng				Đơn giá thanh toán		Thành tiền			Ghi chú
			Tổng khối lượng phát sinh	Thực hiện			Theo hợp đồng	Đơn giá bổ sung (nếu có)	Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này	
				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Tổng số:												

1. Tổng giá trị khối lượng phát sinh:
2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:
3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:
4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:
5. Thanh toán thu hồi tạm ứng:
6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này:
 Số tiền bằng chữ:.....(là số tiền đề nghị thanh toán kỳ này)
7. Lũy kế giá trị thanh toán:

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Ngày..... tháng..... năm 20... ✍
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Hình 1.4. Phụ lục 04

5.2. Cách ghi phần diễn giải trong các phụ lục

1. *Giá trị hợp đồng (trong phụ lục 03.a) / Tổng giá trị khối lượng phát sinh (trong phụ lục 04):* là giá trị hợp đồng/giá trị theo phụ lục hợp đồng mà chủ đầu tư và nhà thầu đã ký kết theo quy định của pháp luật.

2. *Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:* là số tiền mà chủ đầu tư đã thanh toán tạm ứng theo điều khoản của hợp đồng cho nhà thầu chưa được thu hồi đến hết kỳ trước.

3. *Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:* là số tiền mà chủ đầu tư đã thanh toán cho phần giá trị khối lượng XD/CB đã hoàn thành đến hết kỳ trước (không bao gồm số tiền đã thanh toán tạm ứng).

4. *Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:* là lũy kế giá trị khối lượng thực hiện theo hợp đồng đến cuối kỳ trước cộng với giá trị khối lượng thực hiện theo hợp đồng trong kỳ đề nghị thanh toán.

5. *Chiết khấu tiền tạm ứng:* là số tiền mà chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất thu hồi một phần hay toàn bộ giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước (điểm 2 nêu trên) theo điều khoản thanh toán của hợp đồng đã ký kết.

6. *Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này:* là số tiền mà chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất thanh toán theo điều khoản thanh toán của hợp đồng đã ký kết. (Theo thông tư 08/2016/TT-BTC)

Chi tiết, mục này được tách chi tiết gồm:

+ Thanh toán tạm ứng (nếu có)

+ Thanh toán khối lượng XD/CB hoàn thành.

Lũy kế giá trị thanh toán: là số tiền đã thanh toán khối lượng XD/CB hoàn thành đến hết kỳ trước cộng với Chiết khấu tiền tạm ứng, cộng phần thanh toán giá trị khối lượng XD/CB hoàn thành kỳ này.

CHƯƠNG 2. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ PHẦN MỀM QUYẾT TOÁN GXD

I. CÀI ĐẶT VÀ KÍCH HOẠT PHẦN MỀM QUYẾT TOÁN GXD

1. Cài đặt phần mềm

Cài đặt phần mềm Quyết toán GXD từ file cài đặt GXDSoft được cung cấp bởi Công ty Giá Xây Dựng (đĩa CD hoặc tải từ đường link được gửi qua email hoặc tải từ trang web được thông báo của công ty).

Video hướng dẫn cài đặt: <https://www.youtube.com/watch?v=v9oIo5DWBPY>

2. Kích hoạt Quyết toán GXD

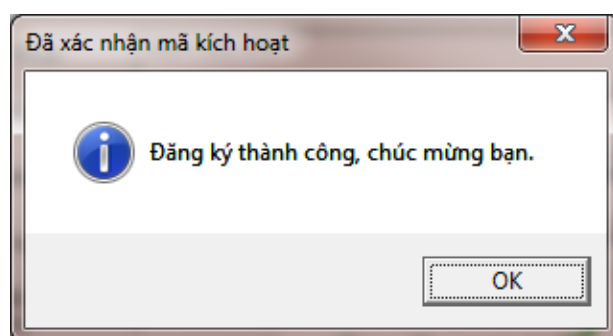
2.1. Nhập khoá mềm cho phần mềm

Khoá mềm là một dãy mã bản quyền phần mềm được Công ty Giá Xây Dựng cung cấp cho người sử dụng.

Sau khi bạn chọn mục 2. **Bấm vào đây để nhập mã kích hoạt** như nói trên thì Quyết toán GXD sẽ hiện hộp thoại Đăng Ký Bản Quyền để bạn nhập thông tin kích hoạt như sau:

Hình 2.1a. Đăng ký bản quyền

Bạn nhập các thông tin, nhập mã kiểm tra (như ví dụ trên là **success**). Sau đó bấm vào nút Đăng ký. Phần mềm thông báo như sau tức là kích hoạt đã thành công, bạn có thể sử dụng phần mềm vào công việc:



Hình 2.1b. Thông báo thành công

Lưu ý: Trong hình trên dãy mã 6A435-2AE2A-1187E-B0BAB là do Công ty Giá Xây Dựng cung cấp cho bạn khi mua bản quyền phần mềm. Mỗi bản quyền dãy mã sẽ khác nhau và thường chỉ sử dụng kích hoạt cho 1 máy tính (tương tự như bạn nạp thẻ cào cho điện thoại trả trước). *Các thông tin này để bảo vệ bản quyền sử dụng của bạn (khi bạn cài đặt lại Quyết toán GXD, format ổ cứng, cài lại Win... và cần nhận sự trợ giúp). Chúng tôi sẽ xác minh lại các thông tin bạn đã khai khi đăng ký, nếu thông tin cung cấp phù hợp thì mới đủ cơ sở để giải quyết.*

2.2. Khóa cứng

Nếu bạn sử dụng khóa cứng, chỉ việc cài phần mềm vào máy tương tự như trên nhưng không phải kích hoạt bằng khóa mềm nữa. Sau khi cài xong phần mềm bạn cắm khóa cứng vào cổng USB của máy tính là sử dụng được.

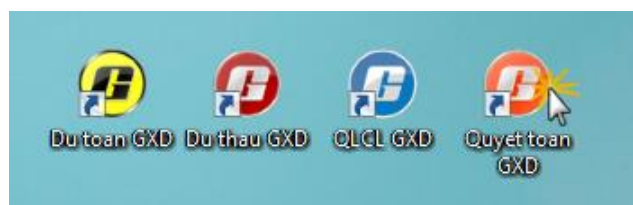


Hình 2.1c. Khóa cứng phần mềm Quyết toán GXD

3. Khởi động phần mềm

Khởi động phần mềm Quyết toán GXD tương tự như các phần mềm GXD khác, một số cách ta thường dùng như sau:

Cách 1. Kích đúp vào biểu tượng của Quyết toán GXD trên màn hình desktop, phần mềm sẽ mở sẵn ra một hồ sơ thanh quyết toán mới.



Hình 2.2. Kích đúp vào biểu tượng Quyết toán GXD để mở phần mềm

Cách 2. Vào Start / All program / Quyet toan GXD

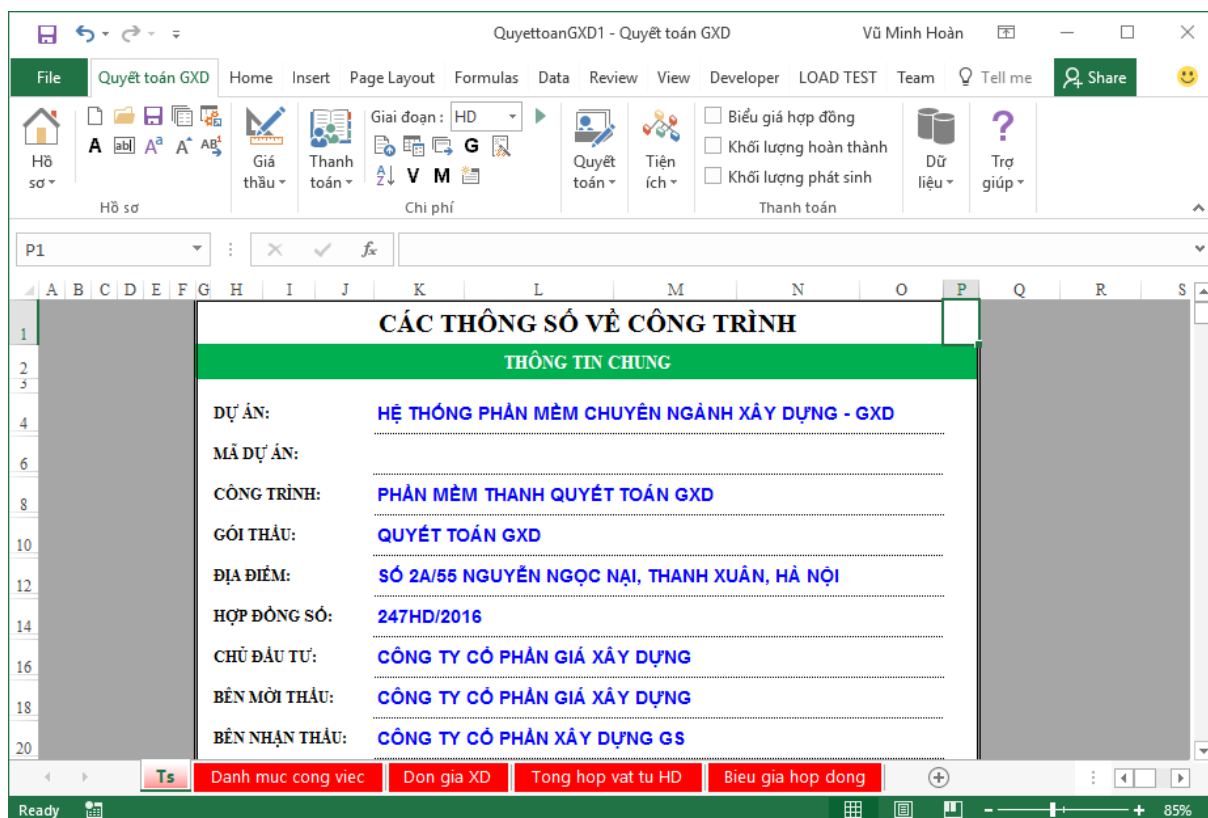
Cách 3. Vào thư mục C:\Quyet toan GXD kích đúp vào file QuyettoanGXD.exe

II. LÀM QUEN VỚI PHẦN MỀM QUYẾT TOÁN GXD

1. Giao diện phần mềm trên Excel 2016

Sau khi khởi động phần mềm sẽ tạo một file hồ sơ thanh quyết toán mới và nạp vào Excel như hình sau (giao diện trên Excel 2007 trở lên hoàn toàn tương tự):

Lưu ý: Phần mềm chỉ chạy trên Excel 2007 trở lên.




Hình 2.3. Giao diện phần mềm trên menu Ribbon

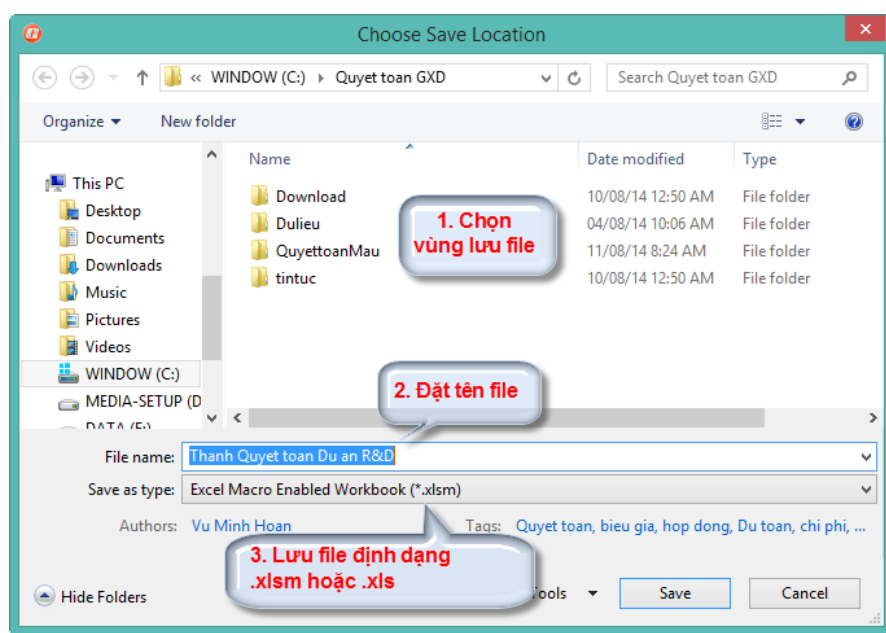
2. Lưu hồ sơ thanh quyết toán

Lưu ý:

- Với Excel 2007 hoặc 2010 chọn dạng file .xlsm hoặc .xls để lưu.
- Không lưu file dạng .xlsx sẽ làm mất các hàm tính toán VBA

Thao tác lưu, sử dụng một trong các cách sau:

- Sử dụng nút Lưu file Quyết toán  trên Ribbon của phần mềm hoặc dùng lệnh Hồ sơ/ Lưu file Quyết toán
- Dùng tổ hợp phím Ctrl+S như khi lưu một file Excel bình thường thì chú ý định dạng file lưu phải là .xlsm hoặc .xls.



Hình 2.4. Lưu file Quyết toán

3. Mở hồ sơ thanh quyết toán đã lưu

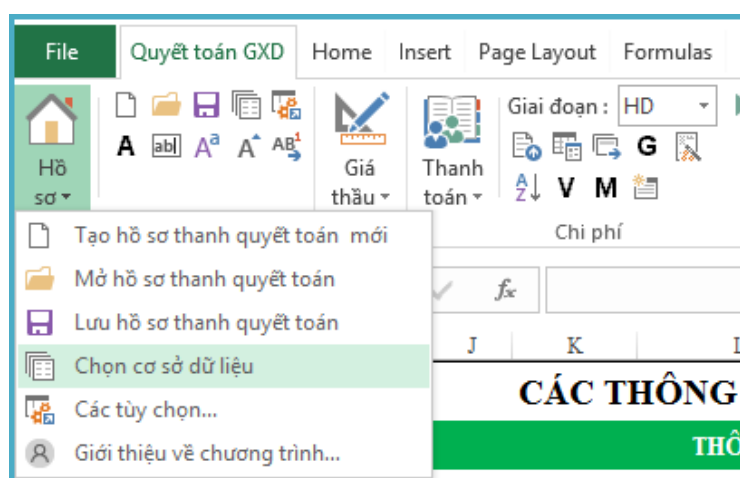
Bạn có thể mở phần mềm Quyết toán GXD, rồi tìm và mở file Quyết toán đã lưu để tiếp tục thực hiện lập các biểu mẫu thanh toán giai đoạn. Trình tự mở như sau:

- (1) Mở phần mềm Quyết toán GXD
- (2) Dùng nút Mở file (hoặc Ctrl+O)
- (3) Tìm đến file cần làm.

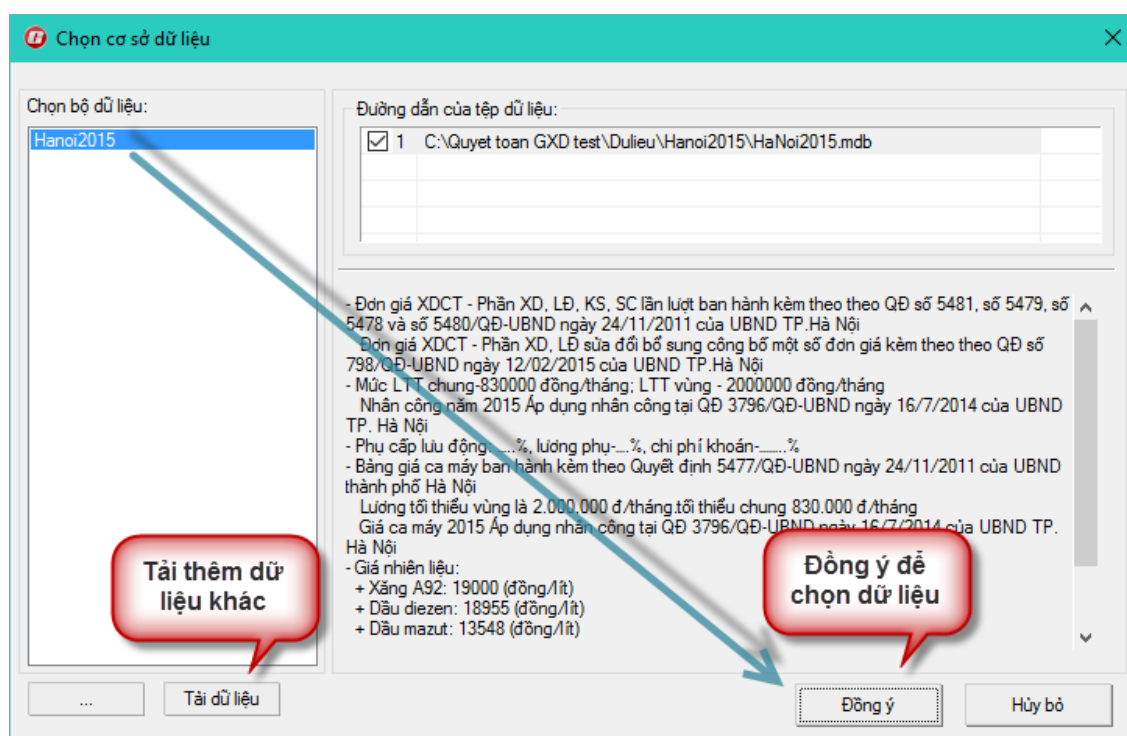
Trường hợp không có bản Excel nào đang mở, bạn chạy Quyết toán GXD thì phần mềm sẽ gọi bản Excel nào cài sau cùng.

4. Chọn cơ sở dữ liệu

- Thao tác lệnh: Menu Hồ sơ > Chọn cơ sở dữ liệu
- Kích chọn dữ liệu đã có và ấn Đồng ý
- Tích vào nút Tải về để tải thêm dữ liệu khác



Hình 2.5a. Chọn cơ sở dữ liệu



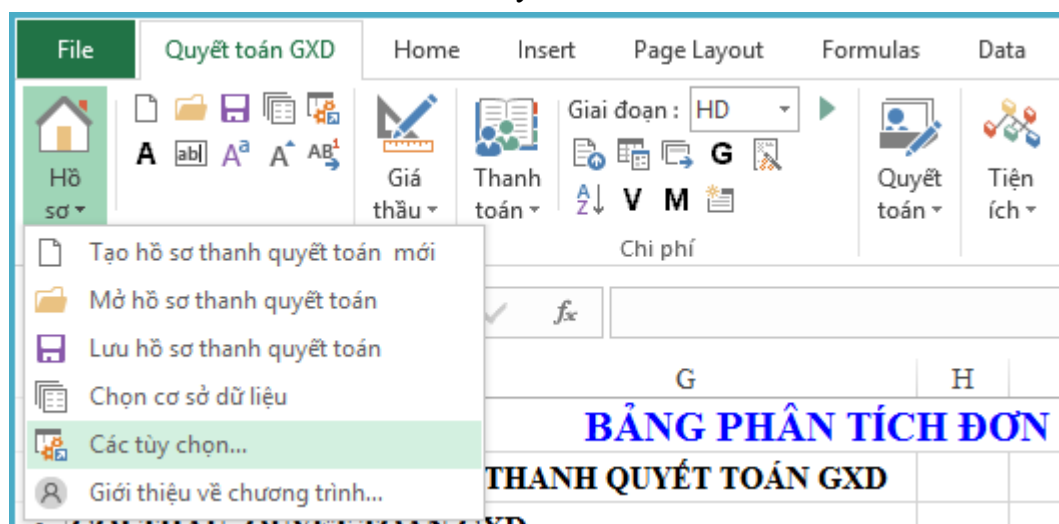
Hình 2.5b. Đồng ý chọn/ tải dữ liệu

5. Các tùy chọn trong Quyết toán GXD

Khi sử dụng phần mềm, có những thao tác mà người lập hồ sơ thanh quyết toán thường lặp đi lặp lại. Phần mềm Quyết toán GXD đưa ra các tùy chọn sử dụng để phần mềm sẽ chạy theo một quy trình định trước. Giảm các thao tác thừa, lặp lại không đáng có.

Việc thiết lập các tùy chọn nên được thực hiện từ khâu chuẩn bị, trước khi tiến hành lập hồ sơ thanh quyết toán.

Thao tác lệnh: Menu Hồ sơ > Các tùy chọn



Hình 2.6. Các tùy chọn

5.1. Thẻ tùy chọn Chung

Hình 2.7a. Thẻ tùy chọn chung

5.1.1. Chi phí chung

Mặc định chi phí chung được tính trên chi phí trực tiếp. Với một số trường hợp chi phí chung được tính trên chi phí nhân công như các hạng mục đào đắp của công trình thủy lợi, lắp đặt thiết bị của công trình hạ tầng kỹ thuật... Bạn tích vào dòng **Chi phí nhân công/ Đồng ý** rồi mới tiến hành lập hồ sơ thanh quyết toán.

5.1.2. Bảng Tổng hợp vật tư

Hỗ trợ tùy biến bảng tổng hợp các vật tư hạng mục theo dạng bảng hoặc toàn bộ

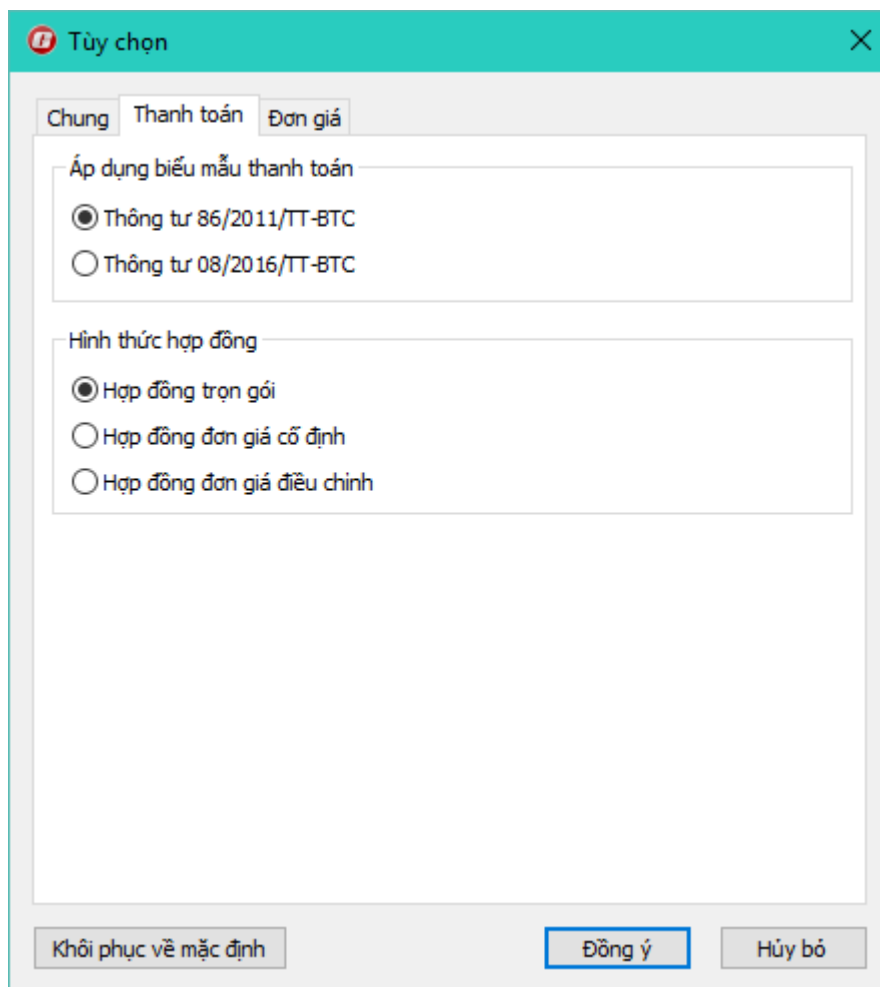
5.1.3. Lựa chọn cấp phối vữa

Theo mặc định cấp phối vữa sử dụng để phân tích đơn giá chi tiết theo Xi măng PC30, tùy theo trường hợp cụ thể đối mỗi với công trình, hạng mục công trình khác nhau có thể chọn Xi măng PC40.

5.1.4. Phân tích đơn giá đầy đủ

Tùy biến lựa chọn mẫu đơn giá đầy đủ.

5.2. Thẻ tùy chọn Thanh toán



Hình 2.7b. Thẻ tùy chọn thanh toán

Tương ứng với loại hợp đồng xây dựng đang cần lập hồ sơ thanh toán, ta lựa chọn mục tương ứng theo *hình thức hợp đồng* và *Thông tư áp dụng để lập phụ lục thanh toán*.

Lựa chọn này cần được thực hiện trước khi tạo giai đoạn thanh toán, phần mềm sẽ tự động tính toán đơn giá giai đoạn, đơn giá điều chỉnh theo quy định đã chọn.

5.3. Thẻ tùy chọn Đơn giá

Hình 2.7c. Thẻ tùy chọn Đơn giá

Ý nghĩa các lựa chọn:

- *Phân tích vữa trong đơn giá*: Chiết tính đơn giá chi tiết, phần vật liệu vữa sẽ được phân tích ra các vật liệu cấu thành (Xi măng, cát, đá, nước...)
- *Tra lại tên công việc khi thay đổi đơn giá*: Khi tra lại mã đơn giá trong danh mục công việc, tên của công việc sẽ thay đổi lại theo mặc định hoặc giữ nguyên.
- *Đơn giá tổng hợp*: Chọn mục này khi cần lập đơn giá tổng hợp
- *Đồng bộ khi nhập giá vật tư*: Trường hợp có nhiều hạng mục, tùy chọn này cho phép đồng bộ giá vật tư các hạng mục dưới theo giá đã nhập ở trên.
- *Tính đơn giá nhân công*: Tùy chọn Thông tư áp dụng để lập giá nhân công
- *Tính giá ca máy*: Tùy chọn tạo bảng giá ca máy mới, điều chỉnh đơn giản hoặc bù nhiên liệu năng lượng.

6. Cấu hình Windows tối ưu để chạy Quyết toán GXD

6.1. Cấu hình Windows để hiện định dạng file cần lưu

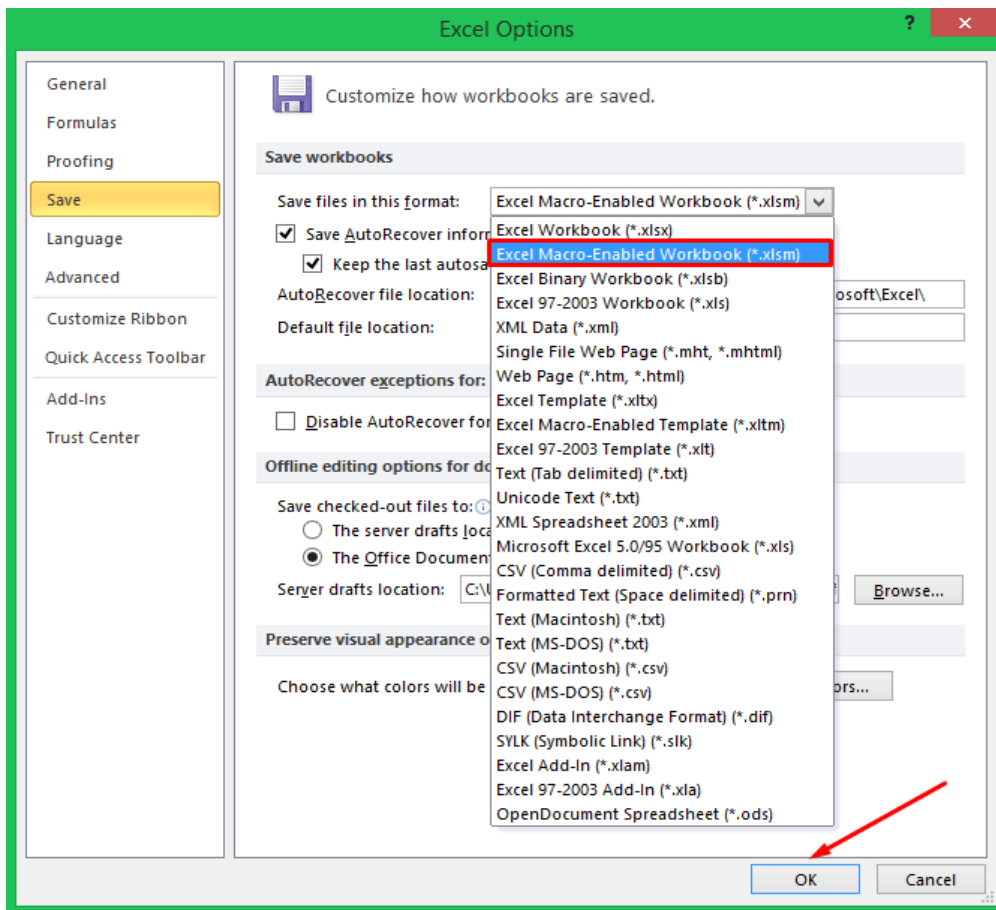
Công việc lập và quản lý hồ sơ thanh quyết toán thường yêu cầu bạn phải thực hiện lâu dài, đóng/mở file nhiều lần, chỉnh sửa file và làm tiếp. Việc lưu file dạng .xslm đối với Excel 2007, 2010 hoặc 2013 là rất quan trọng đối với phần mềm Quyết toán GXD.

Khi lưu file dạng này thì các bạn có thể mở ra thực hiện tiếp bình thường như tra mã, nhập khối lượng, chỉnh sửa thông tin,... mà không bị lỗi do mất các hàm VBA phần mềm đã tạo ra.


Để thiết đặt cho excel mặc định khi lưu hồ sơ sẽ có định dạng xslm. Ta thực hiện các bước như sau (ở đây hướng dẫn trên Excel 2010, các bạn thực hiện tương tự như Excel 2007 và 2013):

(1) Mở phần mềm Excel

(2) Thực hiện: File/ Options/ Save/ Excel Macro/ Enabled Workbook (*.xslm) / OK



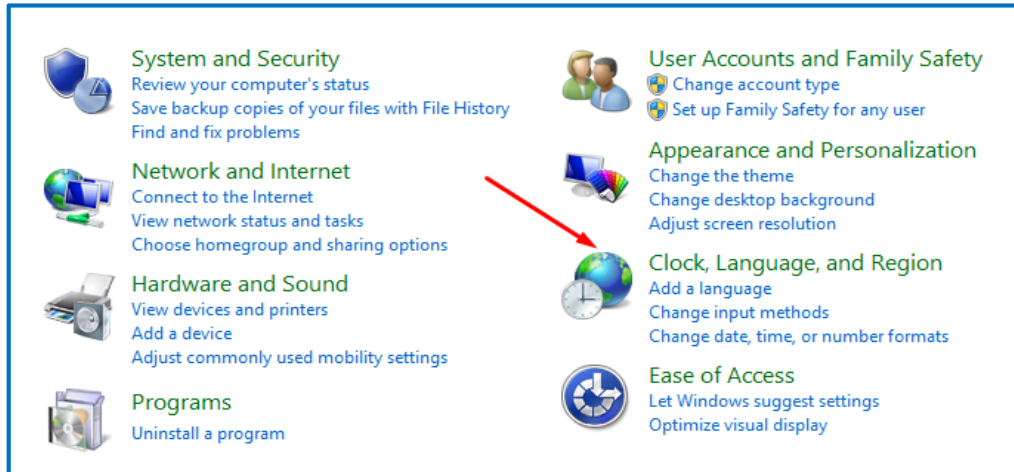
Hình 2.8. Thao tác lưu dạng .xslm (hoặc .xls)

Sau khi thực hiện cài đặt này, từ lần thao tác lưu file sau, sử dụng nút Save  (hoặc Ctrl + S) thì file lưu của chúng ta sẽ luôn mặc định lưu dạng .xslm.

6.2. Cài đặt dấu chấm, dấu phẩy

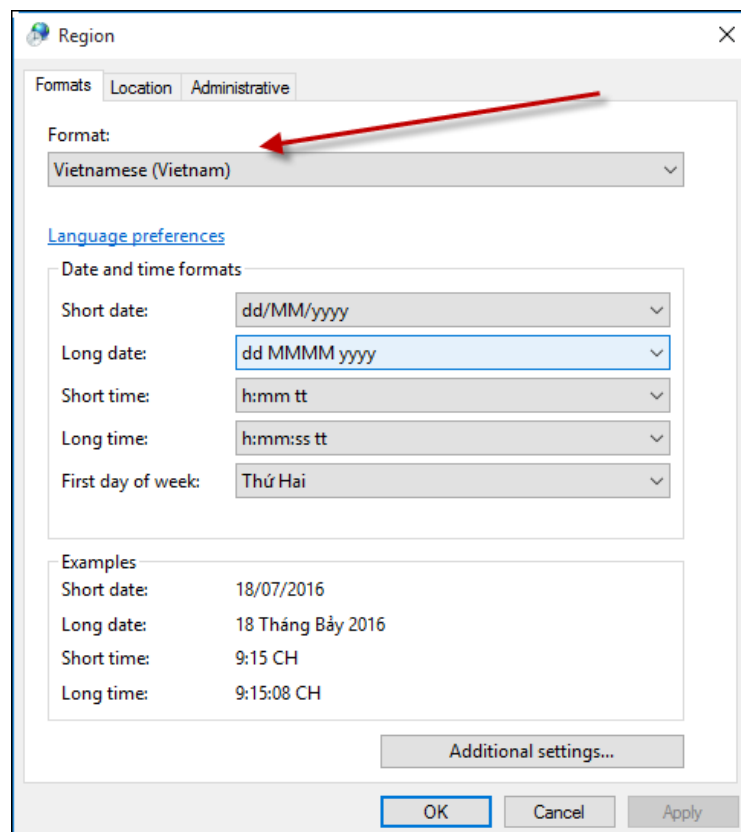
Việc phân cách đơn vị bằng dấu chấm, dấu phẩy mặc định trong Windows không giống với quy ước của Việt Nam. Chúng ta đặt lại như sau:

Trong Windows chúng ta vào Control Panel sau đó tìm tới mục Clock, Language, and Region / Change date, time, or number formats:



Hình 2.9a. Change date, time, or number formats

Trong hộp thoại Region hiện ra, mục Format chọn Vietnamese

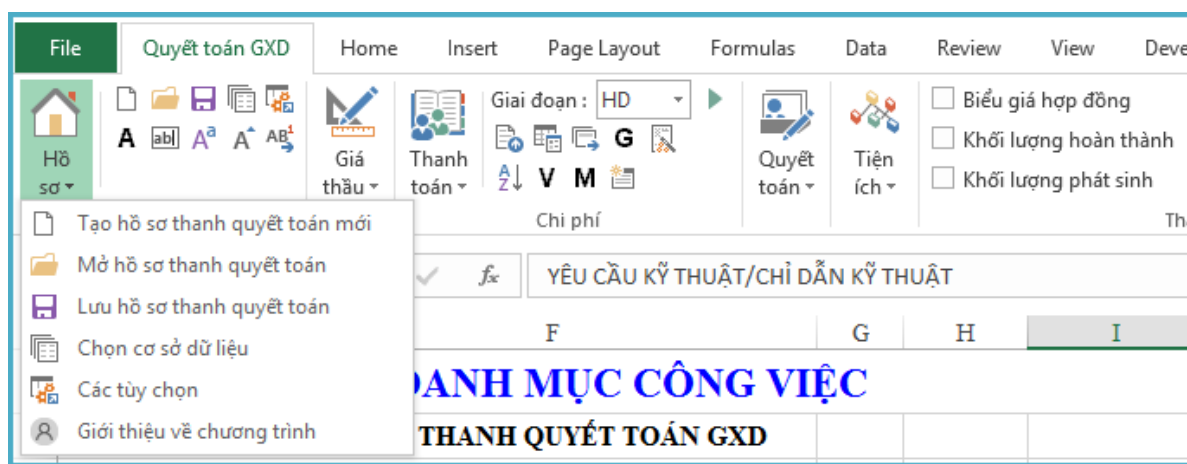


Hình 2.9b. Hộp thoại Region chọn Additional settings...

III. CÁC MENU VÀ Ý NGHĨA CÁC LỆNH TÍNH TOÁN

1. Các menu lệnh của phần mềm Quyết toán GXD

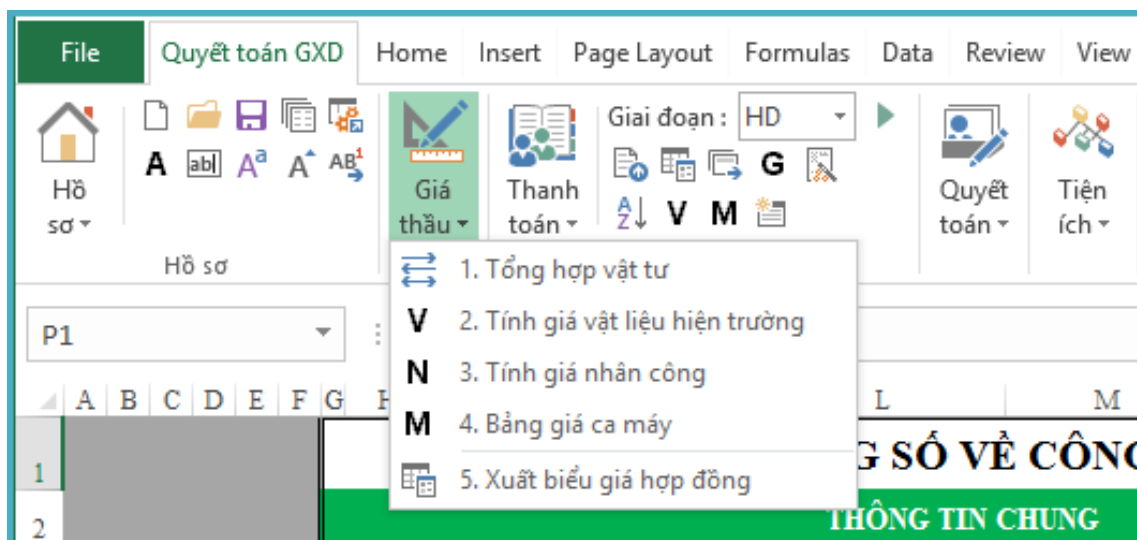
1.1. Menu Hồ sơ



Hình 2.10. Menu Hồ sơ

STT	TÊN LỆNH	Ý NGHĨA
1	Tạo hồ sơ thanh quyết toán mới	Tạo một file hồ sơ quyết toán mới
2	Mở hồ sơ thanh quyết toán mới	Thực hiện lệnh này dùng để tìm mở file quyết toán đã lưu trong ổ cứng PC ra thực hiện tiếp hoặc chỉnh sửa.
3	Lưu hồ sơ thanh quyết toán	Lưu file hồ sơ thanh quyết toán, lưu dạng .xlsm với Excel 2007, 2010, 2013 ... và .xls với Excel 2003
4	Chọn cơ sở dữ liệu	Chọn bộ dữ liệu csv để sử dụng tương ứng với công trình, hạng mục, gói thầu.
5	Các tùy chọn	Các thiết lập ban đầu để lập hồ thanh toán như: Chi phí chung, vữa sử dụng, nhóm nhân công, đơn giá trong hợp đồng.

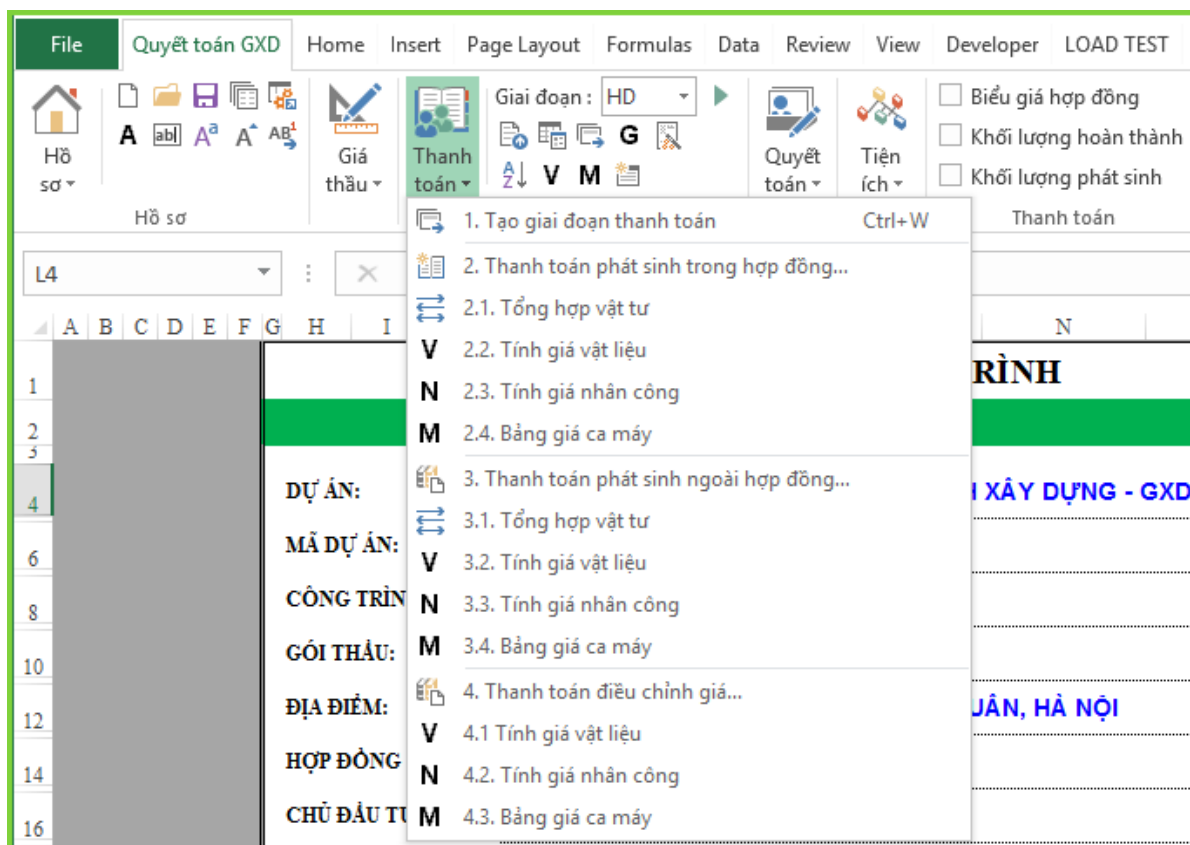
1.2. Menu Giá thầu



Hình 2.11. Menu Giá thầu

STT	TÊN LỆNH	Ý NGHĨA
1	Tổng hợp vật tư	Tổng hợp hao phí vật liệu, nhân công, máy thi công
2	Tính giá vật liệu hiện trường	Sử dụng để lập bảng giá vật liệu đến hiện trường xây dựng
3	Tính giá nhân công	Tạo bảng giá nhân công theo thông tư tùy chọn
4	Bảng giá ca máy	Tạo bảng giá ca máy theo tùy chọn
5	Xuất biểu giá hợp đồng	Sau khi hoàn tất việc tính giá cho các công tác, thực hiện lệnh để đưa các đơn giá sang giá hợp đồng

1.3. Menu Thanh toán

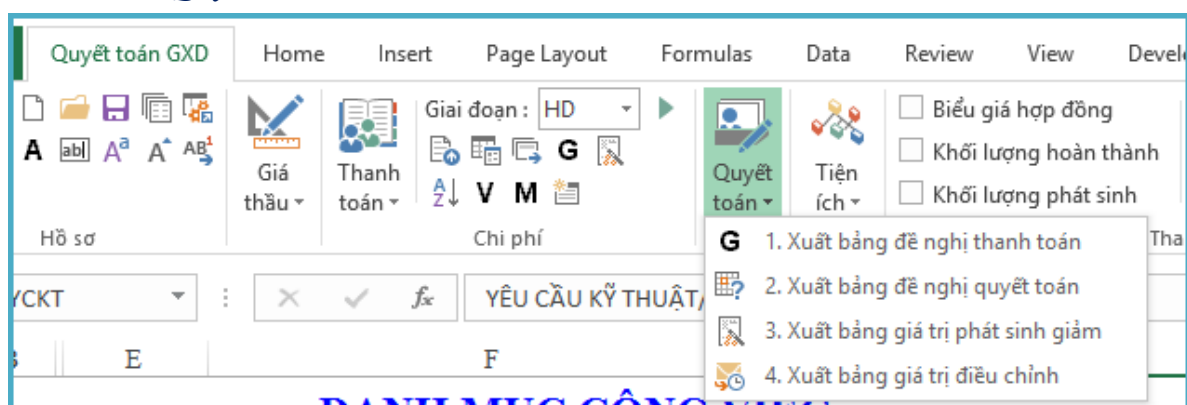


Hình 2.12. Menu Thanh Toán

STT	TÊN LỆNH	Ý NGHĨA
1	Tạo giai đoạn thanh toán	Tạo các giai đoạn thanh toán của toàn bộ hợp đồng
2	Thanh toán phát sinh trong hợp đồng	Tạo các bảng tính phát sinh trong hợp đồng theo từng giai đoạn hoặc tất cả cho các giai đoạn.
2.1	Tổng hợp vật tư	Tổng hợp vật tư phát sinh
2.2	Tính giá vật liệu	Tính giá vật liệu hiện trường, nhân công, máy thi công cho khối lượng phát sinh lớn
2.3	Tính giá nhân công	
2.4	Tính giá ca máy	
3	Thanh toán phát sinh ngoài hợp đồng	Tạo các bảng tính phát sinh ngoài hợp đồng theo từng giai đoạn hoặc tất cả cho các giai đoạn
3.1	Tổng hợp vật tư	Tổng hợp vật tư phát sinh

STT	TÊN LỆNH	Ý NGHĨA
3.2	Tính giá vật liệu	Tạo các bảng tính giá vật liệu, nhân công, máy thi công cho các công tác phát sinh không có tên trong hợp đồng.
3.3	Tính giá nhân công	
3.4	Tính giá ca máy	
4	Thanh toán điều chỉnh giá	Tạo các bảng tính phát sinh ngoài hợp đồng theo từng giai đoạn hoặc tất cả cho các giai đoạn
4.1	Tính giá vật liệu	Tạo các bảng tính giá vật liệu, nhân công, máy thi công cho các công tác điều chỉnh giá.
4.2	Tính giá nhân công	
4.3	Tính giá ca máy	

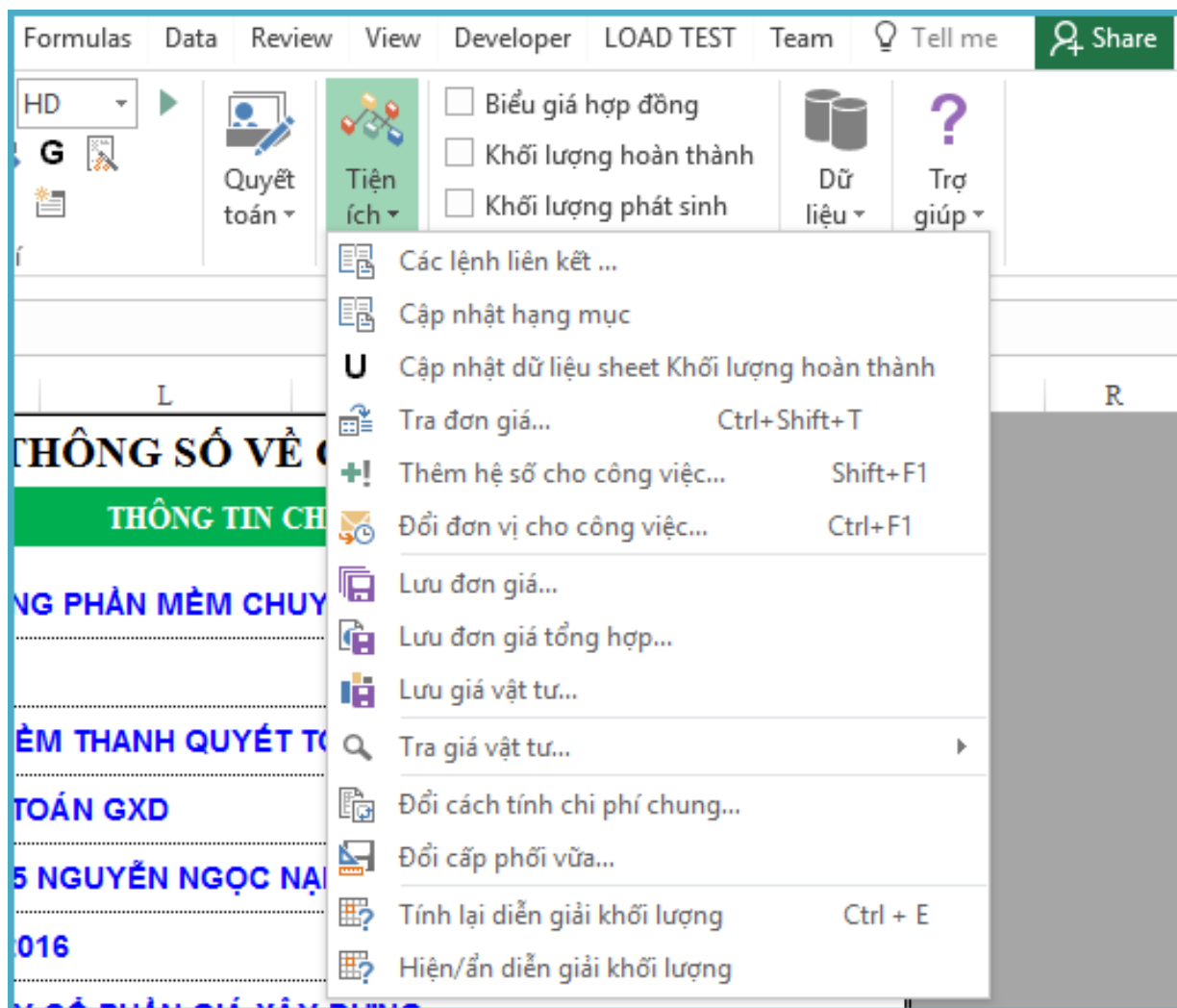
1.4. Menu Quyết toán



Hình 2.13. Menu Quyết toán

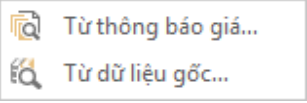
STT	TÊN LỆNH	Ý NGHĨA
1	Xuất bảng đề nghị thanh toán	Tạo phụ lục giá trị đề nghị thanh toán giai đoạn
2	Xuất bảng đề nghị quyết toán	Đưa ra bảng tổng hợp quyết toán, liên kết các giá trị vào một bảng
3	Xuất bảng giá trị phát sinh giảm	Đưa ra giá trị phát sinh giảm so với hợp đồng
4	Xuất bảng giá trị điều chỉnh	Đưa giá trị điều chỉnh vào bảng tổng hợp

1.5. Menu Tiện ích

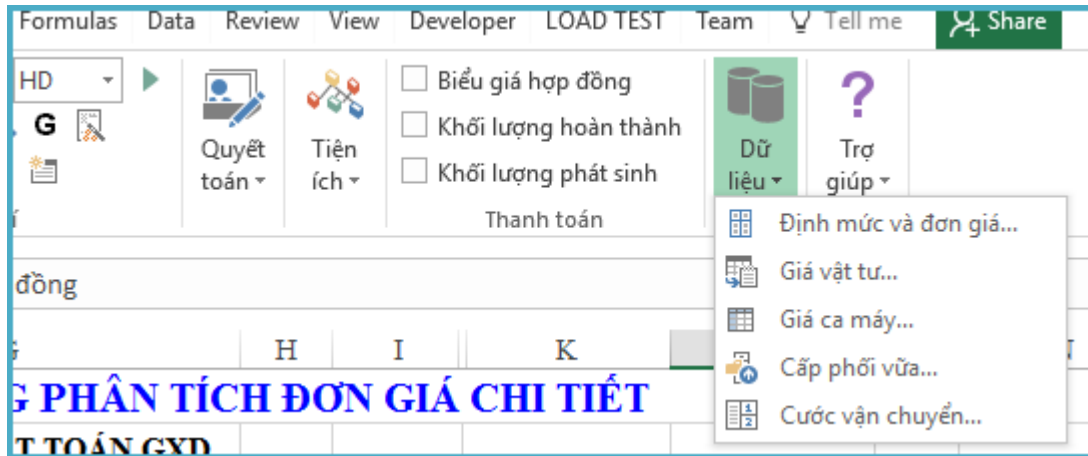


Hình 2.14. Menu Tiện ích

STT	TÊN LỆNH	Ý NGHĨA
1	Các lệnh liên kết	<p>Thực hiện liên kết các bảng theo lựa chọn</p>

STT	TÊN LỆNH	Ý NGHĨA
2	Cập nhật hạng mục	Sử dụng khi copy dữ liệu vào Danh mục công việc trường hợp có nhiều hạng mục. Thực hiện trước khi tra lại đơn giá
3	Cập nhật dữ liệu bảng khối lượng hoàn thành	Tạo mới bảng khối lượng hoàn thành giai đoạn để nhập lại
4	Tra đơn giá	Tính toán lại các bảng Đơn giá chi tiết theo danh mục công việc
5	Thêm hệ số cho công việc	Thêm hệ số cho toàn bộ đơn giá hoặc đơn giá vật liệu, nhân công, máy thi công
6	Đổi đơn vị cho công việc	Lệnh giúp đổi đơn vị các công tác được chọn trong sheet Đơn giá chi tiết, thay đổi từ 100m ³ – m ³ , tấn – kg, ...
7	Lưu đơn giá	Hỗ trợ lưu lại dữ liệu đơn giá đã vận dụng hoặc tạm tính
8	Lưu đơn giá tổng hợp	Hỗ trợ lưu lại dữ liệu đơn giá tổng hợp đã tạo trong sheet Đơn giá tổng hợp
9	Lưu giá vật tư	Hỗ trợ lưu lại giá vật tư trong Bảng tổng hợp vật tư hợp đồng.
10	Tra giá vật tư	Hỗ trợ tra lại giá vật tư đã lưu hoặc tra theo dữ liệu thông báo giá của GXD 
11	Đổi cách tính chi phí chung	Chuyển đổi tính theo chi phí nhân công hoặc chi phí trực tiếp
12	Đổi cấp phối vữa	Chuyển đổi cấp phối vữa PC30 – PC40
13	Tính lại diễn giải khối lượng	Hỗ trợ tính lại các công thức diễn giải khối lượng trong sheet Danh mục công việc
14	Hiện/ẩn diễn giải khối lượng	Cho phép hiển thị hoặc ẩn đi phần tính toán diễn giải khối lượng trong <i>Biểu giá hợp đồng</i>

1.6. Menu Dữ liệu

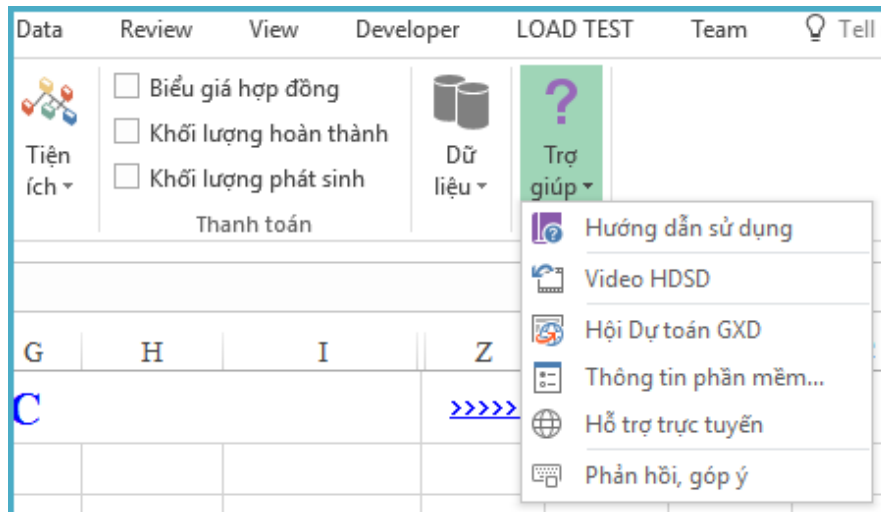


Hình 2.15. Menu Dữ liệu

Menu này trợ giúp việc xem nhanh dữ liệu của bộ dữ liệu đơn giá đang được chọn:

- Định mức và đơn giá
- Giá vật tư
- Giá ca máy
- Cấp phối vữa
- Cước vận chuyển

1.7. Menu trợ giúp



Hình 2.16 – Menu trợ giúp

1.7.1. Hướng dẫn sử dụng

Chọn lệnh này sẽ mở ra file hướng dẫn sử dụng định dạng PDF.

1.7.2. Video HDSD

Kích vào sẽ chuyển đến kênh video hướng dẫn sử dụng phần mềm Dự toán GXD.

1.7.3. Diễn đàn GXD

Kích sẽ chuyển đến trang thành viên, người sử dụng phần mềm Dự toán GXD.

1.7.4. Thông tin phần mềm

Khi kích vào mục này sẽ hiện lên hộp thoại các thông tin về phần mềm bạn đang sử dụng.

Thông tin bản quyền sử dụng

Tên khách hàng:	Mr3	Điện thoại:
Địa chỉ:	GXD JSC	
Email:	minhhoan@giaxaydung.com	
Mã đăng ký:	32566-5CF68-B7C68-FD146	
Bản quyền:	Bản thương mại	Loại khóa: Khóa mềm
Ngày kích hoạt:	24/06/2016	Ngày hết hạn: 24/06/2017

Thông tin phiên bản

Tên phần mềm:	Quyết toán GXD	
Phiên bản:	Version: 10.0.0, Office32bit	
Ngày xuất bản:	24/07/2016	<input type="button" value="Cập nhật"/> <input type="button" value="Thoát"/>

Hình 2.17 – Thông tin phần mềm

Khi nhận được thông báo có phiên bản mới hơn, bạn có thể bấm **Cập nhật** để cập nhật phiên bản mới nhất.

1.7.5. Hỗ trợ trực tuyến

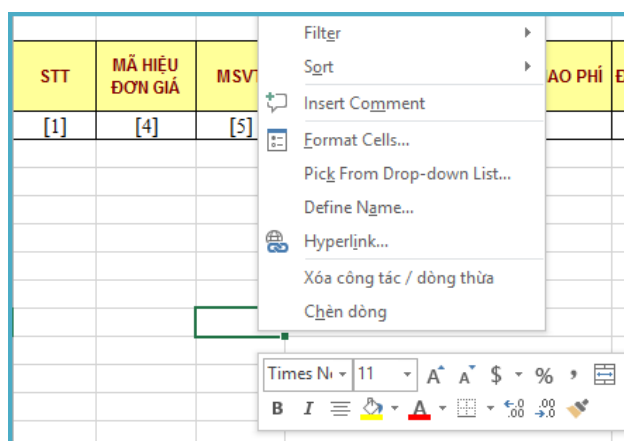
Khởi động phần mềm hỗ trợ teamview GXD bản quyền

1.7.6. Phản hồi, góp ý

Kích sẽ tới trang phản hồi, góp ý để gửi các ý kiến phản hồi tới GXD nhanh nhất.

2. Các menu lệnh Chuột phải

Quyết toán GXD làm việc trong môi trường MS Excel. Ngoài những lệnh mặc định của Excel, phần mềm còn hỗ trợ thêm những lệnh tiện ích khác khi chọn chuột phải, những lệnh này được thể hiện trong menu sau:



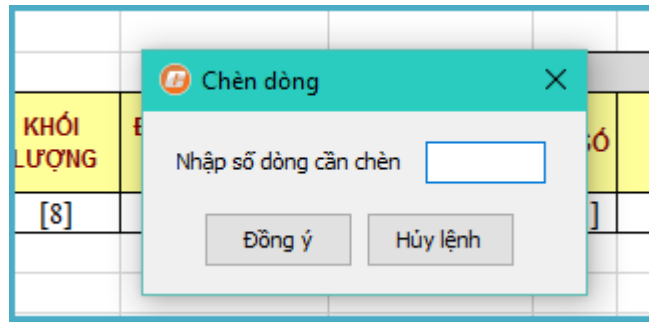
Hình 2.18. Menu chuột phải Quyết toán GXD

2.1. Xóa công tác/ dòng thừa

Lệnh này hỗ trợ xóa một công tác có trong Danh mục công việc, đồng thời xóa đơn giá chi tiết đã tạo trong sheet Đơn giá chi tiết tương ứng.

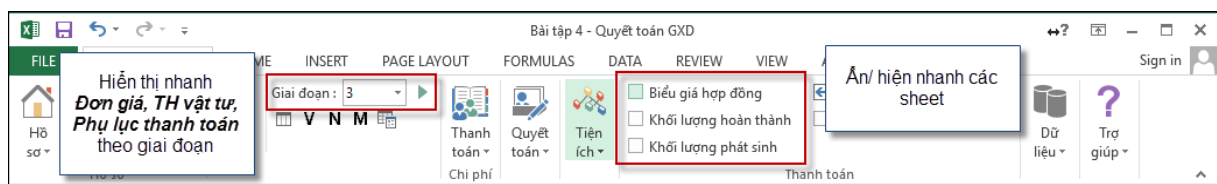
2.2. Chèn dòng

Lệnh này hỗ trợ chèn thêm dòng với số lượng dòng tùy nhập.



Hình 2.19 – Chèn dòng nhanh

3. Các tiện ích hiển thị trên Ribbon



Hình 2.20 – Hiển thị trên Ribbon

- Tùy chọn hiển thị nhanh đơn giá, bảng tổng hợp vật tư hợp đồng, phụ lục thanh toán theo từng giai đoạn bằng cách lựa chọn danh sách trên Ribbon.
- Nhóm hiển thị nhanh các sheets tương ứng với Biểu giá hợp đồng, khối lượng hoàn thành và khối lượng phát sinh.

4. Một vài tính năng ưu việt trên Phần mềm Quyết toán GXD v3.0

4.1. Lấy thông tin dữ liệu từ các file Dự toán, Dự thầu và Quyết toán

• Cách 1 – Bán tự động:

Thực hiện:

Copy thủ công dữ liệu từ file tính khác sang Phần mềm Quyết toán GXD và sử dụng tính năng tiện ích để chạy lại.

(1) Danh mục công việc:

- Copy một phần hoặc toàn bộ công tác sang sheet Danh mục công việc.

DANH MỤC CÔNG VIỆC
CÔNG TRÌNH: PHÂN MỀM THANH QUYẾT TOÁN GXD
GỢI THẦU: QUYẾT TOÁN GXD

STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	YẾU THUA/TỈ LỆ ĐƠN KỸ THUẬT
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
	HM	NỀN MẶT ĐƯỜNG			
	AD.11212	Làm móng cấp phối đá dăm lớp dưới đường làm mới	100m ³	20,776	
	AB.13411	Đắp cát nền móng công trình	m ³	497,9	
	AF.15434	Bê tông mặt đường chiều dày mặt đường <= 25 cm, đá 2x4 M250 - độ sụt 2 - 4cm	m ³	3485,303	
	AF.82411	Ván khuôn mặt đường bê tông	100m ²	4,647	
	HM	CỐNG TRÒN			
	AG.13211	Cốt thép pa nền đường kính cốt thép <= 10 mm	1tấn	1,614	
	AG.42141	Lắp các loại cầu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công trọng lượng cầu kiện >250 kg, VXM75	cái	60	
	AK.95121	Quét nhựa đường chống thấm mỗi nôi ống cống, đường kính ống cống 1,00 m	ống cống	30	
	AK.95111	Quét nhựa đường chống thấm mỗi nôi ống cống, đường kính ống cống 0,75 m	ống cống	30	
	AB.65120	Đắp đất công trình bằng đầm cóc, máy tui 110CV, K=0,90	100m ³	1,797	
	TC				
	TC	TỔNG CỘNG			

Copy và paste hạng mục, công tác vào bảng Danh mục công việc

Lưu ý số lượng công tác và số dòng để không bị Paste chèn qua dòng Tổng cộng

Hình 2.21a – Copy – Paste dữ liệu sang phần mềm Quyết toán GXD

- Sử dụng lệnh Cập nhật hạng mục nếu dữ liệu đưa sang có chứa Hạng mục

QuyettoanGXD1 - Quyết toán GXD

FILE QuyettoanGXD HOME INSERT PAGE LAYOUT FORMULAS DATA REVIEW VIEW

Giải đoạn: HD

Thanh toán: Thanh toán, Dữ liệu, Trợ giúp

AD11

DANH MỤC CÔNG VIỆC
CÔNG TRÌNH: PHÂN MỀM THANH QUYẾT
GỢI THẦU: QUYẾT TOÁN GXD

STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	YẾU THUA/TỈ LỆ ĐƠN KỸ THUẬT
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
	HM	NỀN MẶT ĐƯỜNG			
	AD.11212	Làm móng cấp phối đá dăm lớp dưới đường làm mới	100m ³	20,776	
	AB.13411	Đắp cát nền móng công trình	m ³	497,9	
	AF.15434	Bê tông mặt đường chiều dày mặt đường <= 25 cm, đá 2x4 M250 - độ sụt 2 - 4cm	m ³	3485,303	
	AF.82411	Ván khuôn mặt đường bê tông	100m ²	4,647	
	HM	CỐNG TRÒN			
	AG.13211	Cốt thép pa nền đường kính cốt thép <= 10 mm	1tấn	1,614	
	AG.42141	Lắp các loại cầu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công trọng lượng cầu kiện >250 kg, VXM75	cái	60	
	AK.95121	Quét nhựa đường chống thấm mỗi nôi ống cống, đường kính ống cống 1,00 m	ống cống	30	
	AK.95111	Quét nhựa đường chống thấm mỗi nôi ống cống, đường kính ống cống 0,75 m	ống cống	30	
	AB.65120	Đắp đất công trình bằng đầm cóc, máy tui 110CV, K=0,90	100m ³	1,797	
	TC				
	TC	TỔNG CỘNG			

Cập nhật hạng mục

Cập nhật hạng mục

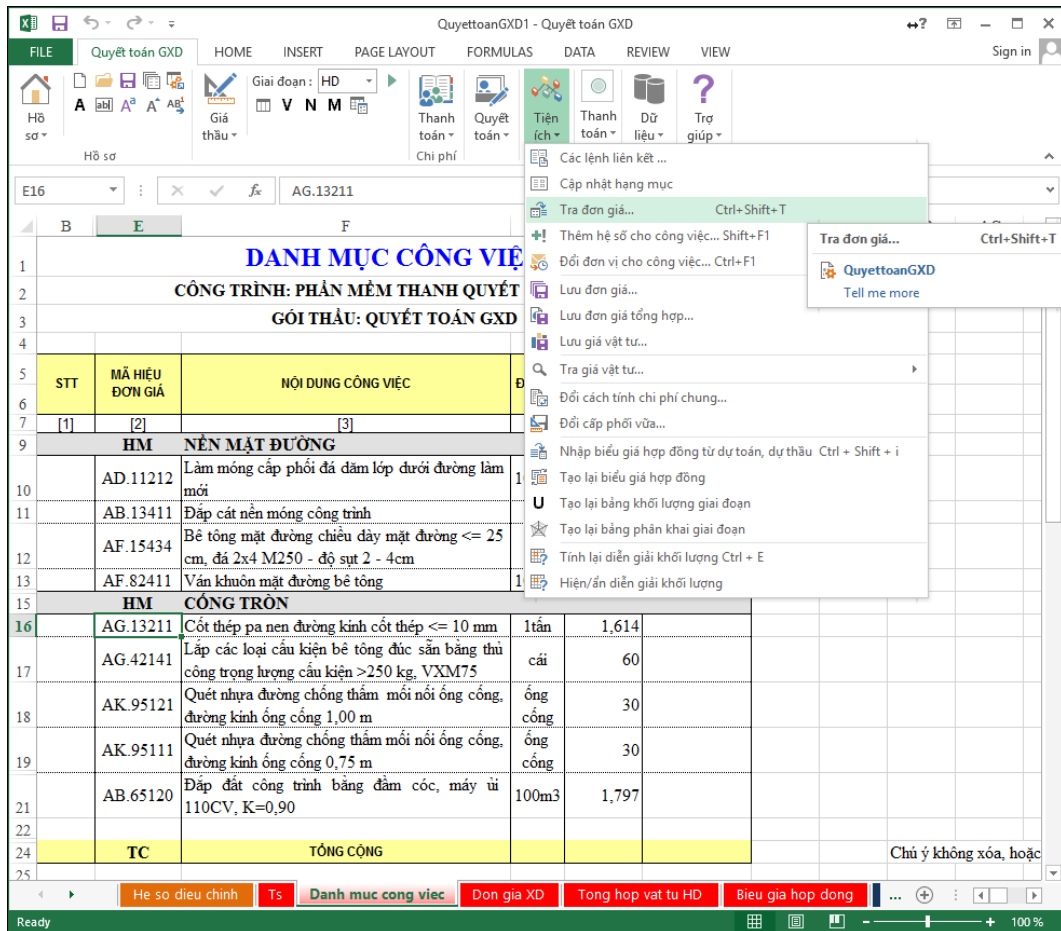
QuyettoanGXD

Tell me more

Chỉ ý không xóa hoặc

Hình 2.21b – Cập nhật hạng mục

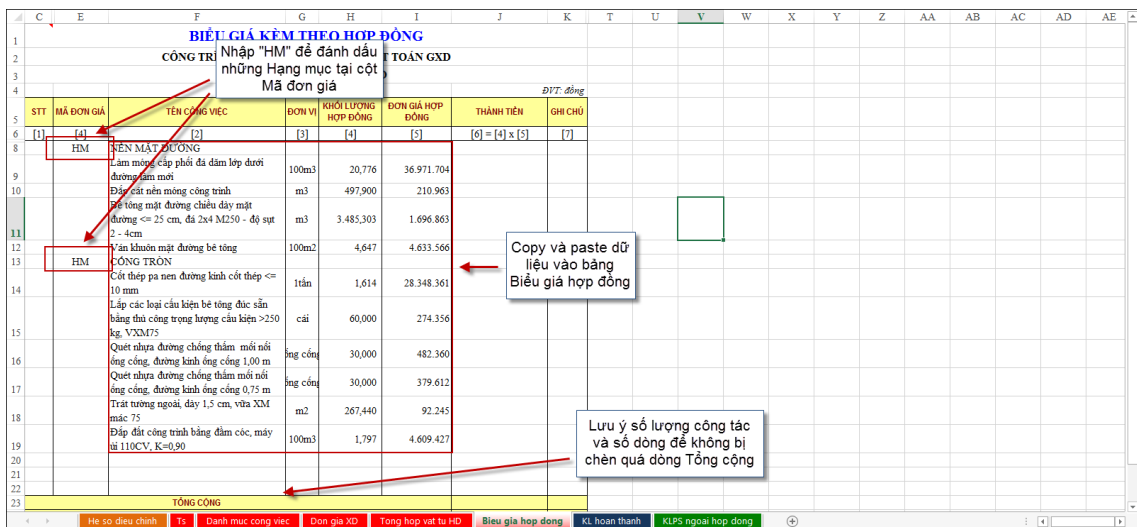
- Tiến hành tra lại đơn giá các công tác và bắt đầu làm việc trên phần mềm với dữ liệu vừa lấy về.



Hình 2.21c – Tra lại đơn giá công tác

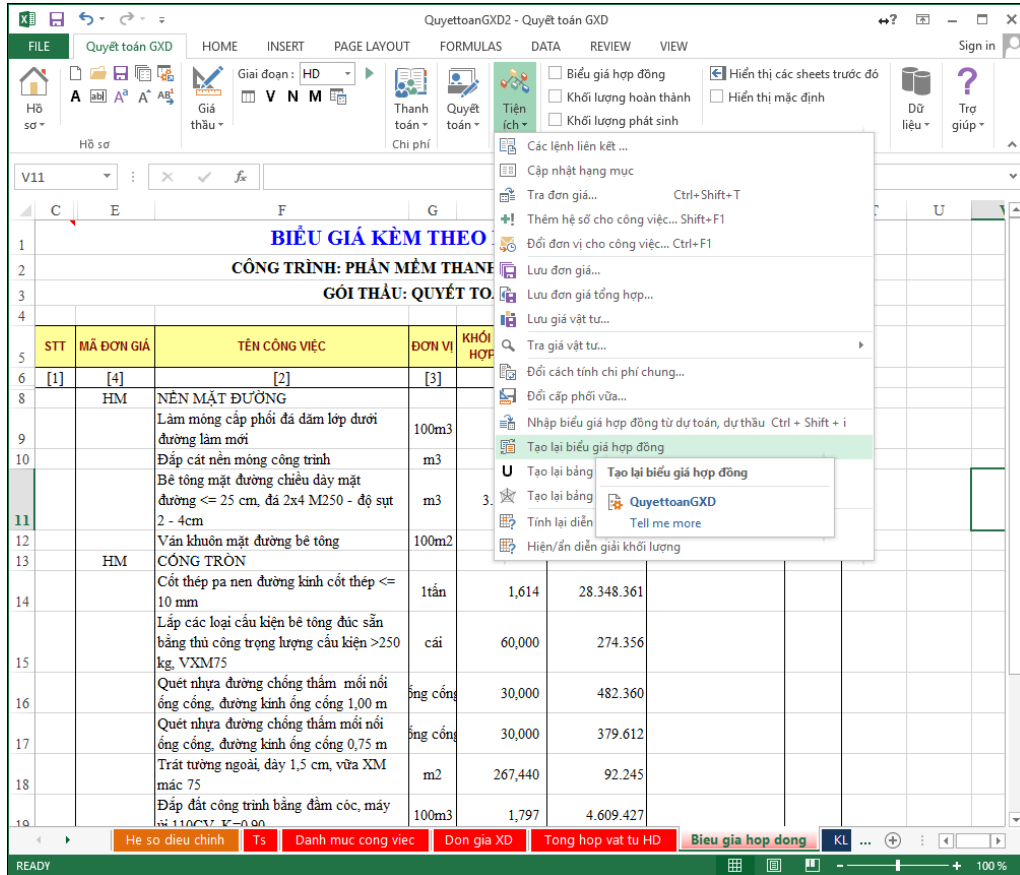
(2) Biểu giá hợp đồng:

- Copy và paste dữ liệu vào sheet Biểu giá hợp đồng tương tự như Danh mục công việc.
- Lưu ý: Bắt buộc phải có “HM” tương ứng với các Hạng mục tại cột Mã đơn giá



Hình 2.21d – Copy dữ liệu đưa vào Biểu giá hợp đồng

- Chạy lệnh *Tạo lại biểu giá hợp đồng*



Hình 2.21e – Thao tác lệnh *Tạo lại biểu giá hợp đồng*

- Phần mềm tự đánh lại *Số thứ tự, Hạng mục, Mã đơn giá và công thức Thành tiền*

STT	MÃ ĐƠN GIÁ	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG HỢP ĐỒNG	ĐƠN GIÁ HỢP ĐỒNG	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
[1]	[4]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6] = [4] x [5]	[7]
NỀN MẶT ĐƯỜNG							
DG1	TT1	Làm móng cấp phối đá dăm lớp dưới đường làm mới	100m3	20,776	36.971.704	768.124.115	
DG2	TT2	Đắp cát nền móng công trình	m3	497,900	210.963	105.038.341	
DG3	TT3	Bê tông mặt đường chiều dày mặt đường <= 25 cm, đá 2x4 M250 - độ sụt 2 - 4cm	m3	3.485,303	1.696.863	5.914.083.190	
DG4	TT4	Ván khuôn mặt đường bê tông	100m2	4,647	4.633.566	21.532.180	
CÔNG TRÒN							
DG5	TT5	Cốt thép pa nen đường kính cốt thép <= 10 mm	1tấn	1,614	28.348.361	45.754.255	
DG6	TT6	Lắp các loại cầu kiện bê tông đúc sẵn bảng thủ công trọng lượng cầu kiện >250 kg, VXM75	cái	60,000	274.356	16.461.340	
DG7	TT7	Quét nhựa đường chống thấm mỗi nối ống cống, đường kính ống cống 1,00 m	ống cống	30,000	482.360	14.470.794	
DG8	TT8	Quét nhựa đường chống thấm mỗi nối ống cống, đường kính ống cống 0,75 m	ống cống	30,000	379.612	11.388.357	
DG9	TT9	Trát tường ngoài, dày 1,5 cm, vữa XM mác 75	m2	267,440	92.245	24.670.112	
DG10	TT10	Đắp đất công trình bằng đầm cóc, máy từ 110CV, K=0,90	100m3	1,797	4.609.427	8.283.140	
TỔNG CỘNG						6.929.805.823	

Hình 2.21f – *Biểu giá hợp đồng sau khi được tạo lại*

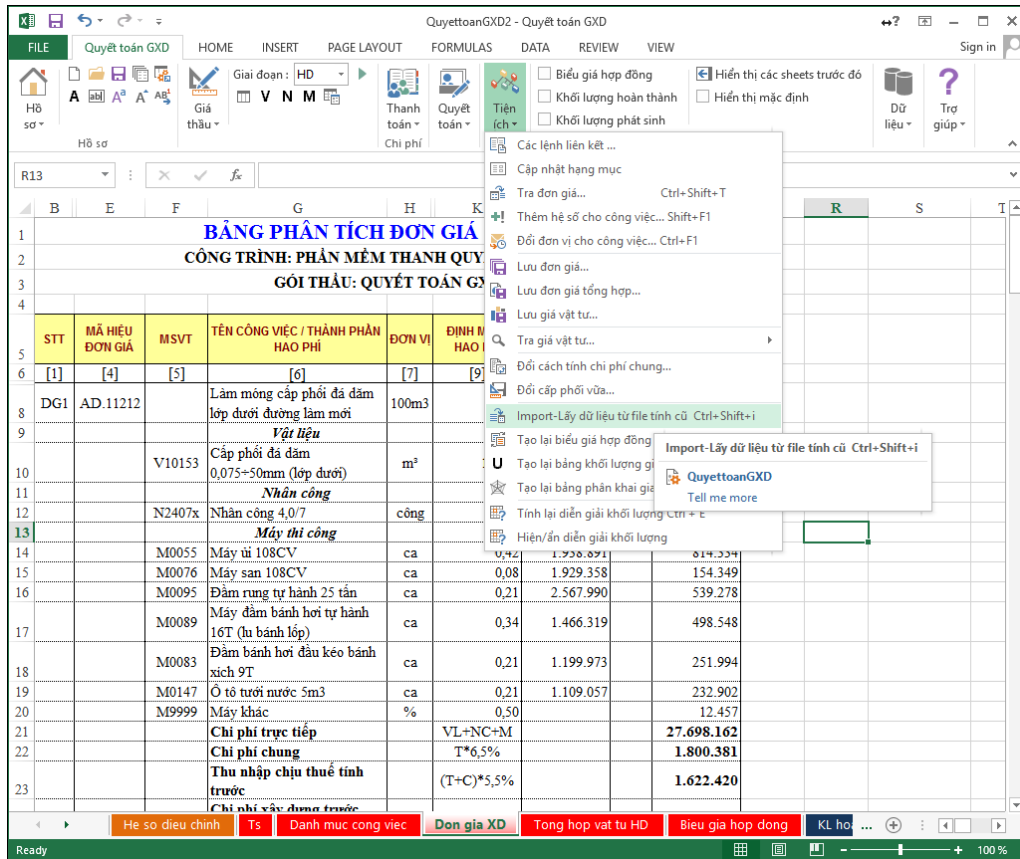
• **Cách 2 – Tự động:**

Thực hiện:

Sử dụng tính năng Import dữ liệu – Lấy dữ liệu từ các file tính sang phần mềm Quyết toán GXD.

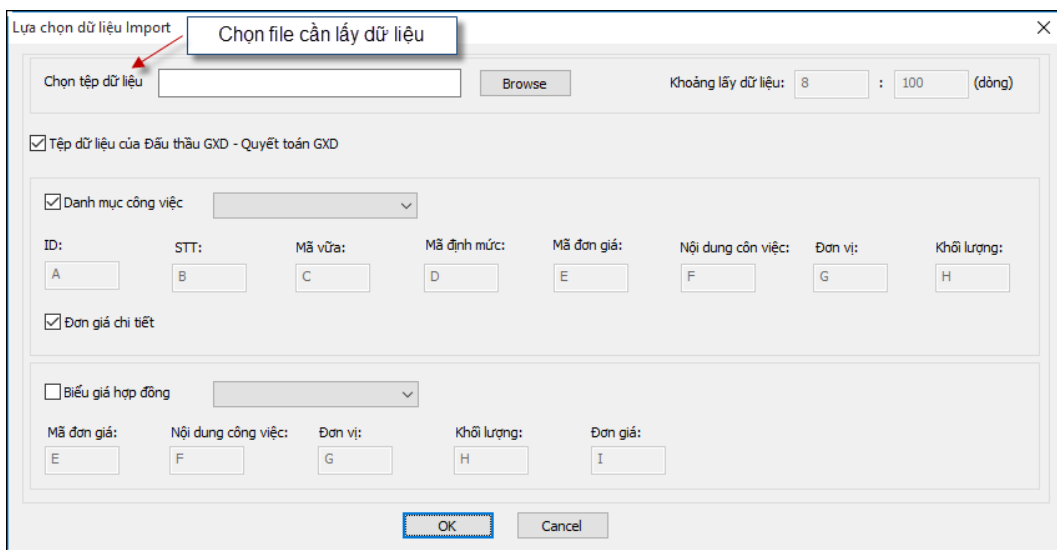
- Bước 1. Vào menu Tiện ích > Nhập biểu giá hợp đồng từ dự toán, dự thầu

Phím tắt: Ctrl + Shift + I



Hình 2.22a – Tính năng Import dữ liệu trong menu Tiện ích

- Hộp thoại Lựa chọn dữ liệu Import:



Hình 2.22b – Hộp thoại Import dữ liệu trong menu Tiện ích

- Nếu tích chọn Tập dữ liệu của Đấu thầu GXD – Quyết toán GXD
- ⇒ Bạn chỉ việc lựa chọn Import *Danh mục công việc*, *Đơn giá chi tiết* hay *Biểu giá hợp đồng* => OK.
- Nếu không tích chọn Tập dữ liệu của Đấu thầu GXD – Quyết toán GXD
- ⇒ Lựa chọn Import *Danh mục công việc*, *Đơn giá chi tiết* hay *Biểu giá hợp đồng*
- ⇒ Lựa chọn các sheet và các cột sẽ lấy dữ liệu tương ứng
- ⇒ Lựa chọn khoảng lấy dữ liệu (số dòng) muốn Import.

CHƯƠNG 3. THỰC HÀNH VỚI PHẦN MỀM QUYẾT TOÁN GXD VÀ MỘT SỐ TÌNH HUỐNG THANH QUYẾT TOÁN THƯỜNG GẶP

I. HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH VỚI PHẦN MỀM QUYẾT TOÁN GXD

1. Bài tập ví dụ 1 – Lập biểu giá hợp đồng

1.1. Yêu cầu

Cho danh mục công việc thi công tuyến đường giao thông bê tông xi măng (có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng) như **Bảng 1**, hãy lập thành biểu giá hợp đồng cho các công việc với cấu thành đơn giá đầy đủ theo Thông tư 06/2016/TT-BXD (không phân bổ chi phí dự phòng trong đơn giá).

Biết:

- Địa điểm xây dựng: Công trình thi công tại Thành phố Thái Bình
- Thời điểm lập biểu giá hợp đồng: Tháng 6/2016
- Đơn giá vật liệu theo **Bảng 2**
- Đơn giá nhân công: Tính theo Thông tư 05/2016/TT-BXD với mức lương đầu vào là 2.154.000 đồng/tháng
- Đơn giá ca máy: Chi phí nhiên liệu năng lượng được tính với giá điện 1.622,01đồng/KWh; giá nhiên liệu theo **Bảng 3**.

STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
HM NỀN MẶT ĐƯỜNG				
1	AB.31121	Đào nền đường máy đào <=0,8m3, máy ủi <=110cv, đất C1	100m3	29,85
2	AB.31122	Đào nền đường máy đào <=0,8m3, máy ủi <=110cv, đất C2	100m3	8,227
3	AB.31123	Đào nền đường máy đào <=0,8m3, máy ủi <=110cv, đất C3	100m3	408,263
4	AB.64112	Đắp nền đường bằng máy đầm 9T, máy ủi 110CV, K=0,90	100m3	114,84
5	AD.11212	Làm móng cấp phối đá dăm lớp dưới đường làm mới	100m3	20,776
6	AB.13411	Đắp cát nền móng công trình	m3	497,9
7	AF.15434	Bê tông mặt đường chiều dày mặt đường <= 25 cm, đá 2x4 M250 - độ sụt 2 - 4cm	m3	3485,303
8	AF.82411	Ván khuôn mặt đường bê tông	100m2	4,647
HM CỐNG TRÒN				
1	AB.25113	Đào móng bằng máy đào <=0,8m3, R<=6m, đất C3	100m3	5,393
2	AD.11110	Làm móng đá ba, đá học chiều dày lớp móng đã lên ép <= 20 cm	m3	34,7
3	AE.12315	Xây cống, VXM cát mịn M100 - độ lớn ML = 1,5 - 2,0	m3	326,86

STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
4	AG.31111	Ván khuôn pa nen	100m2	3,261
5	AG.11515	Bê tông ống cống, XMPC30,cát vàng, đá 1x2 M300 - độ sụt 2 - 4cm	m3	20,76
6	AG.13211	Cốt thép pa nen đường kính cốt thép <= 10 mm	1tấn	1,614
7	AG.42141	Lắp các loại cầu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công trọng lượng cầu kiện >250 kg, VX75	cái	60
8	AK.95121	Quét nhựa đường chống thấm mỗi nối ống cống, đường kính ống cống 1,00 m	ống cống	30
9	AK.95111	Quét nhựa đường chống thấm mỗi nối ống cống, đường kính ống cống 0,75 m	ống cống	30
10	AK.21124	Trát tường ngoài, dày 1,5 cm, vữa XM mác 75	m2	267,44
11	AB.65120	Đắp đất công trình bằng đầm cóc, máy ủi 110CV, K=0,90	100m3	1,797

Bảng 1 – Danh mục công việc

STT	MSVT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GIÁ VẬT TƯ	THÀNH TIỀN
1	V10153	Cấp phối đá dăm 0,075÷50mm (lớp dưới)	m ³	2.950,19	177.500	523.659.080
2	V10126	Cát đen	m ³	607,44	74.300	45.132.643
3	V10130	Cát mịn ML = 1,5-2,0	m ³	4,96	105.400	522.327
4	V10134	Cát vàng	m ³	150,29	232.900	35.002.659
5	V10135	Cát vàng đổ bê tông	m ³	1.624,10	232.900	378.252.094
6	V10275	Đá (ba, hộc)	m ³	41,64	194.100	8.082.324
7	V10280	Đá 1x2	m ³	18,23	199.600	3.638.061
8	V10281	Đá 2x4	m ³	3.086,58	199.600	616.082.234
9	V10282	Đá 4x6	m ³	18,63	183.000	3.409.477
10	V10304	Đá hộc	m ³	392,23	194.100	76.132.231
11	V10311	Đay	kg	33,00	12.200	402.600
12	V10329	Đinh	kg	48,92	21.100	1.032.107
13	V10263	Dây thép	kg	34,57	20.000	691.438
14	V10461	Giấy dầu	m ²	75,30	4.900	368.970
15	V10435	Gỗ đà nẹp	m ³	0,06	2.772.700	162.752
16	V10439	Gỗ làm khe co dãn	m ³	48,79	2.772.700	135.291.795
17	V10447	Gỗ ván	m ³	0,27	2.772.700	750.467
18	V10556	Nhựa đường	kg	13.013,96	18.100	235.552.685
19	V10543	Nước (lít)	lít	665.873,85	10	6.658.738
20	V10603	Phụ gia dẻo hoá	kg	462,52	1.200	555.021
21	V10804	Thép hình	kg	146,38	18.300	2.678.763
22	V10833	Thép tròn D≤10mm	kg	1.622,07	17.800	28.872.846
23	V10896	Xi măng PC30	kg	1.435.610,39	1.400	2.009.854.550

Bảng 2 – Giá vật liệu hợp đồng

GIÁ BÁN LẺ XĂNG DẦU		
Sản phẩm	Vùng 1	Vùng 2
Xăng RON 95-II	16.860	17.190
Xăng RON 92-II	16.160	16.480
E5 RON 92-II	15.640	15.950
DO 0,05S	12.290	12.530
Dầu hỏa	10.660	10.870

Bảng 3 – Giá nhiên liệu

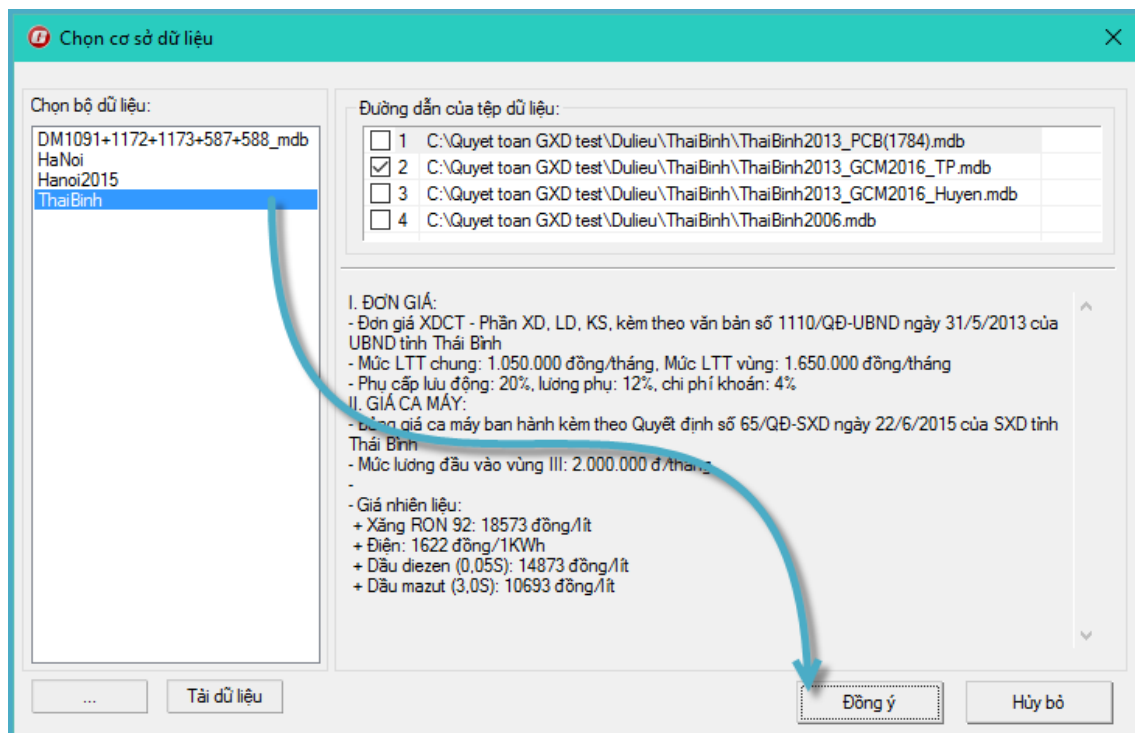
1.2. Thực hiện

Bước 1: Khởi động phần mềm

Bước 2: Chọn cơ sở dữ liệu

Thao tác: Vào menu Hồ sơ > Chọn cơ sở dữ liệu > Chọn dữ liệu Thái Bình

* Trường hợp chưa có dữ liệu của địa phương, có thể chọn nút tải về và chọn địa phương tương ứng.



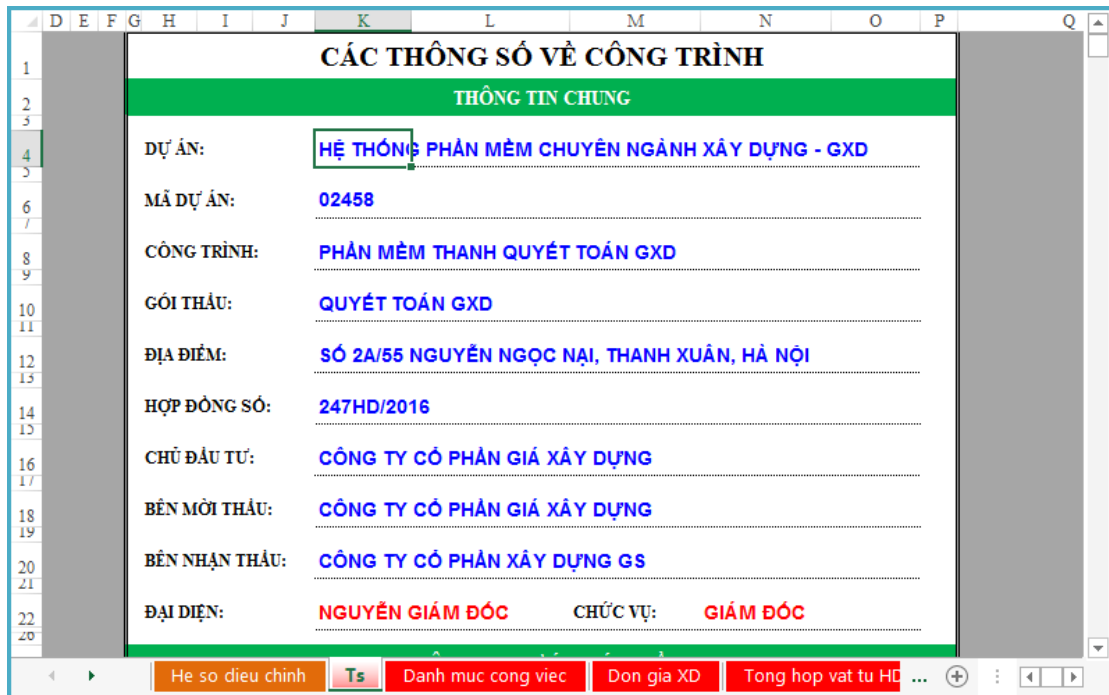
Hình 1.1 – Chọn cơ sở dữ liệu

Bước 3: Nhập thông tin công trình

Vào sheet thông số Ts lần lượt nhập các thông tin

a. Thông tin chung

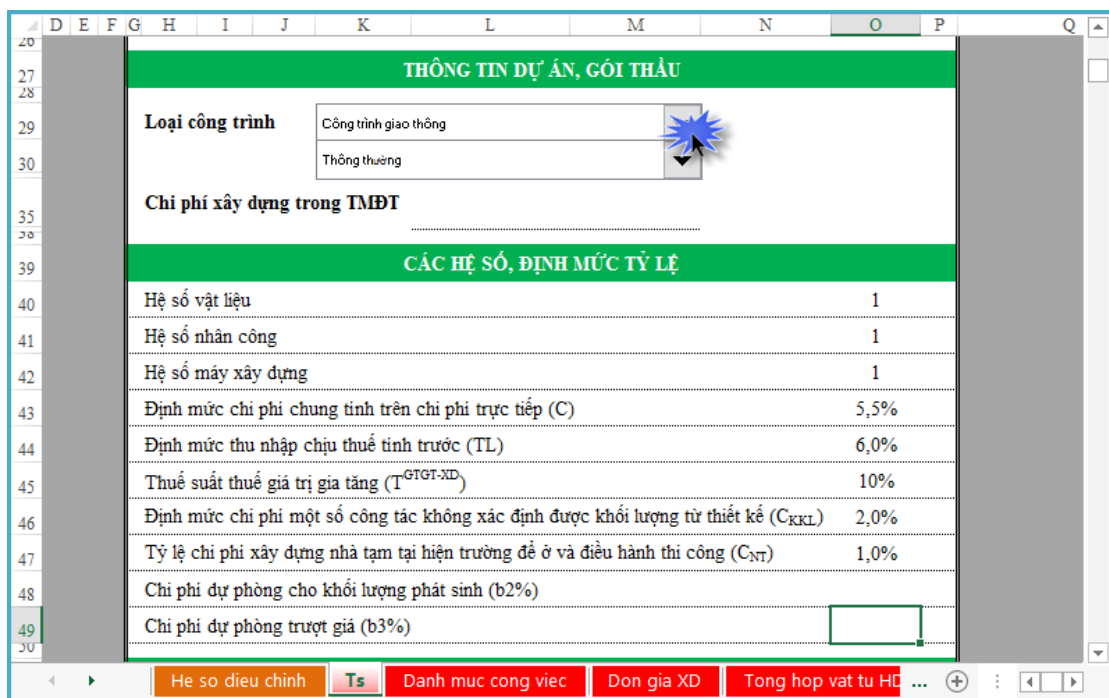
?



Hình 1.2a – Thông tin chung

b. Thông tin dự án gói thầu và các định mức tỷ lệ

- Loại công trình: Công trình giao thông
- Bỏ tỷ lệ dự phòng phí vì yêu cầu không phân bổ dự phòng vào đơn giá



Hình 1.2b – Thông tin gói thầu, định mức tỷ lệ

c. Nhập thông tin chế độ tiền lương, giá nhiên liệu năng lượng

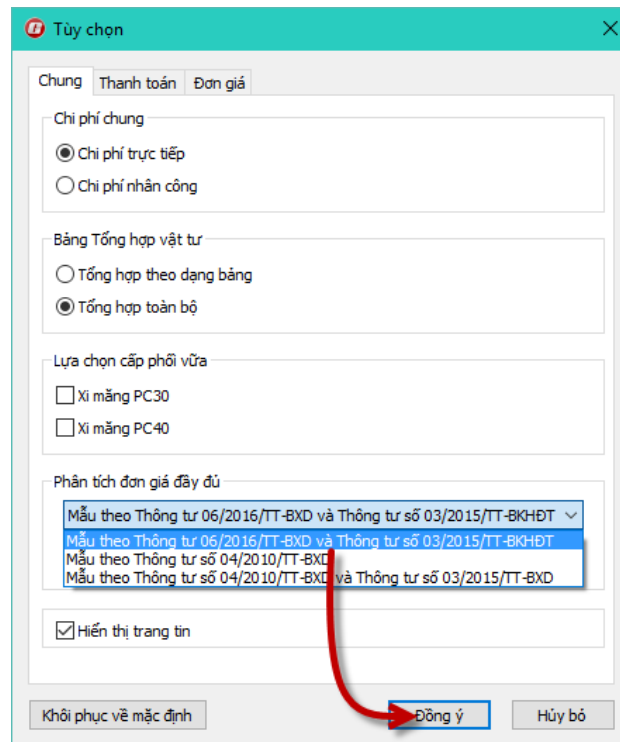
- Nhập thông tin lương cơ sở đầu vào theo yêu cầu: 2.154.000đ/tháng
- Nhập giá nhiên liệu năng lượng theo Bảng 3 như hình

CHẾ ĐỘ TIỀN LƯƠNG - GIÁ NHIÊN LIỆU, NĂNG LƯỢNG (TRƯỚC VAT)	
Địa phương:	Tỉnh Thái Bình Thành phố Thái Bình Vùng III
Mức lương cơ sở đầu vào để xác định đơn giá nhân công	2.000.000 → 2.154.000
Mức lương cơ sở đầu vào sử dụng	2.154.000 đ/tháng
Giá xăng	14.982 đ/lít
Giá dầu Diesel	11.391 đ/lít
Giá dầu mazut	6.296 đ/lít
Giá điện	1.622 đ/kWh
THÔNG SỐ HỢP ĐỒNG	
Tỷ lệ phần trăm (%) thanh toán	100,0%
Tỷ lệ phần trăm (%) tạm ứng	30,0%
Số tiền tạm ứng	
Tỷ lệ phần trăm (%) bảo hành	5,0%

Hình 1.2c – Chế độ tiền lương, giá nhiên liệu năng lượng

Bước 4. Chọn mẫu phân tích đơn giá đầy đủ

- Vào menu Hồ sơ > Các tùy chọn > Chọn mẫu theo Thông tư 06/2016/TT-BXD như hình



Hình 1.3 – Chọn mẫu phân tích đơn giá đầy đủ

Bước 5. Nhập danh mục công việc

Vào *sheet* *Danh mục công việc* nhập lần lượt mã hiệu đơn giá, tên công việc, và khối lượng như hình

STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	YÊU CẦU KỸ THUẬT/CHỈ DẪN KỸ THUẬT
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
HM NỀN ĐƯỜNG					
DG1	AB.31121	Đào nền đường bằng máy đào ≤0,8m ³ + máy ủi ≤110CV, đổ lên phương tiện vận chuyển, đất cấp I	100m ³	29,85	
DG2	AB.31122	Đào nền đường bằng máy đào ≤0,8m ³ + máy ủi ≤110CV, đổ lên phương tiện vận chuyển, đất cấp II	100m ³	8,227	
DG3	AB.31123	Đào nền đường bằng máy đào ≤0,8m ³ + máy ủi ≤110CV, đổ lên phương tiện vận chuyển, đất cấp III	100m ³	408,263	
DG4	AB.64112	Đắp nền đường máy đầm 9 tấn, độ chặt yêu cầu K=0,90	100m ³	114,84	

Hình 1.4a – Nhập danh mục công việc

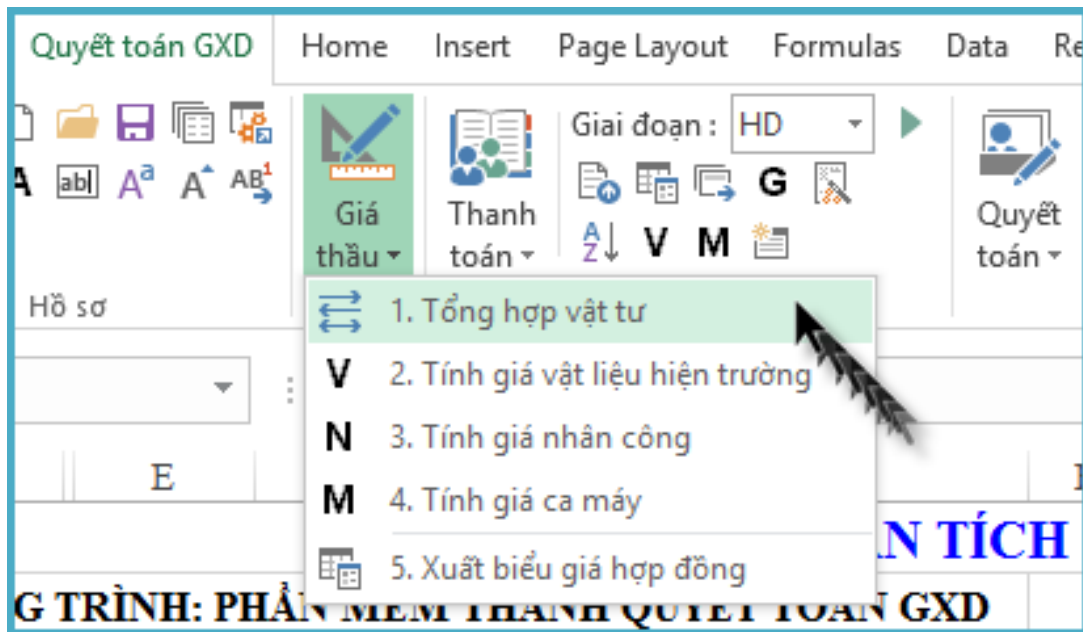
Sau khi nhập danh mục xong danh mục công việc, đơn giá chi tiết cũng đã được tự động tạo thành:

STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	MSVT	TÊN CÔNG VIỆC / THÀNH PHẦN HAO PHÍ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐỊNH MỨC HAO PHÍ	ĐƠN GIÁ	HỆ SỐ	THÀNH TIỀN
[1]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]
HM NỀN ĐƯỜNG									
DG1	AB.31121		Đào nền đường bằng máy đào ≤0,8m ³ + máy ủi ≤110CV, đổ lên phương tiện vận chuyển, đất cấp I	100m ³	29,85				
			<i>Nhân công</i>						696.107
		N1307	Nhân công 3,0/7	công		3,89	178.948		696.107
			<i>Máy thi công</i>						773.615
		M0006	Máy đào 0,8m ³	ca		0,30	2.278.757		685.906
		M0055	Máy ủi 108CV	ca		0,05	1.754.188		87.709
			Chi phí trực tiếp			VL+NC+M			1.469.722
			Chi phí chung			T*5,5%			80.835
			Thu nhập chịu thuế tính trước			(T+C)*6%			93.033
			Chi phí xây dựng trước thuế			T+C+TL			1.643.590

Hình 1.4b – Đơn giá chi tiết

Bước 6. Tổng hợp vật tư và nhập giá vật liệu

Vào menu Giá thầu > 1. Tổng hợp vật tư



Hình 1.5a – Tổng hợp vật tư

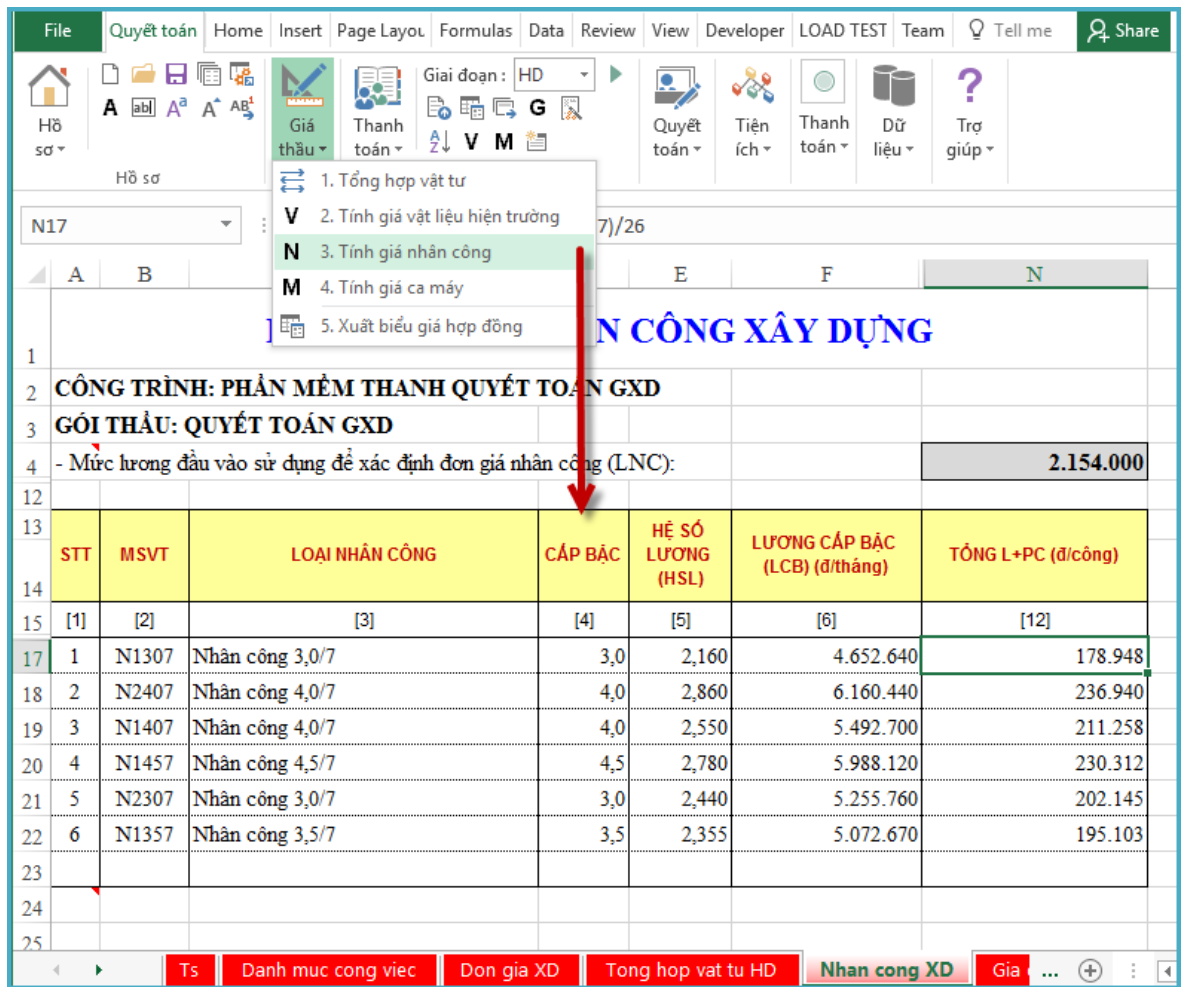
Bảng tổng hợp vật tư được tạo, tiến hành nhập giá vật liệu theo yêu cầu

STT	MSVT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GIÁ VẬT TƯ HỢP ĐỒNG	THÀNH TIỀN	NGUỒN	
1		BẢNG TỔNG HỢP VẬT TƯ HỢP ĐỒNG						
2		CÔNG TRÌNH: PHẦN MỀM THANH QUYẾT TOÁN GXD						
3		GÓI THẦU: QUYẾT TOÁN GXD						
4							ĐVT: đôn	
5								
6	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[7]	[9]=[5]*[7]	
8	A	Vật liệu					4.175.393.633	
9	1	V10153	Cấp phối đá dăm 0,075+50mm (lớp dưới)	m ²	2.950,19	177.500	523.659.080	
10	2	V10126	Cát đen	m ²	607,44	74.300	45.132.643	
11	3	V10130	Cát mịn ML = 1,5-2,0	m ²	4,96	105.400	522.327	
12	4	V10134	Cát vàng	m ²	150,29	232.900	35.002.659	
13	5	V10135	Cát vàng đỏ bê tông	m ²	1.624,10	232.900	378.252.094	
14	6	V10275	Đá (ba, học)	m ²	41,64	194.100	8.082.324	
15	7	V10280	Đá 1x2	m ²	18,23	199.600	3.638.061	
16	8	V10281	Đá 2x4	m ²	3.086,58	199.600	616.082.234	
17	9	V10282	Đá 4x6	m ²	18,63	183.000	3.409.477	
18	10	V10304	Đá học	m ²	392,23	194.100	76.132.231	
19	11	V10311	Đay	kg	33,00	12.200	402.600	
20	12	V10329	Đinh	kg	48,92	21.100	1.032.107	
21	13	V10263	Dây thép	kg	34,57	20.000	691.438	

Hình 1.5b – Nhập giá vật liệu

Bước 7. Tính giá nhân công

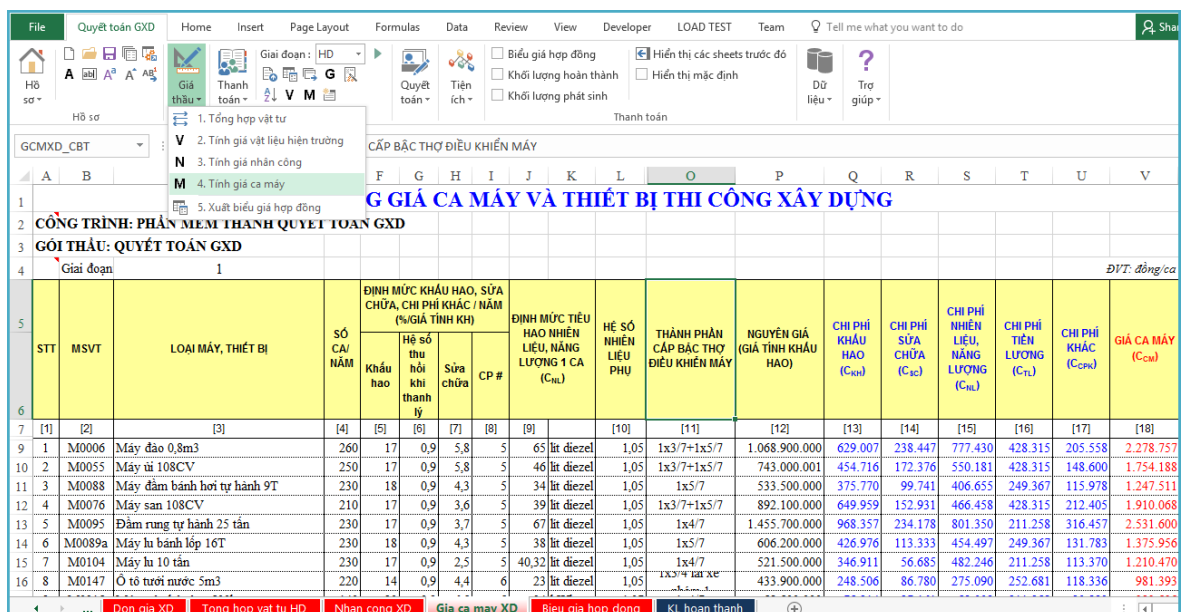
Vào menu Giá thầu > 3. Tính giá nhân công



Hình 1.6 – Tính giá nhân công

Bước 8. Tính giá ca máy

Vào menu Giá thầu > 4. Tính giá ca máy

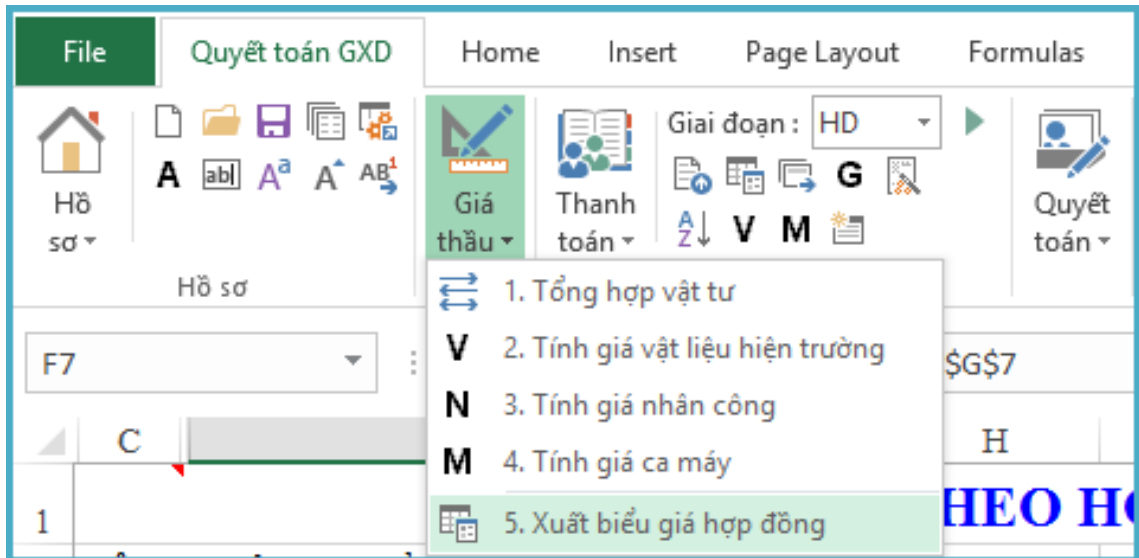


Hình 1.7 – Tính giá ca máy

Bước 9. Xuất biểu giá hợp đồng

Sau khi hoàn thành bảng tổng hợp vật tư và giá vật liệu, nhân công và máy thi công, thực hiện xuất biểu giá hợp đồng bằng thao tác:

Vào menu Giá thầu > 5. Xuất biểu giá hợp đồng



Hình 1.8 – Xuất biểu giá hợp đồng

STT	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG HỢP ĐỒNG	ĐƠN GIÁ HỢP ĐỒNG	THÀNH TIỀN
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6] = [4] x [5]
NỀN ĐƯỜNG					
1	Đào nền đường bằng máy đào ≤0,8m3 + máy ủi ≤110CV, đổ lên phương tiện vận chuyên, đất cấp I	100m ³	29,850	1.807.949	53.967.273
2	Đào nền đường bằng máy đào ≤0,8m3 + máy ủi ≤110CV, đổ lên phương tiện vận chuyên, đất cấp II	100m ³	8,227	2.190.065	18.017.661
3	Đào nền đường bằng máy đào ≤0,8m3 + máy ủi ≤110CV, đổ lên phương tiện vận chuyên, đất cấp III	100m ³	408,263	2.671.495	1.090.672.524
4	Đắp nền đường máy đầm 9 tấn, độ chặt yêu cầu K=0,90	100m ³	114,840	1.178.847	135.378.831
5	Làm móng lớp dưới cấp phối đá dăm, đường làm mới	100m ³	20,776	35.046.563	728.127.387
6	Đắp cát nền móng công trình, bằng thủ công	m ³	497,900	212.795	105.950.385
7	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông mặt đường dày ≤25cm, vữa bê tông đá 2x4 mác 250	m ³	3.485,303	1.742.474	6.073.051.489

STT	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG HỢP ĐỒNG	ĐƠN GIÁ HỢP ĐỒNG	THÀNH TIỀN
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6] = [4] x [5]
8	Sản xuất, lắp dựng tháo dỡ ván khuôn thép cho bê tông đổ tại chỗ, mặt đường bê tông	100m ²	4,647	4.002.676	18.600.434
CÔNG TRÒN					
1	Đào móng công trình, chiều rộng móng ≤6m, bằng máy đào ≤0,8m ³ , đất cấp III	100m ³	5,393	3.104.211	16.741.012
2	Làm móng đường đá ba, đá học, chiều dày lớp móng đã lên ép ≤20cm	m ³	34,700	455.512	15.806.281
3	Xây cống bằng đá học, vữa XM mác 100	m ³	326,860	1.495.739	488.897.413
4	Sản xuất, lắp dựng tháo dỡ ván khuôn gỗ, ván khuôn panen	100m ²	3,261	7.278.992	23.736.794
5	Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông ống cống, vữa bê tông đá 1x2 mác 300	m ³	20,760	1.725.621	35.823.891
6	Sản xuất, lắp đặt cốt thép panen đúc sẵn, đường kính ≤10mm	tấn	1,614	27.787.300	44.848.702
7	Lắp các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng cấu kiện >250kg	cái	60,000	258.511	15.510.686
8	Quét nhựa đường chống thấm và mối nối ống cống, đường kính 1m	ống	30,000	492.253	14.767.592
9	Quét nhựa đường chống thấm và mối nối ống cống, đường kính 0,75m	ống	30,000	384.559	11.536.758
10	Trát tường ngoài, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	m ²	267,440	80.295	21.474.086
11	Đắp đất công trình bằng máy đầm cóc, độ chặt yêu cầu K=0,90	100m ³	1,797	3.768.144	6.771.354
TỔNG CỘNG					8.919.680.553
LÀM TRÒN					8.919.681.000

2. Bài tập ví dụ 2 – Lập phụ lục thanh toán

2.1. Yêu cầu

Từ biểu giá hợp đồng đã lập trong bài 1, lập phụ lục thanh toán khối lượng hoàn thành với các thông tin sau:

- Hình thức hợp đồng: Trọn gói.
- Ngày ký hợp đồng 30/6/2016.
- Giá trị tạm ứng: 30% giá trị hợp đồng.
- Thanh toán 100% giá trị khối lượng hoàn thành.
- Khối lượng hoàn thành: Thi công hoàn thành toàn bộ khối lượng hợp đồng, và nghiệp thu một lần sau khi hoàn tất.

2.2. Thực hiện

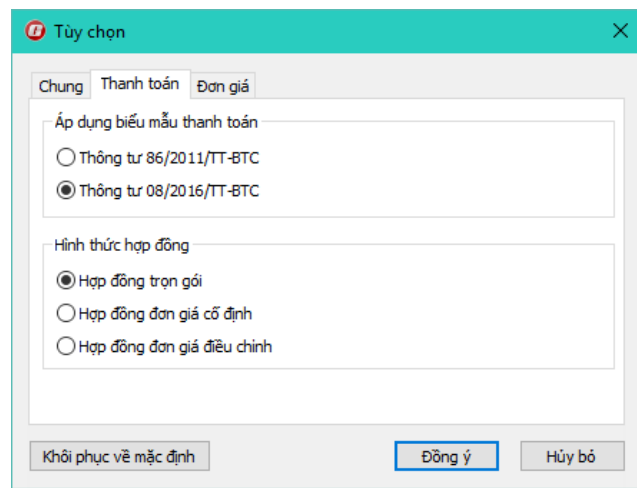
Sau khi có được biểu giá hợp đồng như ở bài 1, thực hiện tiếp tục các bước sau:

Bước 1. Chọn loại hình hợp đồng và thông tư áp dụng lập phụ lục thanh toán

Vào Hồ sơ > Các tùy chọn > Chọn mục Thanh toán

Áp dụng biểu mẫu thanh toán: Thông tư 08/2016/TT-BTC

Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói



Hình 2.1 – Tùy chọn loại hợp đồng và biểu mẫu thanh toán

Bước 2. Nhập thông tin về thanh toán trong sheet thông số Ts

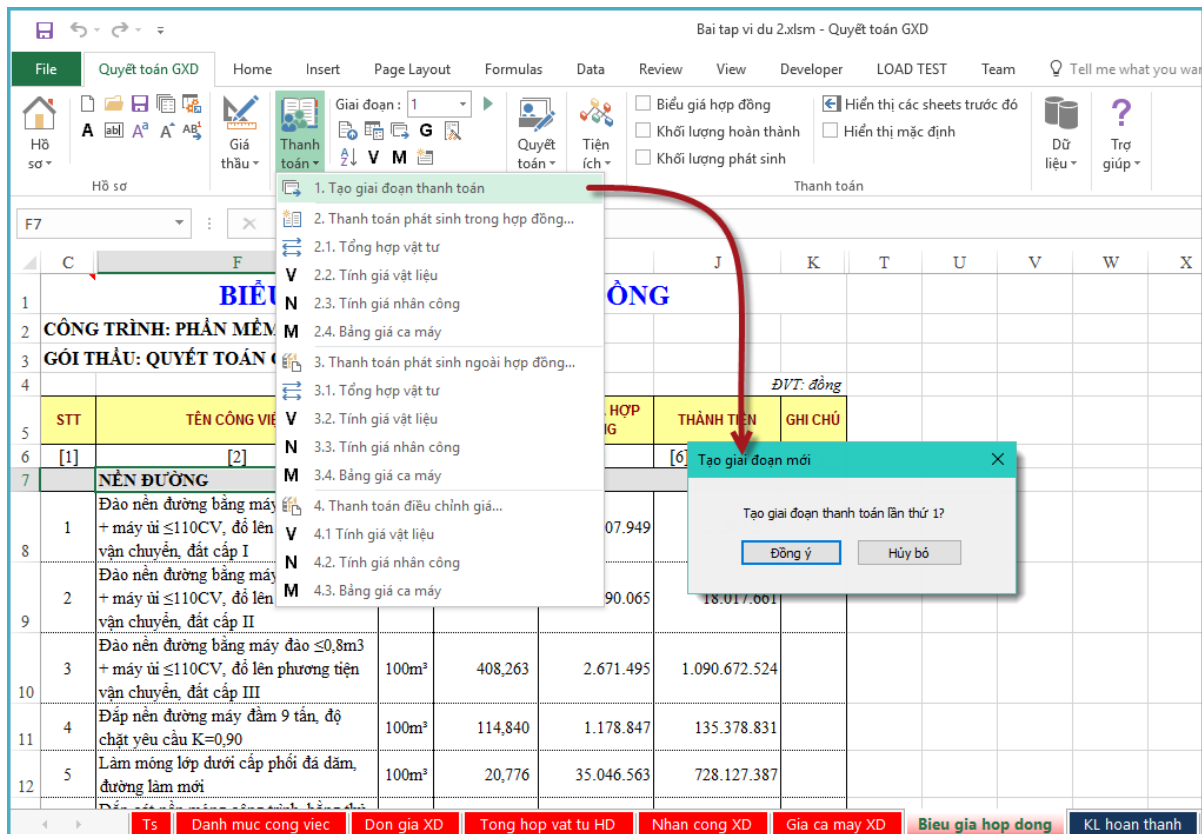
Vào sheet Ts, phần thông số hợp đồng, nhập các thông tin theo yêu cầu đề bài

THÔNG SỐ HỢP ĐỒNG	
Tỷ lệ phần trăm (%) thanh toán	100,0%
Tỷ lệ phần trăm (%) tạm ứng	30,0%
Số tiền tạm ứng	
Tỷ lệ nhân trăm (%) hao hành	5,0%
Ts	Đanh mục công việc Đơn giá XD Tổng hợp vật tư HD Nhân công XD Giá

Hình 2.2 – Nhập thông số hợp đồng

Bước 3. Tạo giai đoạn thanh toán, nhập khối lượng hoàn thành

Vào menu Thanh toán > chọn lệnh Tạo giai đoạn thanh toán



Hình 2.3a – Tạo giai đoạn thanh toán

Nhập khối lượng hoàn thành như hình

BẢNG NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG THI CÔNG										
CÔNG TRÌNH: PHẦN MỀM THANH QUYẾT TOÁN GXD										
GÓI THẦU: QUYẾT TOÁN GXD										
Kèm theo biên bản nghiệm thu số:										
Giai đoạn: 1										
STT	MÃ ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	SỐ BỘ PHẬN GIỜNG NHAU	KÍCH THƯỚC			HỆ SỐ	KHỐI LƯỢNG	
					Dài	Rộng	Cao (Sâu)		Từng phần	Toàn phần
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]
NỀN ĐƯỜNG										
1	AB.31121	Đào nền đường bằng máy đào ≤0,8m3 + máy ủi ≤110CV, độ lên phương tiện vận chuyển, đất cấp I	100m ³	1					29,85	29,85
2	AB.31122	Đào nền đường bằng máy đào ≤0,8m3 + máy ủi ≤110CV, độ lên phương tiện vận chuyển, đất cấp II	100m ³	1					8,23	8,23
3	AB.31123	Đào nền đường bằng máy đào ≤0,8m3 + máy ủi ≤110CV, độ lên phương tiện vận chuyển, đất cấp III	100m ³	1					408,26	408,26
4	AB.64112	Đắp nền đường máy đầm 9 tấn, độ chặt yêu cầu K=0,90	100m ³	1					114,84	114,84
5	AD.11212	Làm móng lớp dưới cấp phối đá dăm, đường làm mới	100m ³	1					20,78	20,78
6	AP.12411	Đắp cát nền móng công trình, bằng thủ	m ³	1					407,00	407,00

Hình 2.3b – Nhập khối lượng hoàn thành

Bước 4. Kiểm soát lại phụ lục thanh toán PL03.a

Phụ lục 03.a													
BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH THEO HỢP ĐỒNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN													
Mã dự án:													
Tên dự án: HỆ THỐNG PHẦN MỀM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG - GXD													
Tên gói thầu: QUYẾT TOÁN GXD													
Hợp đồng số: 247HD/2016													
Bên giao thầu: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁ XÂY DỰNG													
Bên nhận thầu: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GS													
Thanh toán lần thứ: 1													
Căn cứ xác định:													
Biên bản nghiệm thu số.....ngày.....tháng.....năm.....													
STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng				Đơn giá thanh toán	Đơn giá bổ sung (nếu có)	Thành tiền				GHI CHÚ
			Theo hợp đồng	Thực hiện					Theo hợp đồng	Thực hiện			
				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]
	NỀN ĐƯỜNG								8.223.765.985		8.223.765.985	8.223.765.985	
1	Đào nền đường bằng máy đào ≤0,8m3 + máy ủi ≤110CV, đổ lên phương tiện vận chuyển, đất cấp I	100m³	29,85		29,85	29,85	1.807.949		53.967.273		53.967.273	53.967.273	
2	Đào nền đường bằng máy đào ≤0,8m3 + máy ủi ≤110CV, đổ lên phương tiện vận chuyển, đất cấp II	100m³	8,23		8,23	8,23	2.190.065		18.017.661		18.017.661	18.017.661	
3	Đào nền đường bằng máy đào ≤0,8m3 + máy ủi ≤110CV, đổ lên phương tiện vận chuyển, đất cấp III	100m³	408,26		408,26	408,26	2.671.495		1.090.672.524		1.090.672.524	1.090.672.524	
4	Đắp nền đường máy đầm 9 tấn, độ chặt yêu cầu K=0,90	100m³	114,84		114,84	114,84	1.178.847		135.378.831		135.378.831	135.378.831	
5	Làm móng lớp dưới cấp phối đá dăm, đường làm mới	100m³	20,78		20,78	20,78	35.046.563		728.127.387		728.127.387	728.127.387	
6	Đắp cát nền móng công trình, bằng thủ công	m³	497,90		497,90	497,90	212.795		105.950.385		105.950.385	105.950.385	
7	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông mặt đường dày ≤25cm, vữa bê tông đá 2x4 mác 250	m³	3.485,30		3.485,30	3.485,30	1.742.474		6.073.051.489		6.073.051.489	6.073.051.489	
8	Sản xuất, lắp dựng thảo dỡ ván khuôn thép cho bê tông đổ tại chỗ, mặt đường bê tông	100m²	4,65		4,65	4,65	4.002.676		18.600.434		18.600.434	18.600.434	

CÔNG TRÒN								695.914.568	695.914.568	695.914.568	
1	Đào móng công trình, chiều rộng móng ≤6m, bằng máy đào ≤0,8m ³ , đất cấp III	100m ³	5,39	5,39	5,39	3.104.211	16.741.012	16.741.012	16.741.012		
2	Làm móng đường đá ba, đá học, chiều dày lớp móng đã lên ép ≤20cm	m ³	34,70	34,70	34,70	455.512	15.806.281	15.806.281	15.806.281		
3	Xây công bằng đá học, vữa XM mác 100	m ³	326,86	326,86	326,86	1.495.739	488.897.413	488.897.413	488.897.413		
4	Sản xuất, lắp dựng tháo dỡ ván khuôn gỗ, ván khuôn panen	100m ²	3,26	3,26	3,26	7.278.992	23.736.794	23.736.794	23.736.794		
5	Sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông ống công, vữa bê tông đá 1x2 mác 300	m ³	20,76	20,76	20,76	1.725.621	35.823.891	35.823.891	35.823.891		
6	Sản xuất, lắp đặt cốt thép panen đúc sẵn, đường kính ≤10mm	tấn	1,61	1,61	1,61	27.787.300	44.848.702	44.848.702	44.848.702		
7	Lắp các loại cầu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng cầu kiện >250kg	cái	60,00	60,00	60,00	258.511	15.510.686	15.510.686	15.510.686		
8	Quét nhựa đường chống thấm và mối nối ống công, đường kính 1m	ống	30,00	30,00	30,00	492.253	14.767.592	14.767.592	14.767.592		
9	Quét nhựa đường chống thấm và mối nối ống công, đường kính 0,75m	ống	30,00	30,00	30,00	384.559	11.536.758	11.536.758	11.536.758		
10	Trát tường ngoài, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	m ²	267,44	267,44	267,44	80.295	21.474.086	21.474.086	21.474.086		
11	Đắp đất công trình bằng máy đầm cóc, độ chặt yêu cầu K=0,90	100m ³	1,80	1,80	1,80	3.768.144	6.771.354	6.771.354	6.771.354		
Tổng cộng :								8.919.680.553	8.919.680.553	8.919.680.553	
1. Giá trị hợp đồng:								8.919.680.553 đ			
2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:								2.675.904.166 đ			
3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:											
4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:								8.919.680.553 đ			
5. Thanh toán để thu hồi tạm ứng:								2.675.904.166 đ			
6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này:								6.243.776.387 đ			
+ Thanh toán tạm ứng:											
+ Thanh toán khối lượng hoàn thành:								6.243.776.387 đ			
Số tiền bằng chữ: Sáu tỷ hai trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm tám mươi bảy đồng. (là số tiền đề nghị thanh toán kỳ này)											
7. Lũy kế giá trị thanh toán:								8.919.680.553 đ			
								Ngày... tháng.....năm.....20...			
Đại diện nhà thầu				Đại diện tư vấn giám sát (nếu có)				Đại diện chủ đầu tư			
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)				(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)				(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)			

Hình 3 – Phụ lục 03a

3. Bài tập ví dụ 3 – Thanh toán hợp đồng trọn gói

3.1. Yêu cầu

Hãy sử dụng phần mềm Quyết toán GXD để lập và hoàn thiện các biểu mẫu thanh toán từng giai đoạn, quyết toán theo Thông tư số 08/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Các thông tin trong hợp đồng như sau:

- Hợp đồng trọn gói. Biểu giá hợp đồng xác định theo *Bảng 1*.
- Tạm ứng hợp đồng: 20% giá trị hợp đồng. Thu hồi tạm ứng từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi khối lượng hoàn thành đạt 80%.
- Khôi phục biểu giá hợp đồng sử dụng dữ liệu đơn giá Hà Nội theo quyết định số 5481/QĐ-UBND ngày 24/11/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội. Với cấu thành đơn giá chi tiết theo Thông tư 04/2010/TT-BXD
- Thanh toán một lần với khối lượng hoàn thành được nghiệm thu giai đoạn xác định theo *Bảng 2*.

BIỂU GIÁ HỢP ĐỒNG

CÔNG TRÌNH: TRỤ SỞ LÀM VIỆC CÔNG TY GIÁ XÂY DỰNG

HẠNG MỤC: TRUNG TÂM PHẦN MỀM QUYẾT TOÁN GXD

ĐỊA ĐIỂM: SỐ 18, NGUYỄN NGỌC NẠI, THANH XUÂN, HÀ NỘI

STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	AB.11443	Đào móng cột rộng >1m, sâu >1m, đất cấp III	m ³	73,125	384.714	28.132.236
2	AF.11111	Bê tông lót mác 100	m ³	5,850	1.041.248	6.091.304
3	AF.11213	Bê tông móng cột	m ³	58,604	1.317.757	77.225.845
4	AF.61110	Sản xuất, lắp dựng cốt thép móng đường kính ≤10mm	tấn	2,355	24.365.240	57.380.139
5	AF.61120	Sản xuất, lắp dựng cốt thép móng đường kính ≤18mm	tấn	2,156	23.849.091	51.418.640
TỔNG CỘNG						220.248.164

Bảng 1. Biểu giá hợp đồng

BẢNG KHỐI LƯỢNG NGHIỆM THU

CÔNG TRÌNH: TRỤ SỞ LÀM VIỆC CÔNG TY GIÁ XÂY DỰNG

HẠNG MỤC: TRUNG TÂM PHẦN MỀM QUYẾT TOÁN GXD

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: SỐ 18, NGUYỄN NGỌC NẠI, THANH XUÂN, HÀ NỘI

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	SỐ BỘ PHẬN GIỐNG NHAU	KÍCH THƯỚC			HỆ SỐ	KHỐI LƯỢNG	
				Dài	Rộng	Cao (Sâu)		Từng phần	Toàn phần
1	Đào móng cột trụ, hố kiểm tra, bằng thủ công, rộng >1m, sâu >1m, đất cấp III	m ³	26	1,50	1,50	1,25		2,813	73,125
2	Bê tông lót mác 100	m ³	26	1,50	1,50	0,10		0,225	5,850
3	Bê tông móng cột	m ³	26	1,40	1,40	1,15		2,254	58,604
4	Sản xuất, lắp dựng cốt thép móng đường kính ≤10mm	tấn							2,355
	2,355								2,355
5	Sản xuất, lắp dựng cốt thép móng đường kính ≤18mm	tấn							2,156
	2,156								2,156

Bảng 2. Khối lượng hoàn thành

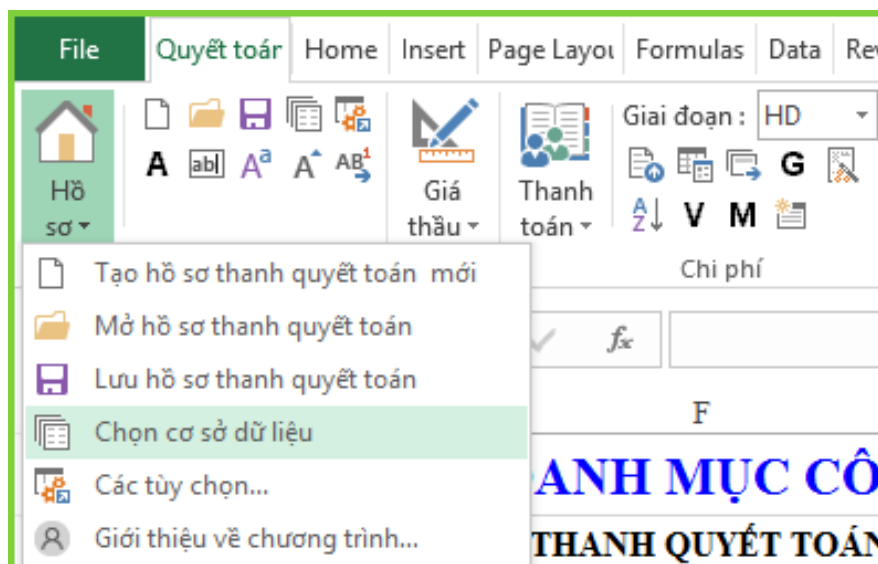
3.2. Thực hiện

Bước 1: Khởi động phần mềm, chọn cơ sở dữ liệu, chọn loại hợp đồng thanh toán

Bước 1.1: Khởi động phần mềm

Bước 1.2: Chọn cơ sở dữ liệu

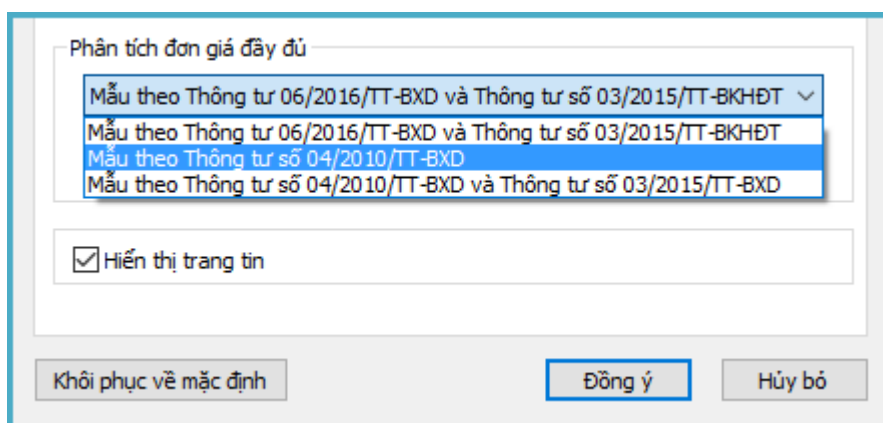
(1) Lệnh thực hiện: Hồ sơ/ Chọn cơ sở dữ liệu:



Hình 3.1 – Lệnh chọn cơ sở dữ liệu

(2) Bảng chọn của địa phương hiện ra tích chọn Hanoi, chọn **Kích hoạt** sau đó chọn **Kết thúc**

Bước 1.3: Chọn mẫu đơn giá chi tiết theo Thông tư 04/2010/TT-BXD



Hình 3.2a – Chọn mẫu đơn giá chi tiết

Các mẫu đơn giá mặc định có thể xem tại sheet MauDGCT

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU	HS1	HS2	Mẫu theo Thông
29				ĐVT: đồng			
30	CHI PHÍ THEO ĐƠN GIÁ						
31	Chi phí vật liệu			A			
32	Chênh lệch vật liệu			CLVL			
33	Chi phí nhân công			B			
34	Chênh lệch nhân công			CLNC			
35	Chi phí máy xây dựng			C			
36	Chênh lệch máy xây dựng			CLM			
37	I CHI PHÍ TRỰC TIẾP						
38	1 Chi phí vật liệu	A*1		VL	1		
39	2 Chi phí nhân công	B*1		NC	1		
40	3 Chi phí máy thi công	C*1		M	1		
41	Chi phí trực tiếp khác	(VL+NC+M)*2%		TT	2,0%		
42	Chi phí trực tiếp	VL+NC+M+TT		T			
43	II CHI PHÍ CHUNG	T*6%		C	6,0%		
44	III THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	(T+C)*5,5%		TL	5,5%		
45	Chi phí xây dựng trước thuế	T+C+TL		G			
46	IV THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	G*10%		GTGT	10%		
47	Chi phí xây dựng sau thuế	G + GTGT		G _{XD}			
48	Chi phí xây dựng nhà tạm	G _{XD} *1%		G _{xdt}	1%		
49	GIÁ DỰ THẦU	G _{XD} +G _{xdt}		GGTXD			
50							
51							

Hình 3.2b – Xem mẫu đơn giá chi tiết

Bước 1.4: Chọn loại hợp đồng thanh toán

- (1) Vào menu *Hồ sơ/ Các tùy chọn...*
- (2) Thực hiện vào thẻ *Thanh toán > Chọn Thông tư 08/2016/TT-BTC* và hình thức hợp đồng *trộn gói*.

Hình 3.2c – Chọn loại hợp đồng thanh toán

➤ **Bước 2: Nhập thông tin hợp đồng và các hệ số định mức tỷ lệ**

Thông tin chung của công trình cần nhập vào sheet Thông số Ts

Ở ví dụ này do đơn giá chi tiết theo cấu thành của Thông tư 04/2010/TT-BXD nên ta nhập lại hệ số định mức tỷ lệ vào sheet Ts theo bảng 3.7 và 3.8 của Thông tư trên.

CÁC HỆ SỐ, ĐỊNH MỨC TỶ LỆ	
Hệ số vật liệu	1
Hệ số nhân công	1
Hệ số máy xây dựng	1
Định mức chi phí chung tính trên chi phí trực tiếp (C)	6,5%
Định mức thu nhập chịu thuế tính trước (TL)	5,5%
Thuế suất thuế giá trị gia tăng ($T^{GTGT-XD}$)	10%
Định mức chi phí một số công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế (C_{KKL})	2,5%
Tỷ lệ chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công (C_{NT})	1,0%
Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh (b2%)	5,0%
Chi phí dự phòng trượt giá (b3%)	3,0%
CHẾ ĐỘ TIỀN LƯƠNG - GIÁ NHẬP LIỆU NĂNG LƯỢNG (TRƯỚC VAT)	

Hình 3.3 – Nhập thông tin công trình

➤ **Bước 3: Tạo danh mục công việc**

Vào sheet Danh mục công việc Nhập mã hiệu đơn giá vào cột mã hiệu đơn giá hoặc tìm mã hiệu bằng từ khóa tương tự như phần mềm Dự toán GXD hoặc Dự thầu GXD, sau đó chỉnh lại tên và đơn vị công việc theo như hợp đồng đã ký kết.

STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	YÊU CẦU KỸ THUẬT/CHỈ DẪN KỸ THUẬT
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
DG1	AB.11443	Đào móng cột rộng >1m, sâu >1m, đất cấp III	m ³	73,125	
DG2	AF.11111	Bê tông lót mác 100	m ³	5,85	
DG3	AF.11213	Bê tông móng cột	m ³	58,604	
DG4	AF.61110	Sản xuất, lắp dựng cốt thép móng đường kính ≤10mm	tấn	2,355	
DG5	AF.61120	Sản xuất, lắp dựng cốt thép móng đường kính ≤18mm	tấn	2,156	
TC		TỔNG CỘNG			

Hình 3.4a – Bảng Danh mục công việc

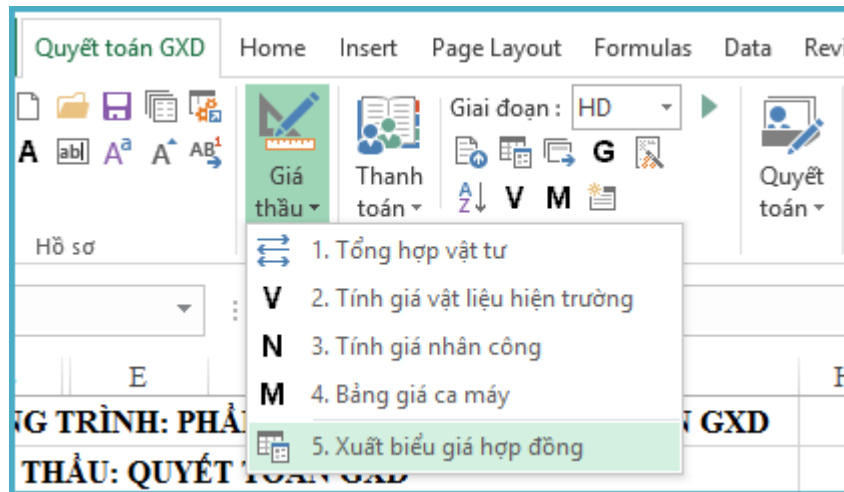
Đơn giá chi tiết đã tự động được tạo:

STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	MSVT	TÊN CÔNG VIỆC / THÀNH PHẦN HAO PHÍ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐỊNH MỨC HAO PHÍ	ĐƠN GIÁ	HỆ SỐ	THÀNH TIỀN
[1]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]
DG1	AB.11443		Đào móng cột rộng >1m, sâu >1m, đất cấp III	m ³	73,125				
			<i>Nhân công</i>						300.676
		N1307	Nhân công 3,0/7	công		1,51	199,123		300,676
			Chi phí trực tiếp khác			(VL+NC+M)*2,5%			7,517
			Chi phí trực tiếp			VL+NC+M+TT			308,193
			Chi phí chung			T*6,5%			20,033
			Thu nhập chịu thuế tính trước			(T+C)*5,5%			18,052
			Chi phí xây dựng trước thuế			T+C+TL			346,278
			Thuế giá trị gia tăng			G*10%			34,628
			Chi phí xây dựng sau thuế			G + GTGT			380,905
			Chi phí xây dựng nhà tạm			GXD*1%			3,809
			Đơn giá dự thầu			GXD+Gxdnt			384,714
DG2	AF.11111		Bê tông lót mác 100	m ³	5,85				

Hình 3.4b – Đơn giá chi tiết

➤ **Bước 4: Đưa các đơn giá sang biểu giá hợp đồng**

Chọn Menu Giá thầu/ Xuất biểu giá hợp đồng



Hình 3.5 – Xuất biểu giá hợp đồng

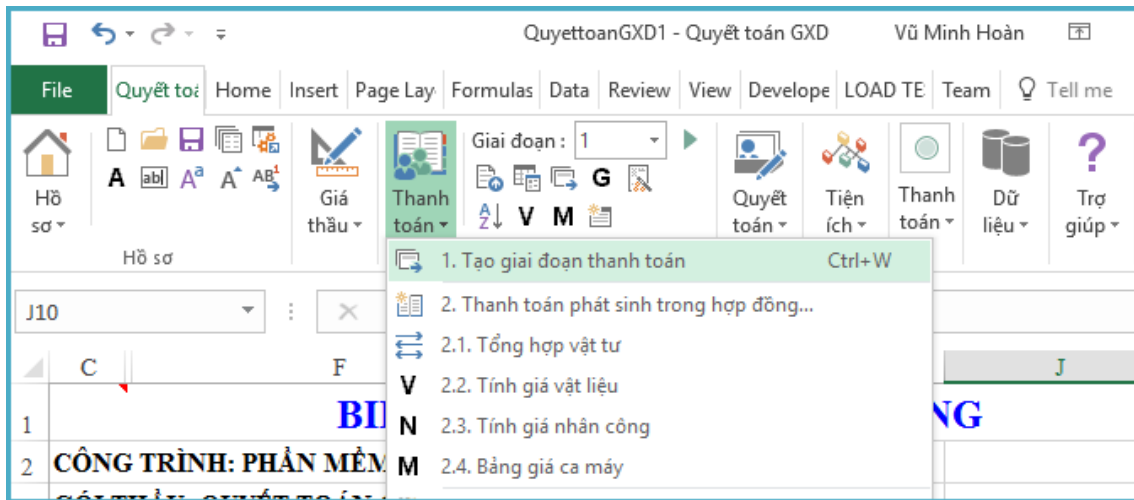
Sau khi thực hiện lệnh, phần mềm đưa toàn bộ đơn giá chi tiết đã chiết tính sang sheet *Bieu gia hop dong* và cho ra **Biểu giá hợp đồng** như sau:

STT	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG HỢP ĐỒNG	ĐƠN GIÁ HỢP ĐỒNG	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6] = [4] x [5]	[7]
1	Đào móng cột rộng >1m, sâu >1m, đất	m ³	73,125	384.714	28.132.236	
2	Bê tông lót mác 100	m ³	5,850	1.041.248	6.091.304	
3	Bê tông móng cột	m ³	58,604	1.317.757	77.225.845	
4	Sản xuất, lắp dựng cốt thép móng đường	tấn	2,355	24.365.240	57.380.139	
5	Sản xuất, lắp dựng cốt thép móng đường	tấn	2,156	23.849.091	51.418.640	
TỔNG CỘNG					220.248.164	
LÀM TRÒN					220.248.000	

Hình 3.6 – Biểu giá hợp đồng

➤ **Bước 5: Tạo các giai đoạn thanh toán**

Chọn menu Thanh toán, Kích chọn lệnh Tạo giai đoạn thanh



Hình 3.7 – Tạo giai đoạn thanh toán

Tiến hành nhập các giá trị kích thước, khối lượng cho các công việc trong giai đoạn. Ta thu được bảng *Khối lượng hoàn thành* cho giai đoạn như sau:

BẢNG NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG THI CÔNG											
CÔNG TRÌNH: PHÂN MỀM THANH QUYẾT TOÁN GXD											
GÓI THẦU: QUYẾT TOÁN GXD											
Kèm theo biên bản nghiệm thu số:											
Giai đoạn: 1											
STT	MÃ ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	SỐ BỘ PHẬN GIỐNG NHAU	KÍCH THƯỚC			HỆ SỐ	KHỐI LƯỢNG		
					Dài	Rộng	Cao (Sâu)		Từng phần	Toàn phần	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[10]	[11]	[12]	
1	AB.11443	Đào móng cột rộng >1m, sâu >1m, đất cấp III	m ³	26	1,50	1,50	1,25		2,813	73,125	
2	AF.11111	Bê tông lót mác 100	m ²	26	1,50	1,50	0,10		0,225	5,850	
3	AF.11213	Bê tông móng cột	m ³	26	1,40	1,40	1,15		2,254	58,604	
4	AF.61110	Sản xuất, lắp dựng cốt thép móng đường kính ≤10mm	tấn						2,355	2,355	
5	AF.61120	Sản xuất, lắp dựng cốt thép móng đường kính ≤18mm	tấn						2,156	2,156	

Hình 3.8 – Bảng khối lượng hoàn thành giai đoạn 1

Tương tự, ta thực hiện lệnh **Tạo giai đoạn thanh toán** cho các lần tiếp theo (Giai đoạn 2 và giai đoạn 3) và thực hiện tương tự việc nhập kích thước, khối lượng, phần mềm cho ra các giai đoạn thanh toán tiếp theo.

➤ **Bước 6: Tạo Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng (Phụ lục 03.a) cho các giai đoạn thanh toán**

Trong quá trình tạo Bảng khối lượng các giai đoạn thanh toán, phần mềm đồng thời đã tự động tạo ra các Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng cho từng giai đoạn tương ứng.

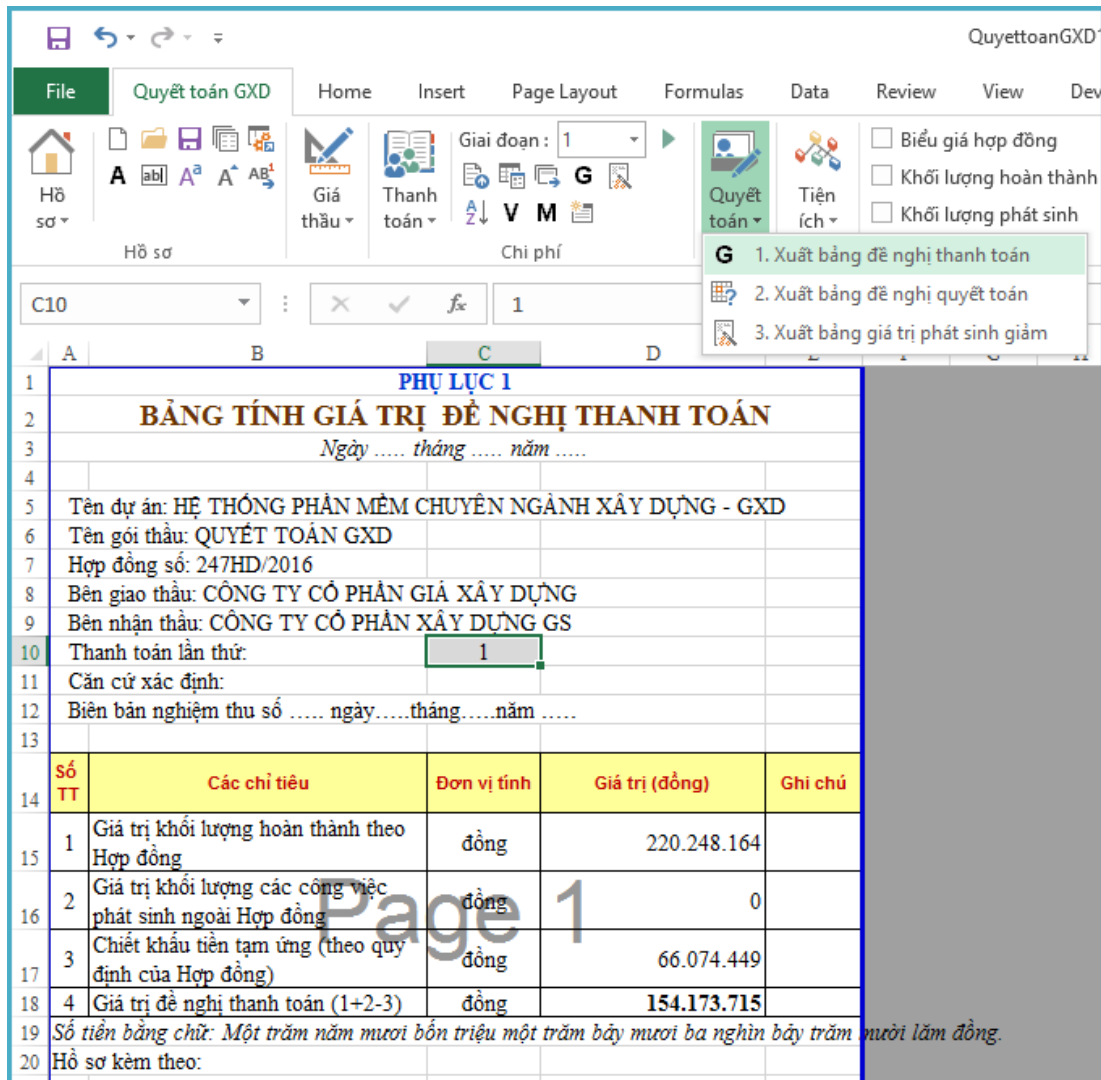
Chuyển sang *sheet* *PL03a* để kiểm tra kết quả cho từng giai đoạn

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH THEO HỢP ĐỒNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN													
Mã dự án:													
Tên dự án: HỆ THỐNG PHẦN MỀM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG - GXD													
Tên gói thầu: QUYẾT TOÁN GXD													
Hợp đồng số: 247HD/2016													
Bên giao thầu: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁ XÂY DỰNG													
Bên nhận thầu: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GS													
Thanh toán lần thứ: 1													
Căn cứ xác định:													
Biên bản nghiệm thu số.....ngày.....tháng.....năm.....													
STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Đơn giá thanh toán	Đơn giá bổ sung (nếu có)	Thành tiền			GHI CHÚ		
			Theo hợp đồng	Thực hiện				Theo hợp đồng	Thực hiện				
			Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này			Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này			
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]
1	Đào móng cột rộng >1m, sâu >1m, đất cấp III	m ²	73,13	73,13	73,13	384.714			28.132.236		28.132.236	28.132.236	
2	Bê tông lót mác 100	m ³	5,85	5,85	5,85	1.041.248			6.091.304		6.091.304	6.091.304	
3	Bê tông móng cột	m ³	58,60	58,60	58,60	1.317.757			77.225.845		77.225.845	77.225.845	
4	Sản xuất, lắp dựng cột thép móng đường kính ≤10mm	tấn	2,36	2,36	2,36	24.365.240			57.380.139		57.380.139	57.380.139	
5	Sản xuất, lắp dựng cột thép móng đường kính ≤18mm	tấn	2,16	2,16	2,16	23.849.091			51.418.640		51.418.640	51.418.640	
Tổng cộng :									220.248.164		220.248.164	220.248.164	
28	1. Giá trị hợp đồng:								220.248.164 đ				
29	2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:								66.074.449 đ				
30	3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:								đ				
31	4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:								220.248.164 đ				
32	5. Chiết khấu tiền tạm ứng:								66.074.449 đ				
33	6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này:								154.173.715 đ				
34	+ Thanh toán tạm ứng:								đ				
35	+ Thanh toán khối lượng hoàn thành:								154.173.715 đ				
36	Số tiền bằng chữ: Một trăm năm mươi bốn triệu một trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm mười lăm đồng.												
37	Lũy kế giá trị thanh toán:								220.248.164 đ				
39													
40	Đại diện nhà thầu								Ngày... tháng... năm...20...		Đại diện chủ đầu tư		
41	(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)										(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)		

Hình 3.9 – Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng

➤ **Bước 7: Xuất bảng giá trị đề nghị thanh toán**

Sau khi có Phụ lục 03.a cho các giai đoạn thanh toán, vào menu *Quyết toán* > *Xuất bảng giá trị đề nghị thanh toán*:



Hình 3.10 – Bảng Quyết toán

➤ **Bước 8: Kiểm tra, in ấn**

Cuối cùng, thực hiện lại kiểm tra các bảng biểu đã tạo và tiến hành in ấn thành bộ hồ sơ thanh quyết toán.

4. Bài tập ví dụ 4 – Hợp đồng đơn giá cố định – Phụ lục thanh toán theo Thông tư 86/2011/TT-BTC.

4.1. Yêu cầu

Lập và hoàn thiện các biểu mẫu thanh toán cho giai đoạn nghiệm thu theo Thông tư số 86/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Biết thông tin trong hợp đồng như sau:

- Công trình thi công xây dựng nhà dân dụng tại Hà Nội.
- Biểu giá hợp đồng được lập thành từ Danh mục công việc theo **Bảng 1**.
- Cấu thành đơn giá đầy đủ theo Thông tư số 04/2010/TT-BXD
- Giá vật tư theo **Bảng 2**.
- Hợp đồng theo đơn giá cố định.
- Thanh toán theo 3 giai đoạn:
 - + Giai đoạn 1 và 2: Thanh toán giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng trong **Bảng 3**.
 - + Giai đoạn 3: Thanh toán giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng theo **Bảng 4**.
 - + Điều chỉnh đơn giá tương ứng phần khối lượng phát sinh vượt 20% khối lượng hợp đồng, giá thép lấy theo **Bảng 5**.
 - + Giá vật tư công việc phát sinh ngoài hợp đồng theo **Bảng 6**.
- Tạm ứng hợp đồng: 20% giá trị hợp đồng. Thu hồi tạm ứng từng lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi khối lượng hoàn thành đạt 80%.

Bảng 1. Danh mục công việc

TT	MÃ HIỆU	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
1	AB.11443	Đào móng cột đất cấp III	m ³	176,230
2	AF.11111	Bê tông lót, đá 4x6 vữa BT mác 100	m ³	108,712
3	AF.11213	Bê tông móng, đá 1x2 vữa BT mác 200	m ³	249,368
4	AF.61110	Lắp dựng cốt thép, đường kính ≤10mm	tấn	131,600
5	AF.61120	Lắp dựng cốt thép, đường kính ≤18mm	tấn	82,600

Bảng 2. Bảng giá trị vật tư

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GIÁ VẬT TƯ	THÀNH TIỀN
A	<i>Vật liệu</i>				4.303.523.714
1	Cát vàng đổ bê tông	m ³	177,66	217.400	38.622.346
2	Đá 1x2	m ³	224,42	246.100	55.229.450
3	Đá 4x6	m ³	101,78	213.900	21.771.551
4	Dây thép	kg	3.998,40	21.900	87.564.960
5	Nước	lít	65.762,01	10	657.620
6	Que hàn	kg	383,26	21.400	8.201.850
7	Thép tròn D≤10mm	kg	132.258,00	18.400	2.433.547.200
8	Thép tròn D≤18mm	kg	84.252,00	18.100	1.524.961.200
9	Xi măng PC30	kg	109.250,76	1.200	131.100.909
B	<i>Nhân công</i>				435.733.966
10	Nhân công 3,0/7	công	829,44	136.600	113.301.758
11	Nhân công 3,5/7	công	2.178,60	148.000	322.432.208
C	<i>Máy thi công</i>				85.594.508
12	Đầm bàn 1Kw	ca	9,68	287.200	2.778.766
13	Đầm dùi 1,5Kw	ca	22,19	294.200	6.529.402
14	Máy cắt uốn cắt thép 5Kw	ca	79,07	303.200	23.974.630
15	Máy hàn điện 23Kw	ca	92,51	437.900	40.511.005
16	Máy trộn bê tông 250l	ca	34,02	346.900	11.800.705

Bảng 3. Nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo hợp đồng

STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG NGHIỆM THU	
				GD1	GD2
1	AB.11443	Đào móng cột đất cấp III	m ³	50,820	125,410
2	AF.11111	Bê tông lót, đá 4x6 vữa BT mác 100	m ³	55,808	52,904
3	AF.11213	Bê tông móng, đá 1x2 vữa BT mác 200	m ³	132,912	116,456
4	AF.61110	Lắp dựng cốt thép, đường kính ≤10mm	tấn	23,700	107,900
5	AF.61120	Lắp dựng cốt thép, đường kính ≤18mm	tấn	24,450	58,150

Bảng 4. Nghiệm thu khối lượng phát sinh (Giai đoạn 3)

STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG NGHIỆM THU
1	AF.11111	Bê tông lót, đá 4x6 vữa BT mác 100	m ³	15,94
2	AF.61110	Lắp dựng cốt thép, đường kính ≤10mm	tấn	58,6
3	AF.61120	Lắp dựng cốt thép, đường kính ≤18mm	tấn	22,8
4	AF.11233	Bê tông móng, đá 2x4 vữa bê tông mác 200	m ³	23,59

Bảng 5. Giá thép cho phần khối lượng phát sinh >20% khối lượng hợp đồng

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG VẬT TƯ	GIÁ VẬT TƯ PHÁT SINH
	<i>Vật liệu</i>			
1	Thép tròn D≤10mm	kg	58.893,00	23.000
2	Thép tròn D≤18mm	kg	23.256,00	22.600

Bảng 6. Giá vật tư xác định đơn giá phát sinh công việc chưa có trong hợp đồng

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG VẬT TƯ	GIÁ VẬT TƯ	THÀNH TIỀN
A	<i>Vật liệu</i>				18.404.027
1	Cát vàng đổ bê tông	m ³	11,39	232.500	2.647.864
2	Đá 2x4	m ³	21,33	252.200	5.378.553
3	Nước	lít	4.231,46	10	42.315
4	Xi măng PC30	kg	7.810,06	1.300	10.153.077
B	<i>Nhân công</i>				9.114.799
5	Nhân công 3,0/7	công	38,69	235.600	9.114.799
C	<i>Máy thi công</i>				1.205.269
6	Đầm dùi 1,5Kw	ca	2,10	255.320	536.047
7	Máy trộn bê tông 250l	ca	2,24	298.620	669.222

4.2. Thực hiện

Bước 1: Khởi động phần mềm

Bước 2: Chọn cơ sở dữ liệu

Thao tác: Vào menu Hồ sơ > Chọn cơ sở dữ liệu > Chọn dữ liệu Hà Nội

Bước 3: Nhập thông tin công trình

Vào sheet thông số Ts lần lượt nhập các thông tin

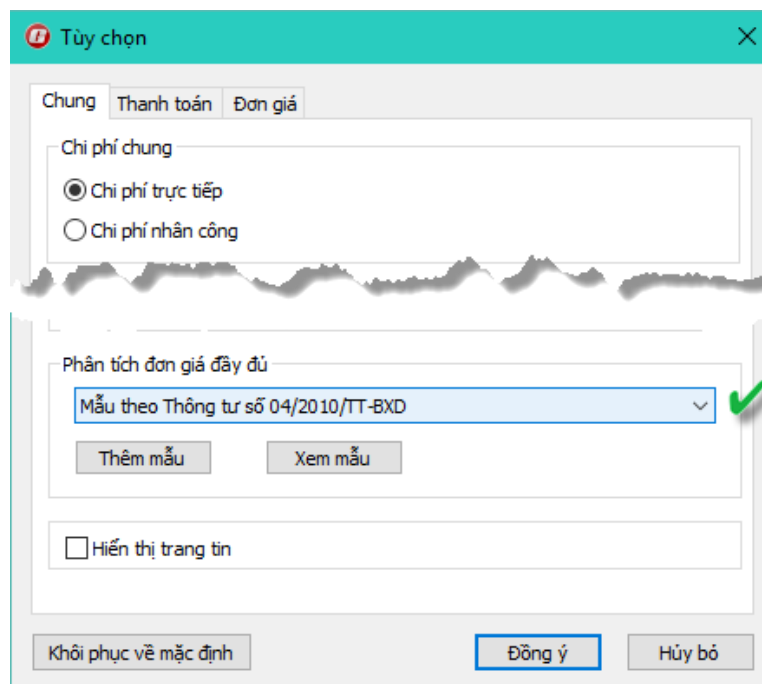
- a. Thông tin chung
 - b. Thông tin dự án gói thầu và các định mức tỷ lệ
- Loại công trình: Công trình dân dụng

THÔNG TIN DỰ ÁN, GÓI THẦU	
Loại công trình	<div style="border: 1px solid gray; padding: 2px;"> Công trình dân dụng ▼ </div> <div style="border: 1px solid gray; padding: 2px;"> Thông thường ▼ </div>
Chi phí xây dựng trong TMĐT

Hình 4.1 – Thông tin gói thầu, định mức tỷ lệ

Bước 4. Chọn mẫu phân tích đơn giá đầy đủ

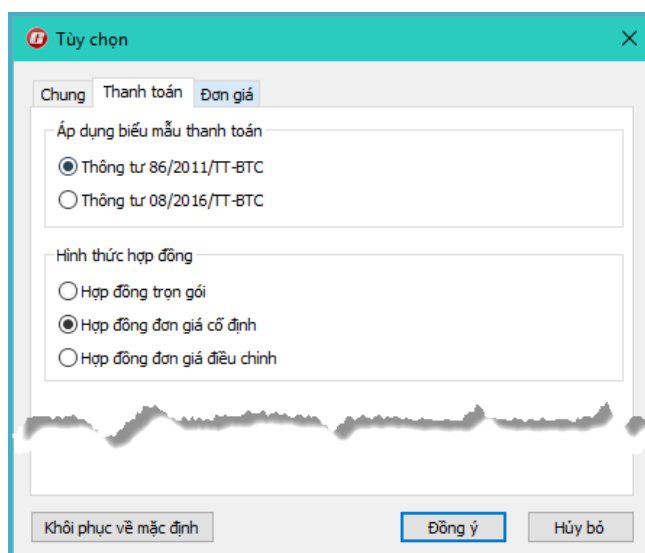
- Vào menu Hồ sơ > Các tùy chọn > Chọn mẫu theo Thông tư 04/2010/TT-BXD như hình



Hình 4.2 – Chọn mẫu phân tích đơn giá đầy đủ

Bước 5. Chọn loại hợp đồng và thông tư áp dụng tạo phụ lục thanh toán

- Vào Hồ sơ > Các tùy chọn > Chọn mục Thanh toán.
- Áp dụng biểu mẫu thanh toán: Thông tư 86/2011/TT-BTC.
- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng đơn giá cố định.



Hình 4.3 – Chọn áp dụng biểu mẫu thanh toán và hợp đồng

Bước 6. Nhập danh mục công việc

- Vào sheet *Danh mục công việc* nhập lần lượt mã hiệu đơn giá, tên công việc, và khối lượng như hình.

STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	YÊU CẦU KỸ THUẬT/CHỈ DẪN KỸ THUẬT
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
DG1	AB.11443	Đào móng cột đất cấp III	m ³	176,23	
DG2	AF.11111	Bê tông lót, đá 4x6 vừa BT mác 100	m ³	108,712	
DG3	AF.11213	Bê tông móng, đá 1x2 vừa BT mác 200	m ³	249,368	
DG4	AF.61110	Lắp dựng cốt thép, đường kính ≤10mm	tấn	131,6	
DG5	AF.61120	Lắp dựng cốt thép, đường kính ≤18mm	tấn	82,6	
	TC	TỔNG CỘNG			

Hình 4.4a – Nhập danh mục công việc

- Sau khi nhập danh mục xong danh mục công việc, đơn giá chi tiết cũng đã được tự động tạo thành:

STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	MSVT	TÊN CÔNG VIỆC / THÀNH PHẦN HAO PHÍ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	HỆ SỐ	THÀNH TIỀN
[1]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[10]	[11]	[12]
DG1	AB.11443		Đào móng cột đất cấp III	m ²	176,23			
			<i>Nhân công</i>					206.266
		N1307	Nhân công 3,0/7	công		136.600		206.266
			Chi phí trực tiếp khác					5.157
			Chi phí trực tiếp					211.423
			Chi phí chung					13.742
			Thu nhập chịu thuế tính trước					12.384
			Chi phí xây dựng trước thuế					237.549
			Thuế giá trị gia tăng					23.755
			Chi phí xây dựng sau thuế					261.304
			Chi phí xây dựng nhà tạm					2.613
			Giá dự thầu					263.917

Hình 4.4b – Đơn giá chi tiết

Bước 7. Tổng hợp vật tư và nhập giá vật liệu

- Vào menu Giá thầu > 1. Tổng hợp vật tư
- Bảng tổng hợp vật tư được tạo, tiến hành nhập giá vật liệu theo yêu cầu.

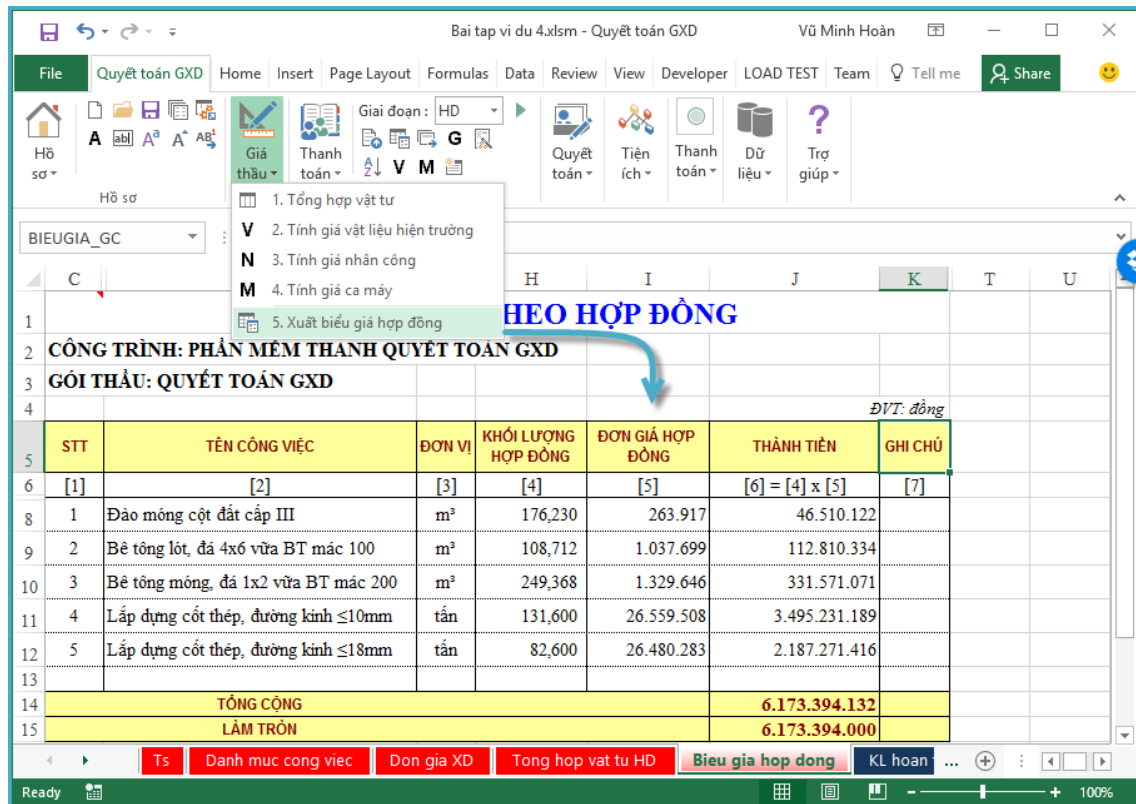
STT	MSVT	VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GIÁ VẬT TƯ HỢP ĐỒNG	THÀNH TIỀN	NGUỒN
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[7]	[9]=[5]*[7]	[12]
1	V10135	Cát vàng đỏ bê tông	m ³	177,66	217.400	38.622.346	
2	V10280	Đá 1x2	m ³	224,42	246.100	55.229.450	
3	V10282	Đá 4x6	m ³	101,78	213.900	21.771.551	
4	V10263	Dây thép	kg	3.998,40	21.900	87.564.960	
5	V10543	Nước	lít	65.762,01	10	657.620	
6	V10613	Que hàn	kg	383,26	21.400	8.201.850	
7	V10833	Thép tròn D≤10mm	kg	132.258,00	18.400	2.433.547.200	
8	V10834	Thép tròn D≤18mm	kg	84.252,00	18.100	1.524.961.200	
9	V10896	Xi măng PC30	kg	109.250,76	1.200	131.100.909	
		Vật liệu khác	%			1.866.628	
		<i>Nhân công</i>				435.733.966	
10	N1307	Nhân công 3,0/7	công	829,44	136.600	113.301.758	
11	N1357	Nhân công 3,5/7	công	2.178,60	148.000	322.432.208	
		<i>Máy thi công</i>				85.594.508	
12	M0350	Đầm bàn 1Kw	ca	9,68	287.200	2.778.766	
13	M0355	Đầm dùi 1,5Kw	ca	22,19	294.200	6.529.402	
14	M0522	Máy cắt uốn cắt thép 5Kw	ca	79,07	303.200	23.974.630	
15	M0485	Máy hàn điện 23Kw	ca	92,51	437.900	40.511.005	
16	M0313	Máy trộn bê tông 250l	ca	34,02	346.900	11.800.705	

Hình 4.5 – Tổng hợp vật tư, nhập giá vật liệu hợp đồng

Bước 8. Xuất biểu giá hợp đồng

Sau khi hoàn thành bảng tổng hợp vật tư và giá vật liệu, nhân công và máy thi công, thực hiện xuất biểu giá hợp đồng bằng thao tác:

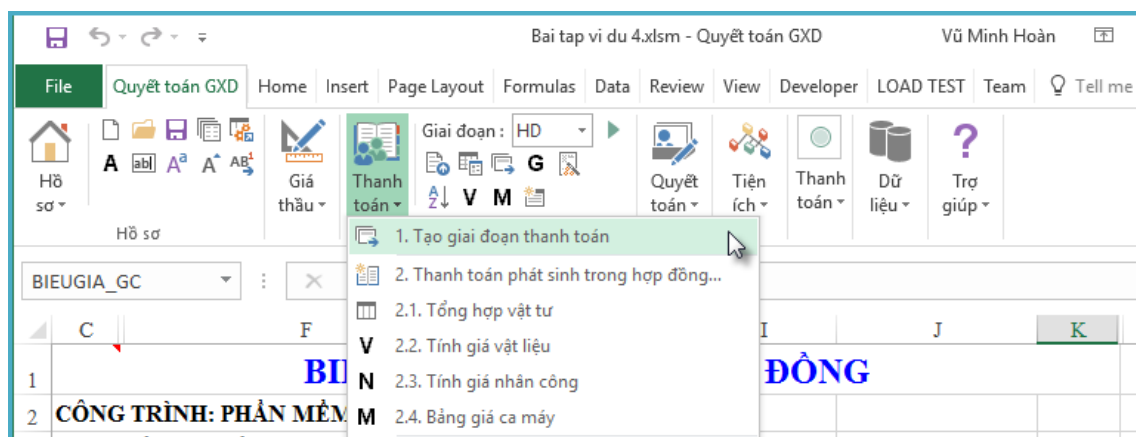
Vào menu Giá thầu > 5. Xuất biểu giá hợp đồng



Hình 4.6 – Xuất biểu giá hợp đồng

Bước 9. Tạo giai đoạn thanh toán, nhập khối lượng hoàn thành giai đoạn

Vào menu Thanh toán > 1. Tạo giai đoạn thanh toán



Hình 4.7 – Tạo giai đoạn thanh toán

BẢNG NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG THI CÔNG						
CÔNG TRÌNH: PHẦN MỀM THANH QUYẾT TOÁN GXD						
GÓI THẦU: QUYẾT TOÁN GXD						
Kèm theo biên bản nghiệm thu số:						
Giai đoạn: 1						
STT	MÃ ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	KHỐI LƯỢNG		
				Từng phần	Toàn phần	
[1]	[2]	[3]	[4]	[10]	[11]	
1	AB.11443	Đào móng cột đất cấp III	m ³	50,82	50,82	
2	AF.11111	Bê tông lót, đá 4x6 vừa BT mác 100	m ³	55,81	55,81	
3	AF.11213	Bê tông móng, đá 1x2 vừa BT mác 200	m ³	132,91	132,91	
4	AF.61110	Lắp dựng cốt thép, đường kính ≤10mm	tấn	23,70	23,70	
5	AF.61120	Lắp dựng cốt thép, đường kính ≤18mm	tấn	24,45	24,45	

Hình 4.8 – Nhập khối lượng hoàn thành giai đoạn

(!) Việc tạo giai đoạn thanh toán của giai đoạn tiếp theo, làm tương tự như giai đoạn 1.

Bước 10. Kiểm soát lại phụ lục 03.a các giai đoạn thanh toán

Sau khi nhập khối lượng hoàn thành giai đoạn, phụ lục 03.a tự động đã được tạo thành

Phụ lục 03.a											
BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH THEO HỢP ĐỒNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN											
Mã dự án: 02458											
Tên dự án: HỆ THỐNG PHẦN MỀM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG - GXD											
Tên gói thầu: QUYẾT TOÁN GXD											
Hợp đồng số: 247HD/2016											
Bên giao thầu: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁ XÂY DỰNG											
Bên nhận thầu: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GS											
Thanh toán lần thứ: 1											
Căn cứ xác định:											
Biên bản nghiệm thu số..... ngày..... tháng..... năm.....											
STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Đơn giá thanh toán	Thành tiền			GHI CHÚ	
			Theo hợp đồng	Thực hiện			Theo hợp đồng	Thực hiện			
[1]	[2]	[3]	[4]	Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	[7]	[8]	Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	[11]	
1	Đào móng cột đất cấp III	m ³	176,23		50,82	263.917	46.510.122		13.412.270		
2	Bê tông lót, đá 4x6 vừa BT mác 100	m ³	108,71		55,81	1.037.699	112.810.334		57.911.906		
3	Bê tông móng, đá 1x2 vừa BT mác 200	m ³	249,37		132,91	1.329.646	331.571.071		176.725.860		
4	Lắp dựng cốt thép, đường kính ≤10mm	tấn	131,60		23,70	26.559.508	3.495.231.189		629.460.328		
5	Lắp dựng cốt thép, đường kính ≤18mm	tấn	82,60		24,45	26.480.283	2.187.271.416		647.442.931		
Tổng cộng :							6.173.394.132	1.524.953.295			
1. Giá trị hợp đồng:							6.173.394.132 đ				
2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:							1.852.018.240 đ				
3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:							đ				
4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:							1.524.953.295 đ				
5. Chiết khấu tiền tạm ứng:							571.857.486 đ				
6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này:							953.095.810 đ				
+ Thanh toán tạm ứng:							đ				
+ Thanh toán khối lượng hoàn thành:							953.095.810 đ				
Số tiền bằng chữ: Chín trăm năm mươi ba triệu không trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm mười đồng. (là số tiền đề nghị thanh toán kỳ này)											
7. Lũy kế giá trị thanh toán:							1.524.953.295 đ				
Đại diện nhà thầu							Ngày... tháng... năm.....20...		Đại diện chủ đầu tư		
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)							(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)		(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)		

Phụ lục 03.a

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH THEO HỢP ĐỒNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

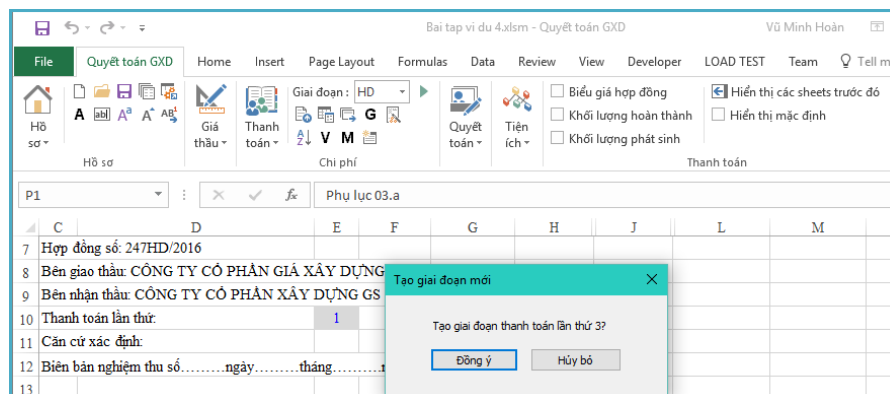
Mã dự án: 02458

Tên dự án: HỆ THỐNG PHẦN MỀM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG - GXD
 Tên gói thầu: QUYẾT TOÁN GXD
 Hợp đồng số:
 Bên giao thầu: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁ XÂY DỰNG
 Bên nhận thầu: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GS
 Thanh toán lần thứ: 2
 Căn cứ xác định:
 Biên bản nghiệm thu số.....ngày.....tháng.....năm.....

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Đơn giá thanh toán	Thành tiền			GHI CHÚ	
			Theo hợp đồng	Thực hiện			Theo hợp đồng	Thực hiện			
				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này			Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này		
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	
1	Đào móng cột đất cấp III	m ³	176,23	50,82	125,41	263.917	46.510.122	13.412.270	33.097.852		
2	Bê tông lót, đá 4x6 vừa BT mác 100	m ³	108,71	55,81	52,90	1.037.699	112.810.334	57.911.906	54.898.428		
3	Bê tông móng, đá 1x2 vừa BT mác 200	m ³	249,37	132,91	116,46	1.329.646	331.571.071	176.725.860	154.845.211		
4	Lắp dựng cột thép, đường kính ≤10mm	tấn	131,60	23,70	107,90	26.559.508	3.495.231.189	629.460.328	2.865.770.861		
5	Lắp dựng cột thép, đường kính ≤18mm	tấn	82,60	24,45	58,15	26.480.283	2.187.271.416	647.442.931	1.539.828.485		
Tổng cộng :							6.173.394.132	1.524.953.295	4.648.440.837		
1. Giá trị hợp đồng:							6.173.394.132 đ				
2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:							1.280.160.754 đ				
3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:							1.524.953.295 đ				
4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:							6.173.394.132 đ				
5. Chiết khấu tiền tạm ứng:							1.280.160.754 đ				
6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này:							3.368.280.083 đ				
+ Thanh toán tạm ứng:							đ				
+ Thanh toán khối lượng hoàn thành:							3.368.280.083 đ				
Số tiền bằng chữ: Ba tỷ ba trăm sáu mươi tám triệu hai trăm tám mươi nghìn không trăm tám mươi ba đồng. (là số tiền đề nghị thanh toán kỳ này)											
7. Lũy kế giá trị thanh toán:							6.173.394.132 đ				
							Ngày... ..tháng.....năm.....20...				
Đại diện nhà thầu			Đại diện tư vấn giám sát (nếu có)			Đại diện chủ đầu tư					
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)			(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)			(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)					

Bước 11. Tạo giai đoạn thanh toán phần phát sinh

Thao tác: Vào menu Thanh toán > Tạo giai đoạn thanh toán



Hình 4.9a – Tạo giai đoạn thanh toán

Nhập khối lượng phát sinh trong hợp đồng vào bảng khối lượng hoàn thành cho 3 công việc phát sinh khối lượng đã có đơn giá trong hợp đồng.

STT	MÃ ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	
				Từng phần	Toàn phần
[1]	[2]	[3]	[4]	[10]	[11]
1	AB.11443	Đào móng cột đất cấp III	m ³		
2	AF.11111	Bê tông lót, đá 4x6 vừa BT mác 100	m ³	15,94	15,94
3	AF.11213	Bê tông móng, đá 1x2 vừa BT mác 200	m ³		
4	AF.61110	Lắp dựng cốt thép, đường kính ≤10mm	tấn	58,60	58,60
5	AF.61120	Lắp dựng cốt thép, đường kính ≤18mm	tấn	22,80	22,80

Hình 4.9b – Nhập khối lượng hoàn thành

Bước 12. Kiểm soát khối lượng phát sinh trong hợp đồng

Thao tác: Vào bảng Phân khai khối lượng thực hiện tại sheet Phan khai KL

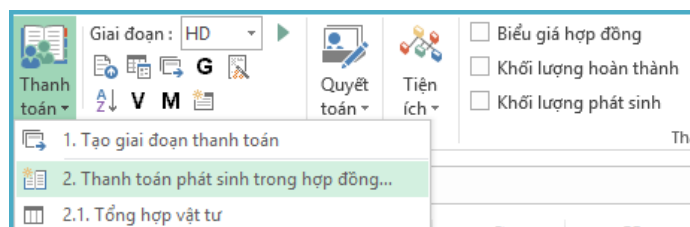
Theo bảng phân khai đã tạo, công việc số 2 có khối lượng phát sinh <20% khối lượng hợp đồng, công tác số 4 và 5 có khối lượng phát sinh >20% khối lượng hợp đồng.

STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	THEO HỢP ĐỒNG	KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN			TỶ LỆ % KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH	KHỐI LƯỢNG PHÁT SINH		ĐƠN GIÁ HỢP ĐỒNG
					GIẢI ĐOẠN 1	GIẢI ĐOẠN 2	GIẢI ĐOẠN 3		GIẢI ĐOẠN 3	TỔNG CỘNG	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[11]	[19]	[21]	[22]
1	AB.11443	Đào móng cột đất cấp III	m ³	176,23	50,82	125,41		100,00%			263.917
2	AF.11111	Bê tông lót, đá 4x6 vừa BT mác 100	m ³	108,71	55,81	52,90	15,94	114,66%	15,94	15,94	1.037.699
3	AF.11213	Bê tông móng, đá 1x2 vừa BT mác 200	m ³	249,37	132,91	116,46		100,00%			1.329.646
4	AF.61110	Lắp dựng cốt thép, đường kính ≤10mm	tấn	131,60	23,70	107,90	58,60	144,53%	58,60	58,60	26.559.508
5	AF.61120	Lắp dựng cốt thép, đường kính ≤18mm	tấn	82,60	24,45	58,15	22,80	127,60%	22,80	22,80	26.480.283
TỔNG CỘNG:											

Hình 4.10 – Bảng phân khai khối lượng

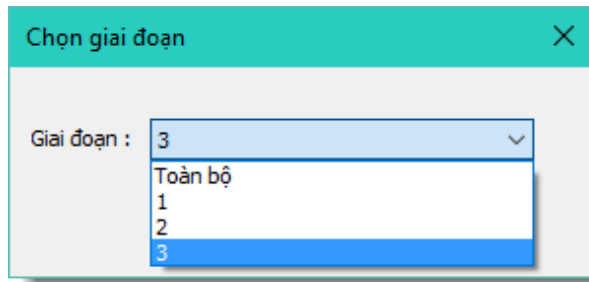
Bước 13. Thanh toán giá trị khối lượng phát sinh trong hợp đồng

Thao tác: Vào menu Thanh toán > 2. Thanh toán phát sinh trong hợp đồng



Hình 4.11a – Thanh toán phát sinh trong hợp đồng

Sau khi chọn giai đoạn thanh toán thứ 3, phần mềm sẽ tự xuất bảng xác định giá trị thanh toán khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng đề nghị thanh toán (phụ lục 04)



Hình 4.11b – Chọn giai đoạn thanh toán

Bước 14. Điều chỉnh giá vật tư phát sinh vượt 20% khối lượng hợp đồng

Theo yêu cầu, đơn giá vật liệu thép tương ứng với phần khối lượng phát sinh vượt 20% khối lượng hợp đồng có sự thay đổi.

STT	MSVT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG VẬT TƯ THEO GIAI ĐOẠN	GIÁ VẬT TƯ PHÁT SINH TRONG HĐ	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
Vật liệu							
1	V10135	Cát vàng đỏ bê tông	m ³	8,47	217.400	1.841.767	
2	V10280	Đá 1x2	m ³	0,00	246.100	0	
3	V10282	Đá 4x6	m ³	14,92	213.900	3.192.274	
4	V10263	Dây thép	kg	1.580,80	21.900	34.619.432	
5	V10543	Nước	lít	2.709,00	10	27.090	
6	V10613	Que hàn	kg	105,79	21.400	2.263.949	
7	V10833	Thép tròn D≤10mm	kg	58.893,00	23.000	1.354.539.000	
8	V10834	Thép tròn D≤18mm	kg	23.256,00	22.600	525.585.600	
9	V10896	Xi măng PC30	kg	3.201,55	1.200	3.841.859	
		Vật liệu khác	%			0	
Nhân công							
10	N1307	Nhân công 3,0/7	công	22,63	136.600	3.091.914	
11	N1357	Nhân công 3,5/7	công	853,50	148.000	126.318.592	
Máy thi công							
12	M0350	Đầm bần 1Kw	ca	1,42	287.200	407.439	

Hình 4.12a – Nhập giá vật tư phát sinh trong hợp đồng

Giá vật tư sau khi nhập trong bảng Giá vật tư phát sinh trong hợp đồng sẽ tự động được nối sang đơn giá phát sinh trong hợp đồng

STT	MSVT	TÊN CÔNG VIỆC / THÀNH PHẦN HAO PHÍ	ĐƠN VỊ	ĐỊNH MỨC HAO PHÍ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
DG4		Lắp dựng cốt thép, đường kính ≤10mm	tấn			
Vật liệu						
	V10833	Thép tròn D≤10mm	kg	1.005,00	23.000	23.115.000
	V10263	Dây thép	kg	21,42	21.900	469.098
Nhân công						
	N1357	Nhân công 3,5/7	công	11,32	148.000	1.675.360
Máy thi công						
	M0522	Máy cắt uốn cắt thép 5Kw	ca	0,40	303.200	121.280

STT	MSVT	TÊN CÔNG VIỆC / THÀNH PHẦN HAO PHÍ	ĐƠN VỊ	ĐỊNH MỨC HAO PHÍ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
		Chi phí trực tiếp khác		$(VL+NC+M)*2,5\%$		634.518
		Chi phí trực tiếp		$VL+NC+M+TT$		26.015.256
		Chi phí chung		$T*6,5\%$		1.690.992
		Thu nhập chịu thuế tính trước		$(T+C)*5,5\%$		1.523.844
		Chi phí xây dựng trước thuế		$T+C+TL$		29.230.092
		Thuế giá trị gia tăng		$G*10\%$		2.923.009
		Chi phí xây dựng sau thuế		$G + GTGT$		32.153.101
		Chi phí xây dựng nhà tạm		$GXD*1\%$		321.531
		Giá dự thầu		$GXD+Gxdnt$		32.474.632
DG5		Lắp dựng cốt thép, đường kính $\leq 18mm$	tấn			
		<i> Vật liệu </i>				23.464.028
	V10834	Thép tròn $D \leq 18mm$	kg	1.020,00	22.600	23.052.000
	V10263	Dây thép	kg	14,28	21.900	312.732
	V10613	Que hàn	kg	4,64	21.400	99.296
		<i> Nhân công </i>				1.234.320
	N1357	Nhân công 3,5/7	công	8,34	148.000	1.234.320
		<i> Máy thi công </i>				587.472
	M0485	Máy hàn điện 23Kw	ca	1,12	437.900	490.448
	M0522	Máy cắt uốn cắt thép 5Kw	ca	0,32	303.200	97.024
		Chi phí trực tiếp khác		$(VL+NC+M)*2,5\%$		632.146
		Chi phí trực tiếp		$VL+NC+M+TT$		25.917.966
		Chi phí chung		$T*6,5\%$		1.684.668
		Thu nhập chịu thuế tính trước		$(T+C)*5,5\%$		1.518.145
		Chi phí xây dựng trước thuế		$T+C+TL$		29.120.778
		Thuế giá trị gia tăng		$G*10\%$		2.912.078
		Chi phí xây dựng sau thuế		$G + GTGT$		32.032.856
		Chi phí xây dựng nhà tạm		$GXD*1\%$		320.329
		Giá dự thầu		$GXD+Gxdnt$		32.353.184

Và đơn giá này sẽ tự động được nối vào Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng đề nghị thanh toán (Phụ lục 04) tương ứng với phần khối lượng phát sinh >20% khối lượng hợp đồng.

Stt	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng				Đơn giá thanh toán	Thành tiền			Ghi chú
			Tổng khối lượng phát sinh	Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này		Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[10]	
Phần tăng trong hợp đồng											
1	Bê tông lót, đá 4x6 vữa BT mác 100	m ²	15,94		15,94	15,94	1.037.699	0	16.540.922	16.540.922	
	Khối lượng phát sinh ≤ 20% Khối lượng hợp đồng					21,74	0	0	0	0	
	Khối lượng phát sinh > 20% Khối lượng hợp đồng				0,00	0,00	0	0	0	0	
2	Lắp dựng cột thép, đường kính ≤ 10mm	tấn	58,60		58,60	58,60	0	0	0	0	
	Khối lượng phát sinh ≤ 20% Khối lượng hợp đồng					26,32	26.559.508	0	699.046.238	699.046.238	
	Khối lượng phát sinh > 20% Khối lượng hợp đồng				32,28	32,28	32.474.632	0	1.048.281.119	1.048.281.119	
3	Lắp dựng cột thép, đường kính ≤ 18mm	tấn	22,80		22,80	22,80	0	0	0	0	
	Khối lượng phát sinh ≤ 20% Khối lượng hợp đồng					16,52	26.480.283	0	437.454.283	437.454.283	
	Khối lượng phát sinh > 20% Khối lượng hợp đồng				6,28	6,28	32.353.184	0	203.177.998	203.177.998	
Tổng cộng tăng trong hợp đồng:								0	2.404.500.561	2.404.500.561	

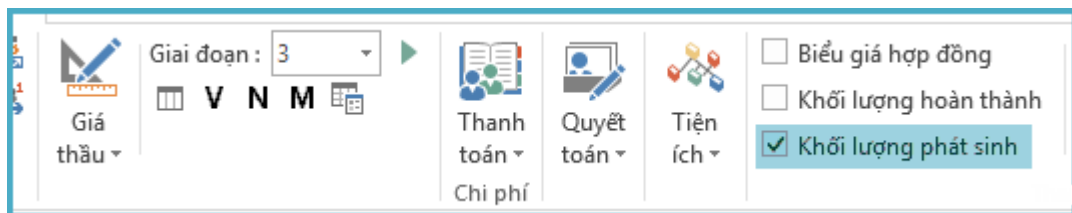
Hình 4.12a – Giá trị phần tăng trong hợp đồng

Bước 15. Tính giá trị khối lượng công việc phát sinh chưa có đơn giá trong hợp đồng

Công tác “Bê tông móng, đá 2x4 vữa bê tông mác 200” có mã hiệu **AF.11233** là công tác phát sinh chưa đơn giá có trong hợp đồng ban đầu (Phát sinh ngoài hợp đồng).

Thực hiện vào bảng Khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng để tra mã hiệu trong giai đoạn tương ứng (Giai đoạn số 3)

Thao tác: Tích vào nhóm sheets Khối lượng phát sinh trên Ribbon



Hình 4.13a – Nhóm các bảng liên quan phần khối lượng phát sinh

BẢNG KHỐI LƯỢNG PHÁT SINH NGOÀI HỢP ĐỒNG										
CÔNG TRÌNH: PHẦN MỀM THANH QUYẾT TOÁN GXD										
GÓI THẦU: QUYẾT TOÁN GXD										
Giai đoạn: 1										
STT	MÃ HIỆU	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	SỐ BỘ PHẬN GIỐNG NHAU	KÍCH THƯỚC			HỆ SỐ	KHỐI LƯỢNG	
					Dài	Rộng	Cao (Sâu)		Từng phần	Toàn phần
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]
HM Hạng mục 1										
Giai đoạn: 2										
STT	MÃ HIỆU	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	SỐ BỘ PHẬN GIỐNG NHAU	KÍCH THƯỚC			HỆ SỐ	KHỐI LƯỢNG	
					Dài	Rộng	Cao (Sâu)		Từng phần	Toàn phần
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]
HM Hạng mục 1										
Giai đoạn: 3										
STT	MÃ HIỆU	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	SỐ BỘ PHẬN GIỐNG NHAU	KÍCH THƯỚC			HỆ SỐ	KHỐI LƯỢNG	
					Dài	Rộng	Cao (Sâu)		Từng phần	Toàn phần
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]
HM Hạng mục 1										
1	AF.11233	Bê tông đá đầm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông mỏng rộng ≤250cm đá 2x4, vữa bê tông mác 200	m ³						23,59	23,59

Hình 4.13b – Tra mã hiệu đơn giá khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng

Bước 16. Thanh toán giá trị khối lượng phát sinh trong hợp đồng

Thao tác: Vào menu Thanh toán > 3. Thanh toán phát sinh ngoài hợp đồng

The screenshot shows the software's main interface with the 'Thanh toán' (Payment) menu open. The menu items are:

- 1. Tạo giai đoạn thanh toán
- 2. Thanh toán phát sinh trong hợp đồng...
 - 2.1. Tổng hợp vật tư
 - 2.2. Tính giá vật liệu
 - 2.3. Tính giá nhân công
 - 2.4. Bảng giá ca máy
- 3. Thanh toán phát sinh ngoài hợp đồng...
 - 3.1. Tổng hợp vật tư
 - 3.2. Tính giá vật liệu
 - 3.3. Tính giá nhân công
 - 3.4. Bảng giá ca máy
- 4. Thanh toán điều chỉnh giá...
 - 4.1. Tính giá vật liệu
 - 4.2. Tính giá nhân công
 - 4.3. Bảng giá ca máy

The background table is the same as in Figure 4.13b, showing the 'BẢNG KHỐI LƯỢNG PHÁT SINH NGOÀI HỢP ĐỒNG' with a callout box highlighting the 'Mã hiệu' 'AF.11233' and the 'Khối lượng' values '23,59'.

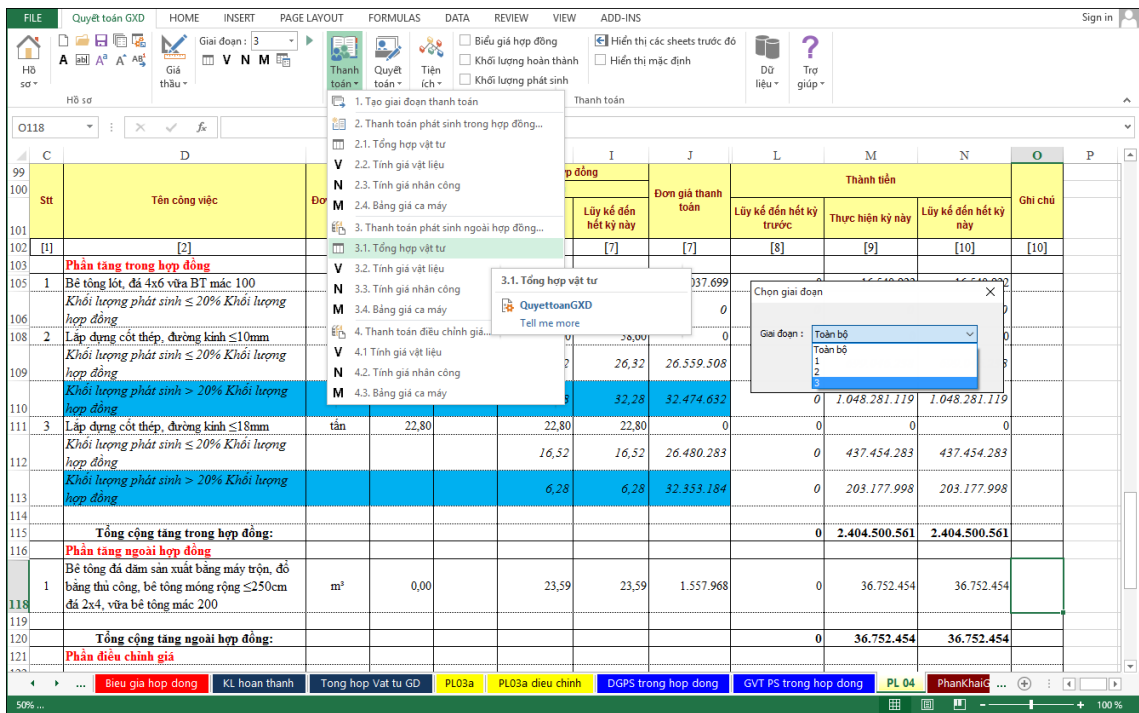
Hình 4.14a – Thanh toán phát sinh ngoài hợp đồng

Stt	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng				Đơn giá thanh toán	Thành tiền			Ghi chú
			Tổng khối lượng phát sinh	Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này		Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[10]	
Phần tăng trong hợp đồng											
1	Bê tông lót, đá 4x6 vừa BT mác 100	m ³	15,94		15,94	1.037.699	0	16.540.922	16.540.922		
	Khối lượng phát sinh ≤ 20% Khối lượng hợp đồng				21,74	21,74	0	0	0		
2	Lắp dựng cột thép, đường kính ≤10mm	tấn	58,60		58,60	26.559.508	0	699.046.238	699.046.238		
	Khối lượng phát sinh ≤ 20% Khối lượng hợp đồng				26,32	26,32	26.559.508	0	699.046.238	699.046.238	
	Khối lượng phát sinh > 20% Khối lượng hợp đồng				32,28	32,28	32.474.632	0	1.048.281.119	1.048.281.119	
3	Lắp dựng cột thép, đường kính ≤18mm	tấn	22,80		22,80	26.480.283	0	437.454.283	437.454.283		
	Khối lượng phát sinh ≤ 20% Khối lượng hợp đồng				16,52	16,52	26.480.283	0	437.454.283	437.454.283	
	Khối lượng phát sinh > 20% Khối lượng hợp đồng				6,28	6,28	32.353.184	0	203.177.998	203.177.998	
Tổng cộng tăng trong hợp đồng:								0	2.404.500.561	2.404.500.561	
Phần tăng ngoài hợp đồng											
1	Bê tông đá đầm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thi công, bê tông móng rộng ≤250cm đá 2x4, vừa bê tông mác 200	m ³	0,00		23,59	23,59	1.557.968	0	36.752.454	36.752.454	
Tổng cộng tăng ngoài hợp đồng:								0	36.752.454	36.752.454	
Phần điều chỉnh giá											

Hình 4.14b – Phần phát sinh ngoài hợp đồng

Bước 16. Tổng hợp vật tư thanh toán giá trị khối lượng phát sinh trong hợp đồng

Thao tác: Vào menu Thanh toán > 3.1. Thanh toán phát sinh ngoài hợp đồng



Hình 4.15a – Thao tác lệnh Tổng hợp vật tư phát sinh ngoài hợp đồng

BẢNG GIÁ VẬT TƯ TÍNH ĐƠN GIÁ PHÁT SINH NGOÀI HỢP ĐỒNG							
CÔNG TRÌNH: PHÂN MỀM THANH QUYẾT TOÁN GXD							
GÓI THẦU: QUYẾT TOÁN GXD							
Giai đoạn: 1							
STT	MSVT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG VẬT TƯ THEO GIAI ĐOẠN	GIÁ VẬT TƯ	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[7]	[7]=[5]*[6]	[10]
Giai đoạn: 2							
STT	MSVT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG VẬT TƯ THEO GIAI ĐOẠN	GIÁ VẬT TƯ	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[7]	[7]=[5]*[6]	[10]
Giai đoạn: 3							
STT	MSVT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG VẬT TƯ THEO GIAI ĐOẠN	GIÁ VẬT TƯ	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[7]	[7]=[5]*[6]	[10]
A		Vật liệu				18.404.027	
1	V10135	Cát vàng đỏ bê tông	m ³	11,39	232.500	2.647.864	
2	V10281	Đá 2x4	m ³	21,33	252.200	5.378.553	
3	V10543	Nước	lít	4.231,46	10	42.315	
4	V10896	Xi măng PC30	kg	7.810,06	1.300	10.153.077	
		Vật liệu khác	%			182.218	
B		Nhân công				9.114.799	
5	N1307	Nhân công 3,0/7	công	38,69	235.600	9.114.799	
C		Máy thi công				1.205.269	
6	M0355	Đầm dùi 1,5Kw	ca	2,10	255.320	536.047	
7	M0313	Máy trộn bê tông 250l	ca	2,24	298.620	669.222	

Nhập giá vật tư đơn giá phát sinh ngoài hợp đồng

Hình 4.15b – Nhập giá vật tư công tác phát sinh ngoài hợp đồng

ĐƠN GIÁ CÁC CÔNG TÁC CÓ KHỐI LƯỢNG PHÁT SINH NGOÀI HỢP ĐỒNG								
CÔNG TRÌNH: PHÂN MỀM THANH QUYẾT TOÁN GXD								
GÓI THẦU: QUYẾT TOÁN GXD								
Giai đoạn: 3								
STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	MSVT	TÊN CÔNG VIỆC / THÀNH PHẦN HAO PHÍ	ĐƠN VỊ	ĐỊNH MỨC HAO PHÍ	ĐƠN GIÁ	HỆ SỐ	THÀNH TIỀN
[1]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]
HM								
DG1	AF.11233		Bê tông đá dăm sản xuất bằng	m ³				780.162
			Vật liệu					430.398
		V10896	Xi măng PC30	kg	331,0750	1.300		430.398
		V10135	Cát vàng đỏ bê tông	m ³	0,4828	232.500		112.245
		V10281	Đá 2x4	m ³	0,9041	252.200		228.001
		V10543	Nước	lít	179,3750	10		1.794
		V19999	Vật liệu khác	%	1,0000			7.724
			Nhân công					386.384
		N1307	Nhân công 3,0/7	công	1,6400	235.600		386.384
			Máy thi công					51.092
		M0313	Máy trộn bê tông 250l	ca	0,0950	298.620		28.369
		M0355	Đầm dùi 1,5Kw	ca	0,0890	255.320		22.723
			Chi phí trực tiếp khác		(VL+NC+M)*2,5%			30.441
			Chi phí trực tiếp		VL+NC+M+TT			1.248.080
			Chi phí chung		T*6,5%			81.125
			Thu nhập chịu thuế tính trước		(T+C)*5,5%			73.106
			Chi phí xây dựng trước thuế		T+C+TL			1.402.311
			Thuế giá trị gia tăng		G*10%			140.231
			Chi phí xây dựng sau thuế		G + GTGT			1.542.542
			Chi phí xây dựng nhà tạm		GXD*1%			15.425
			Giá dự thầu		GXD+Gxdnt			1.557.968

Giá vật tư được liên kết sang sheet Đơn giá phát sinh ngoài hợp đồng

Hình 4.15c – Phân tích đơn giá chi tiết công tác phát sinh ngoài hợp đồng

II. BÀI TẬP TỰ THỰC HÀNH

Bạn đọc tự nghiên cứu để giải quyết các bài tập dưới đây. Các bài tập này được hướng dẫn thực hành và giải đáp chi tiết tại lớp học nghiệp vụ **Thực hành thành quyết toán sử dụng phần mềm Quyết toán GXD**.

Bài 1. Hãy sử dụng phần mềm Quyết toán GXD khôi phục biểu giá hợp đồng thi công xây lắp, lưu thành một file phục vụ lập hồ sơ thanh toán, với các thông tin sau:

- Hợp đồng thi công xây dựng ký kết vào ngày 18/6/2014
- Loại hợp đồng: Hợp đồng đơn giá cố định.
- Giá trị hợp đồng: 492.442.315 VNĐ
- Biểu giá hợp đồng xác định theo *Bảng 1*
- Giá trị vật tư lập thành biểu giá hợp đồng xác định theo *Bảng 2*

BIỂU GIÁ HỢP ĐỒNG

DỰ ÁN: XÂY DỰNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC CÔNG TY GIÁ XÂY DỰNG HÀ NỘI

CÔNG TRÌNH: TRUNG TÂM CUNG CẤP PHẦN MỀM QUYẾT TOÁN GXD

ĐỊA ĐIỂM: SỐ 18, NGUYỄN NGỌC NẠI, THANH XUÂN, HÀ NỘI

STT	MÃ HIỆU	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
	HM1	Phần móng				183.978.044
1	AB.25112	Đào móng công trình đoạn A-B bằng máy đào $\leq 0,8$ m ³ , đất cấp II (90% máy đào)	100 m ³	3,162	2.888.451	9.133.281
2	AB.11322	Đào đất công trình, đất cấp II (10% thủ công)	m ³	35,133	241.180	8.473.393
3	AB.13112	Đắp đất công trình, độ chặt yêu cầu K=0,90	m ³	117,111	183.626	21.504.629
4	AF.15512	Bê tông đá 4x6 mác 50	m ³	30,883	628.294	19.403.611
5	AF.11213	Bê móng, đá 1x2, chiều rộng ≤ 250 cm, mác 200	m ³	92,909	1.350.387	125.463.130
	HM2	Phần thân				308.464.271
6	AF.12223	Bê tông cột, đá 1x2, tiết diện cột $\leq 0,1$ m ² , cao ≤ 16 m, mác 200	m ³	14,328	2.462.903	35.288.472
7	AF.12313	Bê tông xà dầm, giằng nhà, đá 1x2, mác 200	m ³	69,855	2.034.570	142.124.922
8	AF.12413	Bê sàn mái, đá 1x2 vữa BT mác 200	m ³	77,701	1.686.605	131.050.877
		TỔNG CỘNG				492.442.315

Bảng 1. Biểu giá hợp đồng

BẢNG GIÁ TRỊ VẬT TƯ

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
A	<i>Vật liệu</i>				<i>175.491.468</i>
1	Cát vàng	m ³	19,772	189.000	3.736.892
2	Cát vàng đổ bê tông	m ³	122,485	189.000	23.149.734
3	Đá 1x2	m ³	229,301	214.000	49.070.406
4	Đinh	kg	0,688	19.000	13.067
5	Đinh đĩa	cái	5,043	3.000	15.130
6	Gạch vỡ	m ³	27,579	60.000	1.654.711
7	Gỗ ván cầu công tác	m ³	0,287	2.000.000	573.120
8	Nước	lít	52.635,037	4,5	263.175
9	Xi măng PC30	kg	91.245,199	1.045	95.351.232
	Vật liệu khác	%			1.664.000
B	<i>Nhân công</i>				<i>186.391.644</i>
1	Nhân công 3,5/7	công	510,443	232.046	118.446.312
2	Nhân công 3,0/7	công	317,205	214.200	67.945.332
C	<i>Máy thi công</i>				<i>23.014.610</i>
1	Đầm dùi 1,5Kw	ca	30,337	234.560	7.115.901
2	Máy trộn bê tông 250l	ca	24,205	274.827	6.652.280
3	Máy vận thăng 0,8T	ca	17,807	350.788	6.246.566
4	Máy đào 0,8m3	ca	1,176	2.550.332	2.999.864
	Máy khác	%			
TỔNG CỘNG					384.897.722

Bảng 2. Giá trị vật tư

**KHÓA HỌC SỬ DỤNG PHẦN MỀM QUYẾT TOÁN GXD
LẬP HỒ SƠ THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH GIAI ĐOẠN
VÀ HỒ SƠ QUYẾT TOÁN**

Bài 2. Hãy sử dụng phần mềm Quyết toán GXD khôi phục biểu giá hợp đồng thi công xây lắp, lưu thành một file phục vụ lập hồ sơ thanh toán giai đoạn, với các thông tin sau:

- Loại hợp đồng: Hợp đồng đơn giá điều chỉnh.
- Giá trị hợp đồng: 306.927.062 VNĐ.
- Biểu giá hợp đồng xác định theo *Bảng 1*.
- Giá vật liệu lập đơn giá xác định theo *Bảng 2*.
- Giá nhân công lập đơn giá xác định theo chế độ tiền lương trong *Bảng 3*.
- Giá nhiên liệu năng lượng tính toán giá ca máy xác định theo *Bảng 4*.

BIỂU GIÁ HỢP ĐỒNG

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC CÔNG TY GIÁ XÂY DỰNG HÀ NỘI
HẠNG MỤC: PHẦN HOÀN THIỆN

ĐỊA ĐIỂM: SỐ 18, NGUYỄN NGỌC NẠI, THANH XUÂN, HÀ NỘI

STT	MÃ HIỆU	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	AK.21123	Trát tường ngoài, dày 1,5 cm, vữa XM mác 50	m ²	452,012	87.755	39.666.102
2	AK.21223	Trát tường trong, dày 1,5 cm, vữa XM mác 50	m ²	1.585,481	69.639	110.410.940
3	AK.23114	Trát xà dầm, vữa XM mác 75	m ²	611,686	117.947	72.146.680
4	AK.22124	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5 cm, vữa XM mác 75	m ²	161,607	169.197	27.343.421
5	AK.31130	Công tác ốp gạch vào tường, trụ, cột, gạch Ceramic Đồng Tâm 300x300mm	m ²	142,020	391.766	55.638.663
6	AK.31210	Ốp gạch vào chân tường, viên tường, viên trụ, cột, gạch 120x300mm	m ²	5,200	331.011	1.721.256
		TỔNG CỘNG				306.927.062

Bảng 1. Biểu giá hợp đồng

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ
1	Cát mịn ML = 0,7÷1,4	m ³	54,309	75.000
2	Gạch 120x300	m ²	5,226	90.000
3	Gạch 300x300	m ²	142,730	120.000
4	Nước	lít	13.104,758	10
5	Xi măng PC30	kg	14.837,133	1.150
6	Xi măng trắng	kg	21,303	2.190

Bảng 2. Giá vật liệu

STT	CHẾ ĐỘ TIỀN LƯƠNG	GIÁ TRỊ
1	Mức lương tối thiểu chung (LTTC)	1.050.000 đ/tháng
2	Mức lương tối thiểu vùng (LTTV)	2.000.000 đ/tháng
3	Phụ cấp lưu động (%LTTC)	20%
4	Lương phụ (%LCB)	12%
5	Chi phí khoán trực tiếp (%LCB)	4%

Bảng 3. Chế độ tiền lương

IV.	GIÁ NHIÊN LIỆU, NĂNG LƯỢNG (TRƯỚC VAT)	
1	Xăng (đồng/lít)	24.209
2	Dầu Diesel (đồng/lít)	19.545
3	Ma dút (đồng/lít)	14.548
4	Điện (đồng/kw)	1.508,85

Bảng 4. Giá nhiên liệu năng lượng

Bài 3. Hãy sử dụng phần mềm Quyết toán GXD hoặc Excel để lập và hoàn thiện các biểu mẫu thanh toán, quyết toán hợp đồng theo Thông tư số 86/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính với các thông tin sau:

- Loại hợp đồng: Hợp đồng đơn giá cố định.
- Điều khoản tạm ứng: Tạm ứng hợp đồng: 20% giá trị hợp đồng. Thu hồi tạm ứng từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi khối lượng hoàn thành đạt 80%.
- Điều khoản thanh toán: Thanh toán 100% giá trị khối lượng hoàn thành sau khi nghiệm thu hoàn thành công trình. Thực hiện thanh toán 1 đợt – Quyết toán.
- Biểu giá hợp đồng lập thành từ dự toán chỉ định thầu xác định theo *Bảng 1*.
- Khối lượng hoàn thành được nghiệm thu bằng khối lượng hợp đồng, không có khối lượng phát sinh.

BIỂU GIÁ HỢP ĐỒNG

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC CÔNG TY GIÁ XÂY DỰNG HÀ NỘI

HẠNG MỤC: LẮP ĐẶT BỔ SUNG PHẦN ĐIỆN NƯỚC

ĐỊA ĐIỂM: SỐ 18, NGUYỄN NGỌC NẠI, THANH XUÂN, HÀ NỘI

STT	MÃ HIỆU	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	BB.29103	Măng sông nhựa PVC D42	cái	130,000	18.050	2.346.500
2	BB.29103	Măng sông nhựa PVC D48	cái	130,000	19.520	2.537.600
3	BB.29201	Tê đều PPR D20	cái	220,000	25.300	5.566.000
4	BB.29201	Cút 90 độ PPR D20	cái	680,000	25.500	17.340.000
5	BB.29201	Cút ren trong D20	cái	460,000	27.520	12.659.200
6	TT	Kép đồng D15	cái	172,000	8.000	1.376.000
7	TT	Tê kiểm tra D110	cái	296,000	98.000	29.008.000
		TỔNG CỘNG				70.833.300

Bảng 1. Biểu giá hợp đồng

Bài 4. Hãy sử dụng phần mềm Quyết toán GXD hoặc Excel để lập và hoàn thiện các biểu mẫu thanh toán từng giai đoạn, quyết toán hợp đồng theo Thông tư số 86/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính với các thông tin sau:

- Loại hợp đồng: Hợp đồng đơn giá cố định.
- Điều khoản tạm ứng: Tạm ứng 15% giá trị hợp đồng sau khi ký. Thu hồi tạm ứng từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi khối lượng hoàn thành đạt 80%.
- Điều khoản thanh toán: Thanh toán 95% giá trị khối lượng hoàn thành mỗi giai đoạn.
- Biểu giá hợp đồng xác định theo *Bảng 1*

- Khối lượng hoàn thành được nghiệm thu bằng khối lượng hợp đồng xác định theo *Bảng 2*, không có khối lượng phát sinh.

BIỂU GIÁ HỢP ĐỒNG

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC CÔNG TY GIÁ XÂY DỰNG HÀ NỘI

HẠNG MỤC: TRUNG TÂM CUNG CẤP PHẦN MỀM QUYẾT TOÁN GXD

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: SỐ 18, NGUYỄN NGỌC NẠI, THANH XUÂN, HÀ NỘI

STT	MÃ HIỆU	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	AB.22111	Đào san đất cấp I	100m ³	50,605	612.452	30.993.144
2	AB.25212	Đào móng đất cấp II	100m ³	16,568	1.741.809	28.858.292
3	AF.21425	Bê tông bê tông bệ máy, đá 2x4 vữa BT mác 300	m ³	560,858	1.997.538	1.120.335.033
4	AF.61120	Sản xuất lắp dựng cốt đường kính ≤18mm	tấn	56,350	23.849.091	1.343.896.270
5	AF.61130	Sản xuất lắp dựng đường kính >18mm	tấn	38,660	23.328.038	901.861.960
TỔNG CỘNG						3.425.944.699

Bảng 1. Biểu giá hợp đồng

STT	TÊN CÔNG VIỆC	Đ.VỊ	KHỐI LƯỢNG HỢP ĐỒNG	KHỐI LƯỢNG NGHIỆM THU		
				GD 1	GD 2	GD 3
1	Đào san đất cấp I	100m ³	50,605	15,182	22,772	12,651
2	Đào móng đất cấp II	100m ³	16,568	4,970	7,456	4,142
3	Bê tông bê tông bệ máy, đá 2x4 vữa BT mác 300	m ³	560,858	168,257	252,386	140,215
4	Sản xuất lắp dựng cốt đường kính ≤18mm	tấn	56,350	16,905	25,358	14,087
5	Sản xuất lắp dựng đường kính >18mm	tấn	38,660	11,598	17,397	9,665

Bảng 2. Khối lượng nghiệm thu hoàn thành

KHÓA HỌC SỬ DỤNG PHẦN MỀM **QUYẾT TOÁN GXD**
LẬP HỒ SƠ THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH GIAI ĐOẠN
VÀ HỒ SƠ QUYẾT TOÁN

Bài 5. Hãy sử dụng phần mềm Quyết toán GXD hoặc Excel để lập và hoàn thiện các biểu mẫu thanh toán từng giai đoạn, quyết toán hợp đồng theo Thông tư số 86/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính với các thông tin sau:

- Loại hợp đồng: Hợp đồng đơn giá cố định.
- Điều khoản tạm ứng: Tạm ứng hợp đồng 2 lần. Lần 1 tạm ứng 150 triệu sau khi ký hợp đồng. Lần 2 tạm ứng 75 triệu khi thanh toán khối lượng hoàn thành kết thúc Hạng mục 1. Thu hồi tạm ứng từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi khối lượng hoàn thành đạt 80%.
- Điều khoản thanh toán: Thanh toán 100% giá trị khối lượng hoàn thành mỗi giai đoạn.
- Biểu giá hợp đồng xác định theo *Bảng 1*
- Khối lượng hoàn thành được nghiệm thu bằng khối lượng hợp đồng xác định theo *Bảng 2*, không có khối lượng phát sinh.

BIỂU GIÁ HỢP ĐỒNG

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẦU RỒNG - KM2+977 TỈNH LỘ 412B – BA VÌ - HÀ NỘI
 CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG CẦU RỒNG
 ĐỊA ĐIỂM: TỈNH LỘ 412B – BA VÌ - HÀ NỘI

STT	MÃ HIỆU	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
	HM1	THI CÔNG DÀM				
1	AG.53111	Di chuyển dầm cầu từ bãi tập kết đến đường lao	dầm	12,00	4.696.220	56.354.640
2	AG.53211	Nâng hạ dầm cầu	dầm	12,00	5.835.338	70.024.056
3	AG.52111	Lao lắp dầm vào vị trí	tấn	216,00	2.627.800	567.604.800
4	AC.34610	Lắp đặt, tháo dỡ xe lao dầm	lần	1,00	56.687.150	56.687.150
	HM2	CỌC VÁN THÉP				
5	TT	Sản xuất cọc ván thép (khẩu hao 1,17% x4 tháng + 3,5% đóng nhỏ)	m	945,00	153.540	145.095.300
6	AC.22122	Đóng, nhổ cọc ván thép larsen IV, chiều dài cọc ≤ 12m, đất cấp II	100m	18,90	12.615.340	238.429.926
		TỔNG CỘNG				1.134.195.872

Bảng 1. Biểu giá hợp đồng

STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG NGHIỆM THU	
				GD1	GD2
	HM1	THI CÔNG DÀM			
1	AG.53111	Di chuyển dầm cầu từ bãi tập kết đến đường lao	dầm	12,00	
2	AG.53211	Nâng hạ dầm cầu	dầm	12,00	
3	AG.52111	Lao lắp dầm vào vị trí	tấn	216,00	
4	AC.34610	Lắp đặt, tháo dỡ xe lao dầm	lần	1,00	
	HM2	CỌC VÁN THÉP			
5	TT	Sản xuất cọc ván thép (khấu hao 1,17% x4 tháng + 3,5% đóng nhỏ)	m		945,00
6	AC.22122	Đóng, nhổ cọc ván thép larsen IV, chiều dài cọc ≤ 12m, đất cấp II	100m		18,90

Bảng 2. Khối lượng nghiệm thu hoàn thành.

Bài 6. Hãy sử dụng phần mềm Quyết toán GXD hoặc Excel để lập và hoàn thiện các biểu mẫu thanh toán từng giai đoạn, quyết toán hợp đồng theo Thông tư số 86/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính với các thông tin sau:

- Loại hợp đồng: Hợp đồng đơn giá cố định.
- Điều khoản tạm ứng: Tạm ứng 20% giá trị hợp đồng. Thu hồi tạm ứng từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi khối lượng hoàn thành đạt 80%.
- Điều khoản thanh toán: Thanh toán 100% giá trị khối lượng hoàn thành mỗi giai đoạn.
- Biểu giá hợp đồng xác định theo *Bảng 1*.
- Giá vật tư lập thành *Biểu giá hợp đồng* xác định theo *Bảng 2*.
- Khối lượng hoàn thành theo hợp đồng được nghiệm thu trong giai đoạn 1 xác định theo quy mô đoạn thi công trong *Bảng 3*.
- Khối lượng phát sinh được nghiệm thu giai đoạn 2 xác định trong *Bảng 4*.

BIỂU GIÁ HỢP ĐỒNG

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG ĐƯỜNG NỘI BỘ TRỤ SỞ LÀM VIỆC GXD TP. HCM
 HẠNG MỤC: MẶT ĐƯỜNG
 ĐỊA ĐIỂM: QUẬN 10 – TP HCM

STT	MÃ HIỆU	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	AD.11212	Cấp phối đá dăm loại 2	100m ³	6,090	37.204.957	226.578.191
2	AD.11222	Cấp phối đá dăm loại 1	100m ³	3,654	37.976.839	138.767.371
3	AD.24213	Tưới lớp thấm bảm 1kg/m ²	100m ²	24,360	2.955.862	72.004.804
4	AD.23222	Rải thảm bê tông nhựa hạt trung 4cm	100m ²	24,360	13.705.843	333.874.340
5	AD.24211	Tưới lớp dính bảm 0,5kg/m ²	100m ²	24,360	1.633.953	39.803.094
6	AD.23231	Rải thảm bê tông nhựa hạt mịn 3cm	100m ²	24,360	11.502.652	280.204.603
TỔNG CỘNG						1.091.232.404

Bảng 1. Biểu giá hợp đồng

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ
1	Bê tông nhựa hạt mịn	tấn	1.150.000
2	Bê tông nhựa hạt trung	tấn	1.050.000
3	Cấp phối đá dăm lớp dưới	m ³	180.000
4	Cấp phối đá dăm lớp trên	m ³	185.000
5	Dầu hoả	kg	22.500
6	Nhựa bitum	kg	14.500
7	Nhân công 3,5/7	công	230.354
8	Nhân công 4,0/7	công	248.200
9	Đầm bánh hơi đầu kéo bánh xích 9T	ca	1.222.275
10	Đầm rung tự hành 25 tấn	ca	2.609.619
11	Máy đầm bánh hơi tự hành 16T (lu bánh lốp)	ca	1.489.736
12	Máy lu 10T	ca	1.222.275
13	Máy nén khí điêzen 600m ³ /h	ca	1.469.454
14	Máy rải 130CV-140CV	ca	4.505.658
15	Máy rải 50-60m ³ /h	ca	3.017.215
16	Máy san 108CV	ca	1.953.445
17	Máy ủi 108CV	ca	1.967.512
18	Ô tô tưới nhựa 7 tấn (máy phun nhựa đường)	ca	2.938.577
19	Ô tô tưới nước 5m ³	ca	1.122.997
20	Thiết bị nấu nhựa	ca	297.737

Bảng 2. Giá vật tư

Bảng 3. Quy mô đoạn thi công – Nghiệm thu thanh toán giai đoạn 1.

STT	MÃ HIỆU	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG PHÁT SINH	ĐƠN GIÁ PHÁT SINH
1	AD.11212	Cấp phối đá dăm loại 2	100m ³	1,10	37.204.957
2	AD.11222	Cấp phối đá dăm loại 1	100m ³	0,66	37.976.839
3	AB.31112	Đào nền đường	100m ³	1,76	3.004.813
4	AD.25121	Lu lèn lại khuôn đường	100m ²	4,40	1.756.443

Bảng 4. Khối lượng phát sinh được nghiệm thu thanh toán giai đoạn 2.

STT	MÃ HIỆU	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG PHÁT SINH	ĐƠN GIÁ PHÁT SINH
1	AD.11212	Cấp phối đá dăm loại 2	100m ³	0,09	37.204.957
2	AD.11222	Cấp phối đá dăm loại 1	100m ³	0,5	37.976.839
3	AB.31112	Đào nền đường	100m ³	1,3	3.004.813
4	AD.25121	Lu lèn lại khuôn đường	100m ²	2,40	1.756.443

Bài 7. Hãy sử dụng phần mềm Quyết toán GXD hoặc Excel để lập và hoàn thiện các biểu mẫu thanh toán từng giai đoạn, quyết toán hợp đồng theo Thông tư số 86/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính với các thông tin sau:

STT	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
1	Chiều rộng mặt đường B	m	8,00
2	Chiều dài đoạn thi công theo hợp đồng L	m	304,50
3	Chiều dày CPĐD loại 2	cm	25,00
4	Chiều dày CPĐD loại 1	cm	15,00
5	Chiều dày Bê tông nhựa hạt trung	cm	4,00
6	Chiều dày Bê tông nhựa hạt mịn	cm	3,00

- Loại hợp đồng: Hợp đồng đơn giá cố định.
- Điều chỉnh hợp đồng: Khối lượng phát sinh lớn hơn 20% khối lượng theo hợp đồng xác định theo đơn giá mới. Khối lượng phát sinh nhỏ hơn 20% khối lượng theo hợp đồng xác định theo đơn giá trong biểu giá hợp đồng.
- Điều khoản tạm ứng: Tạm ứng 20% giá trị hợp đồng. Thu hồi tạm ứng từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi khối lượng hoàn thành đạt 80%.
- Điều khoản thanh toán: Thanh toán 100% giá trị khối lượng hoàn thành mỗi giai đoạn.
- Biểu giá hợp đồng lập xác định theo *Bảng 1*.
- Giá vật tư lập thành *Biểu giá hợp đồng* xác định theo *Bảng 2*.

- Khối lượng hoàn thành được nghiệm thu trong giai đoạn 1 bằng khối lượng theo hợp đồng.
- Khối lượng phát sinh được nghiệm thu giai đoạn 2 và đơn giá xác định theo *Bảng 3*.

BIỂU GIÁ HỢP ĐỒNG

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC CÔNG TY GIÁ XÂY DỰNG

HẠNG MỤC: TRUNG TÂM CUNG CẤP PHẦN MỀM QUYẾT TOÁN GXD

Đơn vị tính: đồng

STT	MÃ HIỆU	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	K.LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	AB.11443	Đào móng cột	m3	1001,52	483.536	484.271.409
2	AF.11111	Bê tông lót mác 100	m3	67,68	1.169.702	79.165.406
3	AF.11213	Bê tông móng cột	m3	147,60	1.445.485	213.353.626
4	AF.61110	Sản xuất, lắp dựng cốt thép móng đường kính ≤10mm	tấn	4,90	29.649.528	145.282.688
5	AF.61120	Sản xuất, lắp dựng cốt thép móng đường kính ≤18mm	tấn	5,79	29.782.550	172.440.965
TỔNG CỘNG						1.094.514.096

Bảng 1. Biểu giá hợp đồng

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ
1	Cát vàng	m ³	185.000
2	Đá 1x2	m ³	220.000
3	Đá 4x6	m ³	205.000
4	Dây thép	kg	18.500
5	Nước	lít	10
6	Que hàn	kg	9.500
7	Thép tròn Φ≤10mm	kg	19.500
8	Thép tròn Φ≤18mm	kg	19.800
9	Xi măng PC30	kg	1.045
10	Nhân công 3,5/7	công	271.241
11	Nhân công 3,0/7	công	250.272
12	Máy cắt uốn cắt thép 5Kw	ca	271.359
13	Máy hàn điện 23Kw	ca	378.108
14	Đầm dùi 1,5Kw	ca	271.125
15	Đầm bàn 1Kw	ca	264.026
16	Máy trộn bê tông 250l	ca	352.165

Bảng 2. Giá vật tư

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	K.LƯỢNG PHÁT SINH	ĐƠN GIÁ KLPS ≤ 20% KLHD	ĐƠN GIÁ KLPS ≥ 20% KLHD
1	Đào móng cột	m3	450,60	483.536	450.500
2	Bê tông lót mác 100	m3	35,50	1.169.702	1.052.000
3	Bê tông móng cột	m3	85,60	1.445.485	1.235.000

Bảng 3. Khối lượng và đơn giá phần phát sinh

Bài 8. Hãy sử dụng phần mềm Quyết toán GXD hoặc Excel để lập và hoàn thiện các biểu mẫu thanh toán từng giai đoạn theo Thông tư số 86/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính với các thông tin sau:

- Loại hợp đồng: Hợp đồng đơn giá điều chỉnh.
- Điều chỉnh hợp đồng: Điều chỉnh đơn giá theo phương pháp điều chỉnh trực tiếp giá vật liệu, giá nhân công và máy thi công không điều chỉnh.
- Điều khoản tạm ứng: Không tạm ứng hợp đồng.
- Điều khoản thanh toán: Thanh toán 100% giá trị khối lượng hoàn thành mỗi giai đoạn. Thanh toán giai đoạn theo đơn giá hợp đồng. Thanh toán phần điều chỉnh giá trong lần thanh toán cuối cùng.
- Biểu giá hợp đồng lập xác định theo *Bảng 1*.
- Giá vật tư lập thành *Biểu giá hợp đồng* xác định theo *Bảng 2*.
- Khối lượng hoàn thành được nghiệm thu trong giai đoạn 1 bằng khối lượng theo hợp đồng. (*Tạo giai đoạn 2 thanh toán phần điều chỉnh giá*)
- Giá vật tư lập thành *Đơn giá điều chỉnh* xác định theo *Bảng 3*.

BIỂU GIÁ HỢP ĐỒNG

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC CÔNG TY GIÁ XÂY DỰNG

HẠNG MỤC: TRUNG TÂM CUNG CẤP PHẦN MỀM QUYẾT TOÁN GXD

Đơn vị tính: đồng

STT	MÃ HIỆU	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	BA.13102	Lắp đặt đèn ốp trần D250	bộ	500	431.255	215.627.590
2	BA.13103	Lắp đặt đèn thoát hiểm Exit	bộ	200	477.471	95.494.137
3	BA.18202	Lắp đặt ổ đôi, ổ ba châu	cái	150	90.128	13.519.188
4	BA.16210	Dây dẫn 2*16 mm ²	m	550	97.421	53.581.585
5	BA.15404	Hộp nối ống ghen 50x80mm	hộp	1.200	137.156	164.587.090
6	BA.14402	Ống nhựa chìm HDPE D20	m	1.500	99.333	148.999.392
7	BA.16409	Cáp 4x6mm ²	m	808	49.484	39.983.373
8	BA.19503	Công tơ điện 1 pha	cái	600	197.199	118.319.378
9	BA.17204	Vỏ tủ điện tầng 400x600	cái	100	167.154	16.715.377
TỔNG CỘNG						866.827.109

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ
A	<i>Vật liệu</i>			
1	Bảng gỗ	cái	600,000	10.000
2	Bảng gỗ 450x500	cái	100,000	12.000
3	Công tơ điện 1 pha	cái	600,000	26.600
4	Chao chụp	bộ	700,000	5.000
5	Dây dẫn điện 2x16mm ²	m	561,000	60.000
6	Dây dẫn điện 4 ruột 4x3,5mm ²	m	824,160	27.000
7	Đèn chống nổ	bộ	200,000	300.000
8	Đèn sát trần có chụp	bộ	500,000	280.000
9	Hộp nối, hộp phân dây, hộp công tắc, hộp cầu chì, hộp automat ≤50x80mm	cái	1.200,000	1.500
10	Ổ cắm đôi	cái	150,000	40.000
11	Ống nhựa đường kính ≤27mm	m	1.530,000	8.273
B	<i>Nhân công</i>			
1	Nhân công 3,5/7	công	1.286,536	252.000
C	<i>Máy thi công</i>			
1	Máy khoan cầm tay 0,5kW	ca	149,000	241.000

Bảng 2. Giá vật tư lập biểu giá hợp đồng

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ
1	Bảng gỗ	cái	600,000	12.000
2	Bảng gỗ 450x500	cái	100,000	15.000
3	Công tơ điện 1 pha	cái	600,000	28.600
4	Chao chụp	bộ	700,000	8.000
5	Dây dẫn điện 2x16mm ²	m	561,000	64.000
6	Dây dẫn điện 4 ruột 4x3,5mm ²	m	824,160	22.000
7	Đèn chống nổ	bộ	200,000	280.000
8	Đèn sát trần có chụp	bộ	500,000	250.000
9	Hộp nối, hộp phân dây, hộp công tắc, hộp cầu chì, hộp automat ≤50x80mm	cái	1.200,000	2.200
10	Ổ cắm đôi	cái	150,000	42.000
11	Ống nhựa đường kính ≤27mm	m	1.530,000	9.300

Bảng 3. Giá vật tư điều chỉnh giá

Bài 9. Hãy sử dụng phần mềm Quyết toán GXD hoặc Excel để lập và hoàn thiện các biểu mẫu thanh toán từng giai đoạn theo Thông tư số 86/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính với các thông tin sau:

- Loại hợp đồng: Hợp đồng đơn giá điều chỉnh.
- Điều chỉnh hợp đồng: Điều chỉnh đơn giá bằng hệ số theo Thông tư số 08/2010/TT-BXD Hướng dẫn phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng cho tất cả các đơn giá trong từng giai đoạn thanh toán.
- Điều khoản tạm ứng: Tạm ứng 20% giá trị hợp đồng. Thu hồi tạm ứng từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi khối lượng hoàn thành đạt 80%.
- Điều khoản thanh toán: Thanh toán 100% giá trị khối lượng hoàn thành.
- Biểu giá hợp đồng lập xác định theo *Bảng 1*.
- Giá vật tư lập thành *Biểu giá hợp đồng* xác định theo *Bảng 2*.
- Khối lượng hoàn thành được nghiệm thu xác định theo *Bảng 3*.
- Giả thiết *Hệ số điều chỉnh mỗi giai đoạn* xác định theo *Bảng 4*.

STT	MÃ HIỆU	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	AD.23225	Rải thảm mặt đường bê tông nhựa hạt trung, chiều dày 7 cm	100m ²	84,710	25.306.485	2.143.712.386
2	AD.26222	Sản xuất bê tông nhựa hạt trung bằng trạm trộn 50-60 tấn/h	100tấn	94,107	158.189.153	14.886.706.630
3	AD.27243	Vận chuyển đá dăm đen từ trạm trộn đến vị trí đổ, cự ly 4km.	100tấn	94,107	6.709.978	631.455.856
4	AD.24213	Tưới lớp dính bám mặt đường bằng nhựa pha dầu, lượng nhựa 1,0 kg/m ²	100m ²	84,710	2.963.694	251.054.493
5	AD.11222	Làm móng cấp phối đá dăm loại I lớp trên dày 15cm, đường làm mới	100m ³	93,706	37.798.138	3.541.912.297
6	AD.11212	Làm móng lớp dưới cấp phối đá dăm, đường làm mới	100m ³	97,593	35.572.948	3.471.670.721
TỔNG CỘNG						24.926.512.384

Bảng 1. Biểu giá hợp đồng

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ
A	<i>Vật liệu</i>			
1	Bê tông nhựa hạt trung	tấn	1.407,880	1.120.000
2	Cát vàng	m ³	3.651,352	189.000
3	Cấp phối đá dăm 0,075÷50mm (lớp dưới)	m ³	13.858,206	171.000
4	Cấp phối đá dăm 0,075÷50mm (lớp trên)	m ³	13.306,252	184.000
5	Dầu bảo ôn	kg	3.999,548	31.818
6	Dầu diezen	kg	14.116,050	21.787
7	Dầu hoả	kg	2.719,191	21.452
8	Dầu mazút	kg	79.990,950	15.572
9	Đá 1x2	m ³	3.002,013	214.000
10	Nhựa bitum	kg	531.685,395	15.000
B	<i>Nhân công</i>			
1	Nhân công 4,5/7	công	474,299	271.308
2	Nhân công 4,0/7	công	1.008,930	249.892
3	Nhân công 3,5/7	công	26,599	232.046
C	<i>Máy thi công</i>			
1	Máy rải 130CV-140CV	ca	5,150	4.509.042
2	Máy nén khí diezen 600m ³ /h	ca	4,151	1.471.146
3	Thiết bị nấu nhựa	ca	4,151	299.429
5	Máy rải 50-60m ³ /h	ca	19,678	3.020.599
6	Ô tô tưới nhựa 7 tấn (máy phun nhựa đường)	ca	8,302	2.941.962
7	Trạm trộn bê tông asphalt - năng suất 60 tấn/h	ca	43,572	9.817.964
9	Ô tô tưới nước 5m ³	ca	40,173	1.124.689
10	Ô tô tự đổ 12 tấn	ca	222,093	2.222.128
11	Đầm rung tự hành 25 tấn	ca	40,173	2.611.311
12	Máy đầm bánh hơi tự hành 16T (lu bánh lốp)	ca	77,960	1.491.428
13	Máy lu 10T	ca	29,843	1.223.967
14	Đầm bánh hơi đầu kéo bánh xích 9T	ca	20,495	1.223.967
15	Máy san 108CV	ca	7,807	1.956.829
17	Máy ủi 108CV	ca	69,221	1.970.896
18	Máy xúc 1,6m ³	ca	43,572	2.806.128

Bảng 2. Giá vật tư lập biểu giá hợp đồng

STT	MÃ HIỆU	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG NGHIỆM THU	
				GIAI ĐOẠN 1	GIAI ĐOẠN 2
1	AD.23225	Rải thảm mặt đường bê tông nhựa hạt trung, chiều dày 7 cm	100m ²	38,122	46,588
2	AD.26222	Sản xuất bê tông nhựa hạt trung bằng trạm trộn 50-60 tấn/h	100tấn	42,355	51,752
3	AD.27243	Vận chuyển đá dăm đen từ trạm trộn đến vị trí đổ, cự ly 4km.	100tấn	42,355	51,752
4	AD.24213	Tưới lớp dính bám mặt đường bằng nhựa pha dầu, lượng nhựa 1,0 kg/m ²	100m ²	38,122	46,588
5	AD.11222	Làm móng cấp phối đá dăm loại I lớp trên dày 15cm, đường làm mới	100m ³	42,175	51,531
6	AD.11212	Làm móng lớp dưới cấp phối đá dăm, đường làm mới	100m ³	43,925	53,668

Bảng 3. Khối lượng nghiệm thu hoàn thành

	GIAI ĐOẠN 1 – P ₁	GIAI ĐOẠN 2 – P ₂
Hệ số điều chỉnh giá P _n	1,09	1,05

Bảng 4. Hệ số điều chỉnh giá

III. MỘT SỐ TÌNH HUỐNG THANH QUYẾT TOÁN

1. Nhập diễn giải phần lũy kế giá trị thực hiện đến hết kỳ trước

Câu hỏi: Tôi đang làm hồ sơ thanh toán phần thân, thì có phải phần lũy kế đến hết kỳ trước phải bằng khối lượng phần móng đã hoàn thành hay không?

Trả lời: Kỳ thanh toán trước nếu đã thanh toán xong phần móng (và chưa thêm phần nào khác) thì lũy kế đến hết kỳ trước phải bằng khối lượng phần móng.

2. Nhập diễn giải phần lũy kế giá trị thanh toán trong phụ lục 03.a

Câu hỏi: Chỉ tiêu *Lũy kế giá trị thanh toán* trong phụ lục 03.a phải bao gồm cả giá trị tạm ứng mà nhà thầu đã nhận của Chủ đầu tư đúng hay không?

Trả lời:

Theo hướng dẫn tại Quyết định số 282/QĐ-KBNN ngày 20/4/2012 của Kho bạc Nhà nước, lũy kế giá trị thanh toán có thể tách thành 2 phần:

- Thanh toán tạm ứng: là số tiền mà chủ đầu tư đã thanh toán cho nhà thầu số tiền tạm ứng theo điều khoản của hợp đồng chưa được thu hồi đến hết kỳ trước trừ đi chiết khấu tiền tạm ứng cộng phần thanh toán tạm ứng (nếu có)
- Thanh toán khối lượng hoàn thành: là số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến hết kỳ trước cộng với chiết khấu tiền tạm ứng, cộng phần thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành kỳ này.

Nếu không tách thành 2 phần, tức theo biểu mẫu Phụ lục 03.a của Thông tư số 86/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính thì lũy kế giá trị thanh toán được xác định là lũy kế giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành theo hướng dẫn trên.

3. Cách thể hiện trong phụ lục 03.a (PL03.a) khi hợp đồng quy định thanh toán 90% giá trị khối lượng hoàn thành

Câu hỏi: Trường hợp hợp đồng quy định thanh toán 90% khối lượng hoàn thành, khi đó *giá trị đề nghị thanh toán kỳ này* và *thanh toán khối lượng hoàn thành* sẽ điền thông tin như thế nào?

Trả lời:

Trong phụ lục 03.a: *Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này* và *Thanh toán khối lượng hoàn thành*: khối lượng đã thực hiện có thể là 95% hoặc 100% thì ở PL3a chúng ta điền khối lượng vào đầy đủ.

Việc hợp đồng ký kết thanh toán 90% khối lượng hoàn thành, giải quyết như sau:

Trường hợp 1: Chủ đầu tư phê duyệt PL03.a cho giá trị là 5 tỷ (100%), nhưng chỉ thanh toán 90% giá trị là 4,5 tỷ, lập “giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư” gửi Kho bạc thì Chủ đầu tư đề nghị thanh toán 4,5 tỷ. Khi đủ điều kiện thanh toán toàn bộ lúc đó hồ sơ có Phụ lục 3a thể hiện giá trị 5 tỷ ở Kho bạc, và chỉ cần lập “giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư” 500 triệu mà không cần làm lại thủ tục và PL03.a nữa.

Việc thu lại 10% bảo hành, thì khi làm thanh toán lần 1, giai đoạn bảo hành chưa chính thức bắt đầu.

Trường hợp 2: PL03.a được lập với 90% giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành. Ghi ở dưới cùng của bảng theo quy định hợp đồng chỉ thanh toán 90%, nên đề nghị kho bạc chỉ chuyển giá trị là $90\% \times 5$ tỷ.

4. Tự tạo biểu mẫu thanh toán trong hồ sơ thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành

Câu hỏi: Nếu thêm một biểu mẫu thanh toán tự tạo kẹp vào hồ sơ thì có vi phạm không?

Trả lời: Không có quy định cấm, nhưng cần liên hệ để có sự hướng dẫn của Kho bạc, tránh phải làm lại hồ sơ thanh toán do thừa/sai quy cách.

Ví dụ: Trường hợp hồ sơ quyết toán gồm:

- Lũy kế giá trị thanh toán (theo phụ lục 03a) là 2 tỷ.
- Lũy kế giá trị thanh toán theo phụ lục 04 là 0,5 tỷ.

Khi đó giá trị quyết toán hợp đồng là 2,5 tỷ thì giá trị này sẽ được ghi trong biểu mẫu nào. Vì trong 03a; 04 không có vị trí điền thông tin này?

Phụ lục 03.a vẫn là 2 tỷ (theo hợp đồng), Phụ lục 04 vẫn là 0,5 tỷ (theo phụ lục hợp đồng), không phải điền vào vị trí nào nữa. Từ 2 Phụ lục này chủ đầu tư sẽ lập “giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư” gửi Kho bạc cho cả 2 khoản. Hoặc lập hai “giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư” cùng lúc đều được.

5. Lập hồ sơ quyết toán cho trường hợp đã thanh toán giai đoạn trước với khối lượng hoàn thành chưa chính xác, cần điều chỉnh lại.

Câu hỏi: Chủ đầu tư đã thanh toán cho nhà thầu khối lượng hoàn thành:

Thanh toán đợt 1 giá trị 1 tỷ, thanh toán đợt 2 giá trị 1 tỷ.

Tuy nhiên, đến kỳ quyết toán, khối lượng còn phải thanh toán là 500 triệu, chủ đầu tư phát hiện ra hồ sơ thanh toán đợt 1 & đợt 2 của nhà thầu sai khối lượng, nên phải giảm trừ 300 triệu.

Vậy khi đó giá trị quyết toán thực tế là 2,2 tỷ sẽ được trình bày theo mẫu biểu như thế nào, phần giảm trừ đó điền vào cột nào, biểu mẫu nào?

Trả lời:

Khi làm thanh toán các đợt Kho bạc không bắt buộc bạn phải ghi tất cả các loại công việc của hợp đồng mà chỉ ghi những loại công việc thanh toán ở giai đoạn đó. Trường hợp trong ví dụ trên xảy ra thường xuyên trong các dự án, khi gặp sự cố phải trừ lại khối lượng thanh toán giai đoạn thì trong đợt thanh toán tiếp theo chỉ cần ghi khối lượng âm cho những công việc giảm trừ đó.

Lúc đó ví dụ thanh toán đợt này của bạn là 1 tỷ thì sau khi trừ những công việc âm thì còn 700 triệu, phần còn lại bạn ghi bình thường.

6. Khi nào khối lượng công việc được coi là phát sinh và dùng Phụ lục 04?

Câu hỏi: Giả sử trường hợp nhà thầu ký hợp đồng đơn giá, khối lượng thực tế. Khối lượng trong hợp đồng ban đầu ký kết là 50m³ bê tông. Trong quá trình thực tế thi công, bản vẽ thiết kế không thay đổi nhưng do khối lượng hợp đồng thiếu, nên thực tế thi công

hết 55m³, có biên bản xác nhận tại công trường. Khi đó 5m³ chênh lệch có được xem là phát sinh và có dùng phụ lục 04 hay không?

Trả lời: Đây là trường hợp phát sinh khối lượng công việc có đơn giá trong hợp đồng. 5m³ chênh lệch là khối lượng phát sinh, sử dụng phụ lục 04 để lập giá trị thanh toán cho phần phát sinh này.

7. Những việc cần thực hiện khi phát hiện có phát sinh ngoài hợp đồng

Câu hỏi: Khi phát hiện có phát sinh ngoài hợp đồng, các bên cần phải làm gì?

Trả lời: Phát sinh ngoài hợp đồng có thể do nhiều nguyên nhân như: Đo bóc khối lượng thiếu/lập dự toán thiếu đầu việc/ Thiết kế thiếu hoặc thay đổi.

Thông thường khi phát hiện có phát sinh thì bên B phải thông báo ngay cho bên A, lập dự toán phát sinh để phê duyệt, ký phụ lục hợp đồng để thi công.

Những khối lượng trong trường hợp này sau khi thi công xong, tổng hợp lại thành một bảng khối lượng, có biên bản A-B xác nhận và lập dự toán phát sinh, thẩm tra, phê duyệt (nếu không vượt tổng vốn đầu tư) ký phụ lục hợp đồng.

Trường hợp hợp đồng theo đơn giá cố định: Nếu khối lượng hoàn thành được nghiệm thu >20% khối lượng theo hợp đồng thì được thỏa thuận lại đơn giá, có phải lập lại dự toán (trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác)

Trường hợp khối lượng có sai so với dự toán: Khối lượng phát sinh lớn hơn. Mỗi công việc lại có sai khác, tổng hợp lại khối lượng tăng theo biên bản nghiệm thu và lập lại dự toán bổ sung.

8. Quy định về trình 3 báo giá có dấu đỏ khi trình duyệt đơn giá phát sinh

Câu hỏi: Khi trình duyệt đơn giá phát sinh có yêu cầu bắt buộc nhà thầu trình 3 báo giá có dấu đỏ hay không, nếu có thì căn cứ theo thông tư, nghị định nào ?

Trả lời: Chủ đầu tư và nhà thầu cần thực hiện để đảm bảo tính trung thực, chính xác của nguồn gốc giá vật liệu đầu vào khi lập đơn giá.

Theo ghi chú thông thường trong các *Công bố giá vật liệu địa phương của Liên Sở Tài chính – Xây dựng* thông thường có đề cập: “*Các loại vật liệu khác không có trong công bố giá thì chủ đầu tư và bên nhận thầu xây lắp phải có bảng giải trình cụ thể về quy cách, đặc tính kỹ thuật, mức giá thời điểm mua, địa điểm mua phù hợp với tiêu chuẩn, chủng loại, chất lượng vật liệu sử dụng cho công trình xây dựng, đồng thời phù hợp với thời gian thi công công trình đó và phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của việc này*”.

9. Xử lý trường hợp đề nghị thanh toán khi chưa có biên bản nghiệm thu

Câu hỏi: Trường hợp đề nghị thanh toán chưa làm được biên bản nghiệm thu nhưng muốn thanh toán thì ghi mục Căn cứ xác định: *Biên bản nghiệm thu số ngày... tháng... năm....* của PL03.a như thế nào?

Trả lời: Cần khẳng định thanh toán khi chưa nghiệm thu là làm sai với quy định. Tuy nhiên có một số trường hợp, do sự phức tạp phát sinh từ thực tế do con người, do thời gian, do kế hoạch vốn năm trước, năm sau... do đó sẽ xảy ra tình huống chưa nghiệm thu nhưng phải thanh toán, chuyển tiền. Trường hợp này khi nộp PL03.a không cần kèm theo gì để chứng minh chỉ cần ghi số ngày tháng năm của *Biên bản nghiệm thu*

giai đoạn đó. Vì thế trường hợp này phải “khớp hồ sơ”. Nhưng lưu ý “khớp hồ sơ” cần có cơ sở và phù hợp tiến độ thi công.

10. Điều chỉnh đơn giá hợp đồng trọn gói và hợp đồng đơn giá cố định

Câu hỏi: Hợp đồng trọn gói và đơn giá cố định có được điều chỉnh đơn giá hợp đồng hay không?

Trả lời: Theo các quy định hiện hành, về nguyên tắc, hợp đồng trọn gói và đơn giá cố định không được điều chỉnh giá. Tuy nhiên, với những hợp đồng ký kết trước ngày Thông tư 09/2008/TT-BXD của Bộ Xây dựng có hiệu lực thì được điều chỉnh theo quy định của Thông tư này.

Trừ trường hợp trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu có thỏa thuận khác. Ví dụ đối với hợp đồng trọn gói, chủ đầu tư và nhà thầu tự thỏa thuận về việc điều chỉnh đơn giá trong trường hợp có biến động đột biến về giá vật liệu. Có thể lấy trường hợp cụ thể: Gói thầu phần móng và thân thô tại Tòa nhà CC7- Khu đô thị Linh Đàm: Hợp đồng là hợp đồng đơn giá cố định, nhà thầu và chủ đầu tư đã thỏa thuận rõ trong hợp đồng: “*Trường hợp các vật liệu có biến động lớn hơn 10%, Nhà thầu sẽ làm các thủ tục trình giá vật liệu để Chủ đầu tư phê duyệt và điều chỉnh giá trong Hợp đồng.*”

11. Thanh toán khối lượng công việc phát sinh với hợp đồng trọn gói

Câu hỏi: Thủ tục thanh toán khối lượng công việc phát sinh ngoài thiết kế được duyệt đối với hợp đồng trọn gói như thế nào?

Trả lời:

* Về vấn đề này có thể tham khảo tại:

- Điều 18,19 Nghị định 48/2010/NĐ-CP.
- Điểm e, Khoản 1.7, Điều 11; Khoản 18 Điều 11 – Thông tư 86/2011/TT-BXD của Bộ Tài chính.
- Điều 53 Nghị định 85/2010/NĐ-CP.
- * Nguyên tắc để được thanh toán:
 - Phải có biên bản nghiệm thu và xác nhận khối lượng phát sinh hoàn thành.
 - Phải có hoàn công phần phát sinh và các hồ sơ khác.
 - Phải có dự toán phần phát sinh để ký phụ lục hợp đồng.
 - Ký phụ lục hợp đồng để có cơ sở thanh toán.

12. Thanh toán cho những công việc đơn giá tạm tính

Câu hỏi: Với những công việc tạm tính vì chưa có đơn giá, việc thanh toán sẽ như thế nào?

Trả lời:

Thông thường hiện nay căn cứ vào các mã hiệu đơn giá, định mức của Nhà nước để lập thành đơn giá cho công việc thi công xây lắp.

Với hợp đồng trọn gói và hợp đồng đơn giá cố định, thanh toán sẽ theo đơn giá trong hợp đồng. Với hợp đồng đơn giá điều chỉnh, các khối lượng công việc tạm tính sẽ

được thanh toán phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư dựa trên các yếu tố đầu vào như:

- Hóa đơn chứng từ, Phiếu nhập kho của Vật tư tạm tính đó.
- Hợp đồng mua bán vật tư (nếu cần); Các báo giá thời điểm thi công (nếu cần).
- Một số trường hợp có thể là chứng thư thẩm định giá của đơn vị thẩm định giá có chức năng. Hoặc là kết quả thẩm tra hoặc thẩm định đơn giá, giá vật liệu, giá nhân công, ca máy.

13. Lập hồ sơ thanh toán tiền tạm ứng cho công việc mua vật liệu nhập về

Câu hỏi: Trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu mua toàn bộ vật liệu chính trước để tránh việc trượt giá, sau đó việc thanh toán theo giai đoạn sẽ được xử lý như thế nào?

Trả lời: Trường hợp này cần có sự đồng ý của Chủ đầu tư trong chủ trương thanh toán:

- Nhà thầu cần có công văn tờ trình xin Chủ đầu tư thanh toán tạm ứng
- Chủ đầu tư đồng ý chủ trương thanh toán và yêu cầu Nhà thầu lập hồ sơ

Hồ sơ bao gồm: Khối lượng vật liệu nhập về công trường bao gồm phiếu nhập kho và hóa đơn chứng từ

Việc thanh toán do Chủ đầu tư xác nhận có thể là toàn bộ hoặc 80-90% tùy theo chủ trương;

Việc thanh toán với nhiều nhà thầu sẽ cần xem xét hóa đơn, chọn hóa đơn thấp nhất hoặc cần có việc thẩm định phê duyệt giá của Chủ đầu tư

Việc thanh toán giai đoạn về sau, đơn giá sẽ bỏ giá trị phần vật liệu chính đã được thanh toán trong các công tác nêu trên. Nhà thầu cần có giải pháp đàm phán với Chủ đầu tư về cách thức thanh toán để đỡ thiệt thòi nhất. Vì Nhà thầu có thể được hưởng những khoản chi phí đi kèm (Chi phí trực tiếp khác, chi phí chung, lãi tính trước, chi phí xây dựng lán trại, nhà tạm)

14. Chọn hình thức thanh toán giai đoạn khi thương thảo hợp đồng

Câu hỏi: Khi đàm phán hợp đồng, nhà thầu nên chọn hình thức thanh toán giai đoạn nào cho phù hợp?

Trả lời: Khi đàm phán các giai đoạn thanh toán, thông thường nhà thầu và chủ đầu tư cần căn cứ tiến độ cụ thể để thực hiện việc thanh toán, cụ thể:

- Với hợp đồng trọn gói: Thanh toán là dạng TT tạm ứng nên Nhà thầu cần căn cứ mức vốn có thể huy động để xin thanh toán cho hợp lý.
- Với hợp đồng đơn giá cố định và đơn giá điều chỉnh, giá trị thanh toán cần phải căn cứ khối lượng thực tế hoàn thành. Không nên thỏa thuận thanh toán theo mốc thời gian: Ví dụ theo tháng, theo quý khối lượng công việc nhiều hay ít khác nhau, có thể hồ sơ không chuẩn bị kịp, việc thanh toán sẽ bị trượt mốc hơn nữa khối lượng thực hiện sẽ không tròn theo tầng hay theo cấu kiện.
- Nên chọn hình thức thanh toán theo từng giai đoạn thi công cụ thể, ví dụ:

Phần thân tòa nhà 15 tầng, giá trị khoảng 80 tỷ, có thể chia như sau:

Đết hết tầng 3: Thanh toán tạm ứng khối lượng (thanh toán nhanh)
 Đến hết tầng 6: Thanh toán tạm ứng khối lượng (thanh toán nhanh)
 Đến hết tầng 9: Thanh toán giai đoạn hoàn thành
 Đến hết tầng 12: Thanh toán tạm ứng khối lượng (thanh toán nhanh)
 Đến hết tầng 15: Thanh toán giai đoạn hoàn thành
 Hết phần xây thô tầng 15: Thanh toán nhanh lần cuối
 Quyết toán

*Lưu ý:

- Thanh toán nhanh hay còn gọi là Thanh toán khối lượng hoàn thành, không bao gồm hoàn công
- Thanh toán giai đoạn hoàn thành là thanh toán bao gồm đầy đủ các hồ sơ như hoàn công, biên bản xác nhận khối lượng hoàn thành.

15. Tình huống kiểm toán nhà nước cắt giảm giá trị khối lượng hoàn thành đối với hợp đồng trọn gói

Câu hỏi: Nhà thầu B trúng thầu một gói thầu trụ sở Ngân hàng, ký kết với bên A hợp đồng trọn gói.

Sau khi đã nhận đủ tiền thanh toán 95% (5% giữ lại bảo hành theo quy định trong hợp đồng), Kiểm toán nhà nước phát hiện khối lượng bê tông và ván khuôn tầng 3,4,5 tính theo thực tế thấp hơn trong thiết kế với giá trị giảm khoảng 50 triệu. Vậy nhà thầu có bị giảm trừ giá trị thanh toán không? Ai sẽ chịu trách nhiệm trong việc giảm trừ giá trị giá trị tính thừa này?

Trả lời: Theo quy định của Hợp đồng trọn gói tại:

Mục 2 Điều 48; Điều 58 Nghị định 85/2009/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn đầu thầu và lựa chọn nhà thầu

Điều 18 Nghị định 48/2010/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng

Hai bên đã ký hợp đồng trọn gói thì nhà thầu được thanh toán theo đúng giá trị trong hợp đồng, trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác.

Việc tính thiếu như đã nói ở trên do chủ đầu tư và đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm.

16. Tình huống thanh toán đơn giá điều chỉnh, lũy kế giá trị thanh toán lớn hơn giá trị hợp đồng ký kết ban đầu.

Câu hỏi: Giá trị hợp đồng A-B là 100 tỷ với hình thức hợp đồng đơn giá điều chỉnh. Có 5 đợt thanh toán, mỗi đợt 20 tỷ. Tuy nhiên sau khi thanh toán được 3 đợt, giá trị thanh toán đã đạt đến 75 tỷ. Đợt 4 có giá trị khoảng 25 tỷ, Chủ đầu tư đồng ý cho thanh toán tuy nhiên do giá trị thanh toán đạt đến 100 tỷ (vượt 95% theo quy định hợp đồng) nên phòng Kế toán bên A không chuyển tiền? Cần xử lý như thế nào?

Trả lời: Trong trường hợp này cần có giải pháp như sau: A và B cần đàm phán ký kết phụ lục hợp đồng điều chỉnh giá trị, cụ thể có thể B lập một dự toán điều chỉnh để A phê duyệt và ký phụ lục hợp đồng, giá trị dự toán điều chỉnh cần căn cứ vào các giá trị

đã thanh toán và các giá trị dự kiến sẽ thực hiện. Việc lập dự toán phải đảm bảo dự trù các yếu tố phát sinh để tránh phải lập và phê duyệt lại nhiều lần về sau.

17. Sự khác nhau giữa biểu mẫu thanh toán theo Thông tư số 09/2011/TT-BXD của Bộ Xây dựng so với Thông tư số 86/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính

Câu hỏi: Tại sao nhà thầu lại phải làm các biểu mẫu thanh toán theo Thông tư số 09/2011/TT-BXD của Bộ Xây dựng rồi Chủ đầu tư mới làm theo Thông tư số 86/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính nộp ra kho bạc, quy định ở đâu?

Trả lời: Không có quy định cụ thể hướng dẫn thực hiện trình tự như trên. Nhưng trong nội dung Thông tư số 86/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính và Thông tư số 09/2011/TT-BXD của Bộ Xây dựng có sự khác nhau:

Biểu giá kèm theo hợp đồng là lấy nguyên phần giá dự thầu sau hiệu chỉnh vào làm hợp đồng. Tùy loại hợp đồng trọn gói hay theo đơn giá mà có thể cần phải điều chỉnh đơn giá. Ngoài ra còn phần phát sinh trong và ngoài hợp đồng, ngoài thiết kế có thể phải lập đơn giá mới. Biểu mẫu của 09/2011/TT-BXD mới có các biểu mẫu để làm việc này. Còn sau khi làm được những biểu mẫu theo Thông tư số 09/2011-TT-BXD, ra được khối lượng, đơn giá thì kế toán của chủ đầu tư hoàn thiện biểu mẫu theo Thông tư số 86/2011/TT-BTC để mang ra kho bạc thanh toán.

18. Trường hợp thanh quyết toán công trình có phát sinh tăng và phát sinh giảm

Câu hỏi: Tôi đang làm quyết toán một công trình theo đơn giá cố định nhưng gặp khúc mắc như sau: Chủ đầu tư và nhà thầu đã ký phụ lục hợp đồng do điều chỉnh khối lượng trong đó có 2 phần riêng biệt: phát sinh tăng và phát sinh giảm. Tổng giá trị phát sinh là phát sinh tăng trừ đi phát sinh giảm. Vậy phần phát sinh giảm đưa vào phụ lục 03.a hay phụ lục 04?

Trả lời: Nếu trong hợp đồng không có thỏa thuận khác thì theo Thông tư số 86/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính có quy định:

Phụ lục 03.a: Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán

Phụ lục 04: Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng đề nghị thanh toán.

Vậy: Phần phát sinh giảm có thể đưa vào phụ lục 03.a với giá trị âm, còn phần phát sinh tăng đưa vào phụ lục 04.

19. Thanh quyết toán một lần cho khối lượng theo hợp đồng và phần phát sinh

Câu hỏi: Bên tôi lập hồ sơ quyết toán theo Thông tư số 86/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính. Trong đó có 2 phần là khối lượng theo hồ sơ dự thầu và khối lượng phát sinh, khối lượng phát sinh đã được ký phụ lục hợp đồng rồi. Bên tôi đề nghị thanh toán 1 lần vậy toàn bộ khối lượng đó tôi đưa vào PL03.a hay vẫn phải tách phần khối lượng phát sinh ra và đưa vào PL04?

Trả lời: Khối lượng bổ sung, phát sinh đều phải được thẩm định phê duyệt. Sau đó nhà thầu đề xuất đơn giá (khối lượng không có đơn giá trong hợp đồng cũ). Hai bên thỏa thuận sau đó ký phụ lục hợp đồng. Vì vậy không thể đưa phần phát sinh vào phụ lục 03a cùng với khối lượng hợp đồng đã ký kết.

Khối lượng phát sinh cần phải làm riêng ra và đi kèm theo là các biên bản nghiệm thu đã được các bên ký xác nhận khối lượng phát sinh để có cơ sở thanh toán.

20. Thanh quyết toán khối lượng hoàn thành hợp đồng tư vấn theo tỷ lệ phần trăm (%)

Câu hỏi: Khi thanh quyết toán chi phí tư vấn, cụ thể là tư vấn giám sát thì hồ sơ thù tục thế nào? và có phải làm theo PL03.a hay không?

Trả lời:

Tiến hành lập hồ sơ thanh toán theo PL03.a, trong đó đầu mục tên công việc là tư vấn giám sát, khối lượng theo giá trị xây lắp, đơn giá tính theo tỷ lệ phần trăm quy định trong hợp đồng. Các phần diễn giải khác tuân theo quy định.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.
2. Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng.
3. Thông tư số 08/2010/TT-BXD ngày 29 tháng 7 năm 2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng.
4. Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước
5. Thông tư số 19/2011/TT- BTC ngày 14 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước
6. Quyết định số 282/QĐ - KBNN ngày 20/04/2012 của Giám đốc Kho bạc Nhà nước về hướng dẫn phương pháp lập bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán.
7. Quyết định số 788/QĐ-BXD ngày 26/8/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn đo bóc khối lượng xây dựng công trình
8. Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ.

Với thời gian và khả năng hữu hạn, nhóm tác giả mong chia sẻ một phần nào kiến thức và kinh nghiệm của mình tới các đồng nghiệp và độc giả. Hy vọng nhận được nhiều sự phản hồi, góp ý của bạn đọc để có thể hoàn thiện hơn trong các tài liệu hướng dẫn xuất bản những lần sau.

Mọi thông tin đóng góp về nội dung tài liệu và phần mềm Quyết toán GXD, quý đồng nghiệp và độc giả vui lòng liên hệ:

Email: daotao@giaxaydung.com hoặc tranlinh@giaxaydung.com

Hotline: 098 281 2793 – 094 789 2293

Địa chỉ: Số 2A – Ngõ 55 – Nguyễn Ngọc Nại – Thanh Xuân – Hà Nội

Nhóm tác giả thực hiện:

Chịu trách nhiệm: Th.s Nguyễn Thế Anh

Biên soạn nội dung: Th.s. Ks. Vũ Minh Hoàn

Ks. Trần Hoàng Linh

Cùng tập thể đồng nghiệp trong Công ty Cổ phần Giá Xây Dựng.

**CHÚC CÁC BẠN LÀM VIỆC HIỆU QUẢ VỚI PHẦN MỀM GXD!
THÂN ÁI VÀ QUYẾT THẮNG!!!**